

I THÁNG I 2 NĂM 1968

BACH KHOA

T H C I D A I

năm mười hai

VÔ PHIẾN *tiếng cú* * NGUYỄN HIỂN LÊ *thăm trạng*
nhược tiều : *khóc lên di Irak* * LÝ CHÁNH TRUNG
cuộc cách mạng của nhà giàu : *cảm nghĩ về cách*
mạng Hoa-kỳ * VŨ BẢO *đệ nhất phu nhân mới*
của Hoa-kỳ : *Pat Nixon* * DƯƠNG TẤN TƯƠI
ngàn vàng đổi một nụ cười * TẠ CHÍ ĐẠI *TRƯỜNG*
lịch sử chủ nghĩa thực dân dưới quan điểm thích
nghi văn hóa * LÊ HƯƠNG *chợ trời dọc biên giới*
Việt Miên : *chợ trời Tịnh-Biên* * HOÀNG NGỌC
TUẤN *thuở ấy có nhà* * NGÊ BA LÍ *rời thủ đô*
miền Nam, đối mặt với người iêu * PHẠM THIÊN
THƯ *chim ; trắng ; thu hứng* * TỪ TRÍ *thời sự*
quốc tế **SINH HOẠT** *thời*
sự văn nghệ * *thời sự*
khoa học * *thời sự kinh tế.*

286



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

- *associe :*
- L-LYSINE
 - VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
 - PANTOTHENATE DE CALCIUM
 - GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 286 ngày 1 - 12 - 1968

VÕ PHIẾN <i>tiếng cú</i>	5
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>thảm trạng nhược tiều : khóc lên đi Irak !</i>	11
TẠ-CHÍ ĐẠY-TRƯỜNG <i>lịch sử chủ nghĩa thực dân dưới quan điểm thích nghi văn hóa</i>	19
VŨ BẢO <i>đệ nhất phu nhân mới của Hoa-kỳ : Pat Nixon</i>	25
LÝ CHÁNH TRUNG <i>cuộc cách mạng của nhà giàu : cảm nghĩ về Cách-mạng Hoa-kỳ</i>	31
DƯƠNG TẤN TƯƠI <i>ngàn vàng đổi một trận cười</i>	38
LÊ HƯƠNG <i>chợ trời dọc biên giới Việt - Miên : chợ trời Tịnh-Biên</i>	44
HOÀNG NGOC TUẤN <i>thuở ấy có nhà (truyện ngắn)</i>	49
NGHÊ BÁ LI <i>rời thủ đô miền Nam đối mặt với người yêu (thơ)</i>	58
PHẠM THIÊN THU <i>chim ; trăng ; thu hứng (thơ)</i>	59
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	61
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	63
DUY <i>thời sự kinh tế</i>	67
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới.</i>	71

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở Giá gấp đôi :

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Đông-kinh nghĩa-thực**, phong-trào duy-tân đầu tiên ở Việt-nam của Nguyễn Hiến-Lê do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 180 trang, in lần thứ hai, có sửa chữa và tăng bổ gấp rưỡi lần trước, gồm 14 chương và 3 phụ lục. Bản đặc biệt.

— **Đế-thiên Đế-thích** du-ký của Nguyễn Hiến Lê, do Thời mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang, kể lại hành-trình từ Saigon đến Siem Reap rồi Angkor Thom, Angkor Vat và phần phụ lục có nói đến vị vua anh dũng cuối cùng của thời-đại Angkor — Giá 50đ

— **Bảy bước đến thành công** do Nguyễn Hiến Lê viết phỏng theo cuốn Give yourself a chance của Gordon Byron, nhà xuất bản Nguyễn-Hiến-Lê ấn hành và gửi tặng. Sách dày 194 trang, ngoài những chương về luyện lòng tự tin, rèn nghị lực, luyện nhân-cách, luyện trí v.v., còn một chương do dịch-giả biên soạn là : Khéo dùng tiếng Việt. Bản đặc biệt. Giá bán thường 120đ.

— **Jean - Paul Sartre** anh hùng và nạn nhân của « ý thức khổn khổ » nguyên tác « Jean Paul Sartre, Héros et victime de la « conscience malheu-

reuse » của André Niel, bản dịch của Tôn-Thất-Hoàng, do Ca-dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Đây là một tiểu-luận về bi kịch tư tưởng Tây phương dày 262 trang. Bản đặt biệt.

— **Gió cuốn** truyện dài của Võ-Hồng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Truyện dài xã hội có tính chất thời-đại đặc sắc và mới nhất của Võ Hồng, dày hơn 300 trang Giá 140đ.

— **Thung lũng rắn** truyện thiếu nhi của Nguyễn Trường Sơn do Anh-Huy xuất bản và gửi tặng. Truyện dài thứ 6 của tác giả trong tủ sách Tuổi-hoa, dày trên 150 trang, rất hợp với tuổi nhỏ. Giá 40đ.

— **Cốt tủy của Đạo Phật** nguyên tác The essence of buddhism của daisetz teitaro Suzuki, bản dịch của Trúc-Thiên do nhà xuất bản An-Tiêm ấn hành trong « Tủ sách Phật học » và gửi tặng

Sách dày trên 150 trang, có phần phụ lục về tiểu-sử và văn nghiệp của Suzuki. Giá 85đ.

— **Gót chân huyền ảo** tập thơ của Phụng Thiên và P.T. Ca Hát, do Song-ca xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ trình bày rất trang nhã dày 90 trang gồm 16 bài thơ của P.T. Ca Hát và 24 bài thơ của Phụng Thiên, Vũ-Hoàng-Chương cảm đề và Hiếu-Đệ vẽ bìa. Bản đặc biệt.

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI

SỐ BÁCH-KHOA KỶ NIỆM 12 NĂM và SỐ TẾT KỶ DẬU sẽ xuất bản vào các ngày 15-1-69 và 1-2-69 như thường lệ. Vậy những bài về các số đặc biệt trên đây, trân trọng xin quý bạn gửi đến trước ngày 15-12-1968 cho Tòa soạn kịp sắp xếp. Chân thành cảm tạ.

TIẾNG CÚ

Ngày 6 tháng 11 vừa qua, dân Sài Gòn bám riết theo các diễn tiến cuộc bầu cử ở Hoa-kỳ. Tại hội Việt Mỹ, từ xế chiều, người đã đông nghẹt. Trong các gia đình, thiên hạ lắng tai dán mắt vào các máy thu thanh, thu hình. Cho đến mười hai giờ đêm, ông Nixon còn ngừng lại ở con số 261 điểm cử tri đoàn. Cho nên giấc ngủ đêm đó, ở Sài Gòn, có phần bất an.

Chắc chắn ở Mạc-tư-khoa, ở Bắc-kinh, ở Hà-nội, ở Đài-loan v.v .., giới chính trị cũng chăm chú, hồi hộp. Thế giới bây giờ hẹp lại; hoạt động của một nước lớn như Hoa-kỳ ảnh hưởng đến cuộc sống khắp nơi, cho nên khắp nơi có lý khi theo dõi việc Hoa-kỳ chọn người cầm đầu.

Ai nấy theo dõi việc ấy, nhưng riêng thái độ theo dõi đầy lo lắng của người Việt - nam mang một ý nghĩa đáng thương. Chúng ta đang cần đến sức mạnh của Hoa-kỳ để bảo vệ xứ sở, chiến cuộc đang đi tới hồi kết thúc, bỗng Hoa-kỳ biểu lộ một quan điểm khả nghi, giữa ta với Hoa-kỳ nảy ra một trục trặc: Chết! họ năn lòng, họ định bỏ rơi ta sao? Ông Mỹ này hết tin cậy được rồi, ước gì có ông Mỹ khác.

Sự chờ đợi ông Mỹ khác của chúng ta là chờ đợi mong mỗi một cái gì liên quan đến vận mệnh nước nhà.

Đừng có ai vội nổi nóng lên mà nhiech mắng: nào là đầu óc vọng ngoại, nào là tinh thần nô lệ v.v.. Niềm kiêu hãnh dân tộc thật đẹp đẽ, nhưng chiến cuộc hiện tại không còn là chuyện riêng của dân tộc ta nữa. Người Việt ngoài Bắc dùng súng đạn, hỏa tiễn của Nga, Tiệp, Tàu; người Việt trong Nam bắn bằng súng đạn của Mỹ. Người Việt ngoài Bắc đi phó hội ở Ba lê lần nào cũng ghé xin ý kiến của Bắc - kinh, Mạc-tư-khoa; người Việt miền Nam mỗi lúc mỗi bàn bạc với sáu bạn đồng minh ở Honolulu, ở Manila. Đánh nhau có bè, hoàn hau cũng phải có bọn.

Không phải chỉ có chúng ta lâm vào cảnh ấy. Kiêu hãnh như Do-thái mà sáng hôm sau họp hội đồng nội các Tel-Aviv để quyết định chiến hay hòa, tối hôm trước ngoại trưởng Do-hái còn châu chực gặp Tổng-thống Johnson ở Hoa-thịnh-đốn, và gần như bị hất hủi. Quá giờ hẹn, chẳng thấy ai nhắc đến, ngoại trưởng mò mẫm vào tòa Bạch Ốc, không người hướng dẫn, nên quờ quạng lạc đường, vào lộn phòng, và một nhân viên an ninh đã gọi điện thoại thông báo: « Có cái ông nào đó, tự xưng tên là Abba Eban... » Lại đánh giấc thần sầu quỷ khốc như Do-thái, thế mà rồi rớt cuộc, đến giờ phút quyết định, đại biểu Hoa-kỳ gần như túm áo đầy đại biểu Do-thái lên diễn đàn Liên-hiệp-quốc tuyên bố chấp nhận ngưng chiến. Dĩ nhiên, trong chiến cuộc sáu ngày xảy ra hồi năm

ngoái, thái độ của Ai-cập bên cạnh Nga-xô càng thiếu náo hơn.

Tình trạng thế giới ngày nay nó đã như thế, biết làm sao được. Điều đáng thương cho chúng ta là trót sống vào một thời kỳ mà số phận các nước liên hệ với nhau quá nhiều, và các nước nhỏ thì liên hệ một cách tai hại vào các nước lớn ; là sống ở một nước mà cái thế lưỡng phân lại trót khiến cho mỗi liên hệ kia càng tai hại thêm. Điều đáng thương là trong hoàn cảnh ấy, vấn đề đối với chúng ta là chuyện sinh tử, đối với người có thể là đối tượng của những so tính bản tiện ; vấn đề trong tâm tư ta có một tầm lớn lao vô hạn, đối với người chỉ là một chuyện trong bao nhiêu chuyện rắc rối khác. Thế mà ta không thể nhất quyết không chờ đợi mong mỏi ở người.

Mong chờ đầy lo lắng như thế, mà hy vọng tính ra chẳng đáng bao nhiêu.

oOo

Không phải vì cái lẽ mà nhiều người vẫn nói: Ông nào thì cũng thế. Lúc tranh cử nói nọ nói kia, nhưng được bầu lên cầm quyền rồi thì ai cũng hành động vì quyền lợi quốc gia của họ...

Nghĩa là ai rồi cũng làm như nhau.

Không hẳn như vậy đâu. Đánh rằng quan điểm của những kẻ cầm quyền thường giống nhau, rằng họ bao giờ cũng vì quyền lợi nước họ trước tiên, tuy nhiên quyền lợi Hoa-Kỳ xui ông Truman làm cách khác mà lại xui Mac Arthur làm cách khác, quyền lợi Nga xô khiến Staline làm thế này mà lại khiến Kruachev làm thế kia, quyền lợi Trung Cộng theo ý kiến của Mao Trạch Đông khác với ý kiến của Lưu Thiếu Kỳ.

Quyền lợi Hoa-kỳ có thể bảo ông Tổng-thống này: Nhường Hà nội đi là hơn. Hãy rút binh sĩ về, hãy lo giải quyết những vấn đề sinh tử của quốc gia trong lúc này. Những vấn đề ấy là nạn kỳ thị trắng đen, là mức sống người nghèo, là hố chia rẽ giữa các thế-hệ. Bỏ vai trò cảnh binh thế giới đi, đừng có thiết tha với Việt-nam quá mà mất bạn mất bè hết : dư luận thế giới phản đối ầm lên thế kia, không thấy sao ?

Quyền lợi Hoa-kỳ lại có thể bảo ông Tổng-thống khác: Vấn đề trọng yếu nhất vẫn là chống lại sức xâm lấn của cộng sản. Nhìn xa, đó là vấn đề sống còn của quốc gia, của tự do. Việt nam mà sụp đổ là sụp đổ cả sự tín nhiệm của các nước nhỏ yếu vào Hoa-kỳ, là sự tràn lấn của cộng sản khắp nơi. Hãy ủng hộ sự cố gắng của Việt nam, tới cùng. Hãy kiên nhẫn.

Những người Việt nam thao thức trong đêm 6-11 nghĩ rằng ông Nixon sẽ cứng rắn với cộng sản. Họ thao thức vì vận mệnh của xứ sở mình. Cũng như những ông nghị sĩ đã đánh điện đi cầu mong cho ông Nixon thắng cử.

Những kẻ thao thức rồi đã vui mừng : trên các nhật báo ra ngày 7, ngày 8, ngày 9-11, thấy có những bài như là reo hò, hê hả. Những kẻ cầu mong rồi đã thỏa mãn : họ lại đánh điện chúc mừng. Và ông Nixon trong chân tướng có lẽ cũng không khác ông Nixon trong kỳ vọng của những kẻ ấy. Nhưng e rằng ông Nixon trong hành động rồi cũng không đáp ứng được kỳ vọng. Ông ta sẽ gặp quá nhiều khó khăn trong hành động. Trong con người khắp nơi và muôn thuở có một khía cạnh dễ ngăn trở hành động của ông ta.

oOo

Trọn cả cuốn thứ nhì trong bộ *Những ngã đường của tự do* của Jean-Paul Sartre là nhằm vào cái khía cạnh ấy. Nhà văn cay cú đối với những đoàn phụ nữ kéo nhau xông vào tận chuồng bò trong lúc người ta bận vắt sữa, dúi bút vào tay người ta xin hối hả một chữ ký cho hòa bình. Nhà văn gọi Chamberlain là lão già, và đã mô tả lão già trong tư thế thảm hại. Thảm hại trước Đức quốc-xã, mà lại tàn nhẫn trước kẻ đại diện tội nghiệp của Tiệp-khắc : lão già nghe đọc lại bản hiệp ước Munich mà ngáp lên ngáp xuống, không mấy may quan tâm đến xúc động của nạn nhân.

Jean-Paul Sartre cay cú, nhưng Chamberlain khó làm khác hơn. Cả Châu-Âu hồi hộp theo dõi ông ta. Trong từng gia đình, người ta vừa nghe ra-đi-ô, vừa đọc báo, vừa nghĩ đến mạng sống của chồng, của con, của tình nhân. Và Chamberlain hạ bút ký một phát ở Munich, thiên hạ bấy giờ không tiếc lời hoan nghênh ông ta đâu nhé.

Thật vậy, ngày 29-9-1938, từ Bel-lême, Roger Martin du Gard viết thư cho André Gide : (...) « Vào giờ phút mà tôi viết cho bạn đây, Chamberlain và Daladier ngồi đối diện với hai tên tướng cướp. Họ làm những gì ? Phải trả giá tới đâu ? Tôi rất ngại người ta đem nước Tây-ban-nha ra bán tại đây, như người ta đã từng đem bán nước Ethiopie... Nhưng tôi nghĩ thà rằng tất cả còn hơn là chiến tranh... » André Gide nồng nhiệt hơn nhiều, trong bức thư đề ngày 2-10-1938 gửi cho Roger Martin du Gard : « Theo tôi dường như thắng lợi ấy sẽ

có những ảnh hưởng quan trọng trong tương lai. Tôi dùng chữ « thắng lợi » có sai lầm chăng ? Dưới mắt tôi đó là một thắng lợi. Nhưng có tính chất khá lạ lùng, bởi vì nó được cả đôi bên hoan nghênh như nhau. Vũ lực đã phải nhường bước cho lý trí. Rốt cuộc, thành ra là một sự thất bại của Hitler. Y đã chiếm được cái mà y muốn ; vâng ; nhưng dù sao y cũng đã phải khuất phục, phải co vùi ; và dân tộc của y sở dĩ hoan hô là vì thoát khỏi chiến tranh, nhiều hơn là vì được sát nhập thêm mấy mảnh đất mới và nhóm dân mới. »

André Gide tỏ ra thành thạo về chính trị hơn bạn : ông đã phân tích sự « thắng lợi » khá kỹ.

Thắng lợi ấy, đây đó các chính phủ cương quyết bảo vệ. Tiệp-khắc bị Anh Pháp bỏ rơi toan quay sang Nga cầu cứu thì Ba lan tuyên bố cấm phi cơ Nga bay qua không phận mình để giúp Tiệp. Câu tuyên bố đẹp ý Nga quá xá. Ba-lan đã hách như thế, Bỉ tuy nhỏ nhưng cũng tỏ ra khẳng khái như ai, Thủ tướng Paul Henri Speak bèn đồng dục bảo đại sứ Pháp : « Nếu quân đội nước ngài hy vọng băng ngang qua xứ tôi để đến cứu Tiệp-khắc, quân đội ngài sẽ đụng đầu ngay với quân đội Bỉ. » Hẳn là vị đại sứ Pháp bây giờ nín cười đau cả ruột : quân đội xứ ngài đâu có tính một chuyện đụng đầu nguy hiểm như thế.

Quả như André Gide tiên đoán, trong một tương lai không xa sau đó, cả Ba-lan lẫn Bỉ đều trông thấy ngay « những ảnh hưởng quan trọng » của « thắng lợi ». 1938 — 1939 : chỉ một năm thôi, đâu có xa xôi gì. Cái tầm mắt của những nhà văn lớn nhất nhĩ thế giới

và của những chính trị gia cao cấp nhất nhì thế giới bây giờ chỉ đến chừng ấy sao? Có lẽ mắt họ có thể tinh hơn, chẳng qua sự run sợ làm mờ yếu nhãn lực.

Ngày nay, đối với Jean Paul Sartre, tình thế đã xoay ngược hẳn lại. Và kẻ xông vào các chuồng bò cái để phá rộn những bà đang vắt sữa có thể không ai khác hơn là bà Simone de Beauvoir chẳng hạn. Tuy nhiên, một khía cạnh trong tâm hồn con người vẫn còn nguyên vẹn: lòng yêu hòa bình. Và chính vì đó, Jean-Paul Sartre lần này sẽ thôi cay cú.

Còn Nixon, thì cũng chính vì chỗ đó mà ông ta sẽ không « cứng » được như ai nấy vẫn tưởng.

oOo

Muốn cứng thì lúc này là lúc cần cứng rồi. Mùa hè năm nay phái viên của báo *L'Epress* được một nhân vật trong đảng cộng sản Ba lan cho biết: « Nga xô đang chuẩn bị chiến tranh ». Ít lâu sau đó, một lãnh tụ công đảng Ý xác nhận việc ấy.

Lúc quân đội Nga xô và các nước bạn tràn vào chiếm đóng Tiệp khắc, quân đội Tiệp được lệnh bất động. Trong những ngày bất động nhàn rỗi, bộ tham mưu Tiệp bèn bàn bạc về thời thế, và trình nhận định của mình lên Alexandre Dubcek trong một bản báo cáo mật. Nhận định ấy cũng đồng một chiều hướng như của cộng đảng Ý và Ba lan.

Còn De Gaulle, ông ta thấy sớm hơn. Không chờ đến lúc Nga động binh ở Đông Âu, đe dọa Lỗ, Nam Tư, Tây Đức, ông tướng lão thành này đã tiết lộ sự lo ngại với kẻ thân cận: « Kể từ cuộc chiến tranh Do thái, thế giới đã rời bỏ thời kỳ hậu chiến để trở lại thời tiền chiến. »

Sống chung hòa bình là chuyện cũ kỹ rồi. Bây giờ chúng ta đang đợi một cuộc chiến tranh lớn có thể xảy ra. Hãy mau mau chuẩn bị trong những ngày chờ đợi gay gắt.

Và De Gaulle bấy lâu hục hặc bỗng nhớ đến khối Đại Tây Dương bỗng nhích lại gần Hoa kỳ. Trung tuần tháng 10-68 ngoại trưởng Michel Debré đến Hoa - thịnh - Đồn ba hôm tiệc tùng thân mật với Dean Rusk, ngồi xem tivi trong Bạch ốc bên cạnh Johnson lúc phóng phi thuyền Apollo 7 lên trời. Trung tuần tháng 11.68, khối minh ước Bắc Đại Tây Dương nhóm họp.

Nhưng khi cảm thấy mối đe dọa trước mắt, phản ứng của người ta là sát lại bên nhau đề tự vệ, và chỉ đề tự vệ thôi chứ không phải đề tấy máy nghịch ngợm đụng chạm đến lực lượng đe dọa. Ồ, khiêu khích là cái tối kỵ.

Khi đất nước lâm vào tình thế ngặt nghèo, Abba Eban đến xin yết kiến De Gaulle, một người bạn vốn hiểu các thói quen của Tổng-thống Pháp, mách cho Ngoại-trưởng Do-thái: « Khi anh vừa ngồi xuống, ông ta sẽ bảo: « Thưa ông Bộ-trưởng, tôi xin nghe. » Lúc đó anh cứ việc tuông hết nỗi lòng ra. » Nhưng lần này bất chấp thói quen, De Gaulle gặp khách là chặn đầu liền: « Xin các ngài đừng đánh nhau! Bất cứ trong trường hợp nào, xin các ngài đừng khai chiến trước tiên! » Và mặc cho Eban phân trần đến đâu, De Gaulle vẫn không lay chuyển.

De Gaulle không lay chuyển nổi, Johnson cũng không lay chuyển nổi. — « Các ngài » bị bóp nghẹt, « các ngài » hãy ráng chịu, nhất định là « các ngài »

sẽ chịu được, — cảm « các ngài » động thủ. Phải để cho ông yên thân. Đừng làm ồn lên, Lỡ « họ » nổi giận lên thì rầy rà đến cả ông đấy nhá. Ngoan nhá.

Do-thái không được ngoan, may mà nhanh nhẹn làm nên chuyện. Đến lượt Việt-nam cũng không được ngoan, và đang chịu nhiều trách cứ : Trời, ngồi nhanh vào bàn họp đi cho rồi. « Họ » sắp nổi giận đấy, Không khéo phiền các ông đến nơi. Dư luận cả thế giới yêu chuộng hòa bình sắp nổi giận đấy, thấy chưa ?

Vì dư luận thế giới yêu chuộng hòa bình nên khi có tin ngưng oanh tạc toàn thể Bắc-việt, tuyệt chẳng có một ai dám phản đối, kể cả những đồng minh quyết liệt nhất như Đại-hàn, kể cả chính kẻ từ chối chia xẻ trách nhiệm về quyết định nói trên với Hoa-kỳ. Biết chuyện xảy ra tai hại vẫn phải tuyên bố tán thành, méo mặt tán thành. Nếu không, đối phương nổi giận, mà thế giới yêu hòa bình cũng nổi giận. Đây là một thắng lợi thuộc vào cái loại « có tính chất khá lạ lùng » theo lời André Gide, « được cả đôi bên hoan nghênh như nhau ».

Vì vậy đến lúc cần cứng, cũng chẳng dễ gì cứng được, cũng không mấy ai cứng được.

Trái lại tình hình càng căng thẳng, không khí càng ngột ngạt vì đe dọa, quần chúng càng có tâm trạng lo ngại, càng đâm yêu mê yêu một hòa bình, càng thích những lời trấn an từ cửa miệng các chính khách, và mỗi khi sử dụng lá phiếu thì càng chọn lựa kỹ càng cho được đúng cái ông yêu hòa bình nhất. Dĩ nhiên ấy là nói tình trạng ở bên này. Còn ở phía gây hấn, thực tế không có lá phiếu

chọn lựa người cầm quyền, cũng như không có dư luận quần chúng.

Vậy nhận định « trở lại thời kỳ tiền chiến » chỉ có nghĩa là chúng ta sẽ cô độc thêm, việc chúng ta sẽ được giải quyết vội vã thêm cầu thả thêm, trong tinh thần « để cho ông yên thân ».

oOo

Cầu thả, chẳng hạn như việc chấp nhận một phái đoàn của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Họ vào bàn hội nghị thành một phái đoàn, họ không thể ra khỏi bàn hội nghị thành một làn khói. Họ không thể bốc hơi ngay trong hội nghị. Không ai tự ý đến hội nghị để tự xử án tiêu hủy mình.

Vậy thì họ không lo sẽ phải giải giới, tay không trở về với đời sống chính trị của bên này. Họ tin sẽ tồn tại, và họ ráo riết chuẩn bị cho sự tồn tại biệt lập và quy mô của mình, họ vội vã thành lập các ủy ban nhân dân giải phóng, từ xã ấp đến quận tỉnh, đến trung ương ương.

Người ta nói đến sự trở về của hiệp định Genève, trở về tình trạng 1954. Nếu cứ cái đà này thì đâu có chuyện trở về suông sẽ được. Năm 1954, ngưng bắn là cộng sản bằng lòng thu xếp rút ra Bắc Việt ; có kẻ ở lại cũng là ở lén lút, bí mật, kín đáo. Lần này họ tính chuyện ở lại công khai sau khi ngưng bắn, với những ủy ban cao ủy ban thấp khắp nước. Hoàn cảnh khác xa. Năm 1954 họ ra đi như thế mà bốn năm sau họ đã lục tục trở vào đủ số để gây sự ; huống hồ lần này.

Trong nước Tiệp khắc của Edward Benes năm 1946, Cộng sản đâu có vai trò gì lớn, thế mà hai năm sau Tiệp-khắc đã là của họ. Nếu nước ta cả gan mang trong lòng nguyên cả một hệ

thống chính quyền cộng sản gồm những ủy ban đủ các cấp, thì sức mấy mà chịu thâu.

Chúng ta không chấp nhận ư? Chúng ta sẽ làm cho thiên hạ sốt ruột. Ai nấy đều nóng lòng, đều cần một thắng lợi gấp, loại thắng lợi cho cả đôi bên. Chần chờ làm cầm, để thiên hạ sốt ruột, là điều tai hại lắm, phải chơi đâu.

oOo

Vậy chúng ta bị xô đẩy tới thăm họa thực sao? Trời quang mây tạnh, lẽ đâu chúng ta chìm tàu trước con nước mắt thỏa mãn của người xung quanh?

Không hẳn là định mệnh đã an bài. Năm ngoái Do-thái đã từng quyết định trái với lời khuyên của Pháp, Anh, Mỹ. Có khả năng và có quyết tâm, họ đã quyết định trái lại.

Còn trong trường hợp đánh thúc thủ, thì đã có tiền lệ trong các vụ Tiệp-khắc,

vụ Éthiopie, vụ Espagne thời tiền chiến. Có những quốc gia nhỏ bé đành mất tự do trong cảnh thanh bình của thế giới. Để cứu vãn cái ảo tưởng thanh bình của thế giới. Người xưa vẫn hạ dè tể thần, có khi tể bằng cả mạng người để cầu mong tránh cho tập thể những ôn dịch tai ương.

Những điều như thế thật không nên đề cập tới, không nên nói đến. Có một chút ý thức chính trị, thì không nói những lời ấy. Chính trị gia không nói những lời ấy, họ sẽ nói: truyền thống bất khuất, chiến thắng oai hùng, trường tồn bất diệt v.v... Đó là những lời ích lợi, cần thiết. Nó làm cho con người khỏi mềm và xịu xuống như nền gập lữa.

Tuy nhiên, không phải thỉnh thoảng cũng có lúc chúng ta cần nghe một lối nói không phải của chính trị gia sao?

VO PHIẾN

II — 68

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1433BYT . D.P.Đ.

Khóc lên đi IRAK

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Nouri Said, Pierre Laval của Irak

Vì quyền hành ở cả trong tay Nouri Said chứ không phải ở nhà vua Fayçal II.

Giòng Hachémite thật là gặp nhiều tai họa. Tình cảnh Fayçal II cũng gần giống tình cảnh Hussein, anh họ của ông ở Jordanie. Hai người tuổi xuýt soát nhau, cùng học với nhau ở trường Harrow bên Anh (sau Hussein vô trường võ bị Sandhurst, Fayçal II không). Cha Hussein bị bệnh thần kinh (thực dân Anh bảo vậy) và đẩy ở Thụy-sĩ. Hussein lên nối ngôi hồi 17 tuổi, năm 1952. Cha Fayçal II là Ghazi chết vì tai nạn xe hơi năm 1939, và Fayçal II cũng lên ngôi năm 1953, hồi 18, 19 tuổi, Abdul Ilah, một ông bác làm phụ chính.

Nhưng tính tình hai người khác nhau xa : Hussein cương quyết can đảm bao nhiêu thì Fayçal II nhu nhược bấy nhiêu, mọi việc đều cho Nouri Said quyết đoán hết, vì quan phụ chính Abdul Ilah cũng vào hùa với Nouri Said.

Nhân vật Nouri Said đáng là một « kì quan » trong lịch sử Ả-rập. Benoist Méchin lần đầu tiên gặp ông ta, ngạc nhiên vì thấy ông ta có những nét của Pierre Laval, vị Thủ-tướng Pháp quá thân Đức mà bị xử tử. Mập, lông mày rậm, nước da tái tái, khóe miệng chưa

chát. Và Benoist Méchin có linh cảm rằng ông ta cũng sẽ bắt đắc kỳ tử.

Không học ở Anh, cũng không sống ở Anh, không có một giọt máu Anh mà Nouri Said trung với Anh hơn là con nuôi của Anh hoàng, hơn cả Laval trung với Đức, trung tới cái mức Anh hoàn toàn tin cậy ở ông ta, bảo một chính phủ Irak mà không có Said thì không thể là một chính phủ « tốt » được, và tặng ông ta huy chương quý nhất của Anh.

Đó là điểm thứ nhì giống Laval. Điểm thứ ba là cũng như Laval, cũng như Diệm, Nhu, ông ta bất chấp dư luận, tự cho mình là sáng suốt nhất đời, chính sách thân Anh của mình là hoàn toàn đúng.

Laval bảo : « Tôi không cần được lòng dân. Xưa kia, dân chúng hoan nghênh tôi vì hồi đó tôi không làm tròn bổn phận của tôi. » Còn Nouri Said thì bảo : « Hạng người tầm thường mới liên kết với bạn. Tôi thì tự cách đủ siêu việt để có thể liên kết với kẻ thù. (tức với Thổ trong hiệp ước Bagdad). Tôi biết rằng chính sách đó thất nhân tâm, nhưng đôi khi cần hi sinh cái tiếng tăm của mình mà làm việc ích cho nước ». Và theo ông ta thì làm việc ích cho nước là trung thành với Anh, đàn áp dân chúng mà ưu đãi giới quý phái, địa chủ, đại tư bản.

Ông ta sinh năm 1888 trong một gia đình phong lưu, theo học trường võ bị Thổ ở Istambul, năm 1910 làm sĩ quan cho Thổ nhưng không được Thổ tin cậy vì ông ta gốc Ả-rập. Trong thế chiến thứ nhất, khi quân Anh chiếm đóng Bassorah, ông ta bị bắt làm tù binh rồi được thả, và từ đó quyết tâm cộng tác với Anh, được huân tước Kitchner tin cậy, hăng hái theo Fayçal I và Lawrence trong cuộc khởi nghĩa Ả-rập. Năm 1919, cùng với Fayçal I qua Paris, tranh biện với Clémenceau, đòi Pháp giao Syrie và Irak cho Fayçal I cai trị. Làm cố vấn cho Fayçal I, ông ta lần lần leo được hết các cấp trong chính quyền và năm 1930, quyền ủy trị của Anh ở Irak mãn hạn, ông ta được làm Thủ tướng, rồi giữ chức đó mười lăm, mười sáu lần cho tới 1958. Thực là vô địch trên hoạn lộ. Càng được giữ chức lâu, ông ta càng tin rằng mình có thiên tài trị dân, chỉ đường lối của mình mới đúng, các chính khách khác đều là hạng tập sự cả.

Nhiều người ghen ông ta, oán ông ta, nhưng hết thấy đều sợ ông ta ; trong một phần tư thế kỷ không ai dám lật ông ta cả.

Thuật giữ ghế Thủ tướng của ông ta như sau :

— khớp mở báo chí, ông ta vừa ghét vừa khinh nhà báo, có khi ăn nói thô tục với họ.

— kẻ nào tỏ ý phản đối, thì ông tung tiền ra mua chuộc, mua chuộc không được thì diệt.

— coi hiến pháp là giấy lộn, tổ chức các cuộc bầu cử gian lận, y như anh em Ngô đình Diệm ở nước ta, chỉ định các ứng cử viên, vô phúc cho tỉnh

trường nào mà đề ứng cử viên của ông thất cử ; như vậy toàn thể Quốc hội là tay sai của ông như nước ta thời Diệm.

Vua Fayçal II phải sợ ông ta một phép, còn Anh thì triệt đề ủng hộ ông. Ông ta cảnh cáo quốc dân rằng kẻ nào mà dám đụng tới quyền lợi của Anh thì sẽ bị tiêu diệt. Kẻ thù không đội trời chung của ông ta là Nasser. Trong vụ kinh Suez ông ta xúi Eden « đập cho chết hẳn đi ». Cả khối Ả-rập trừ vua Hussein đều ghét ông ta vì đã đi với Thổ — kẻ thù truyền kiếp của Ả-rập — mà gia nhập hiệp ước Bagdad.

Tiền công ti dầu lửa Irak Petroleum nộp cho Irak ông ta dùng để mở mang kinh đô, các thị trấn lớn, và xây 15 cái đập trên sông Tigre và sông Euphrate, tạo nhiều hồ chứa nước, đào nhiều kinh dẫn và tháo nước, phí tổn 160 tỉ quan cũ, làm cho ba triệu rưỡi héc-ta thêm màu mỡ.

Nhưng không phải để làm lợi cho dân nghèo. Trong số 450.000 gia đình bần nông, may lắm có 10.000 gia đình được hưởng công cuộc dẫn thủy đó. Chỉ đại địa chủ là được hưởng nhiều nhất, bắt dân cày phải đóng « thuế nước » cho chúng tới nỗi dân phải ta thán : « Tới nước dưới sông mà chúng cũng chiếm nốt nữa. »

Benoist Méchin hỏi ông ta sao không cho dân nghèo lại cày cấy những đất mới đó, ông ta đáp :

— Chính phủ bỏ biết bao nhiêu tiền vào công việc xây đập đào kinh, bây giờ phải cho đại địa chủ trồng trọt để sản xuất rồi chính phủ mới thu thuế được chứ. Dân nghèo làm gì có tiền mua lúa giống, mua phân bón, mua nông cụ khai phá những đất đó được ? Họ nghèo, lỗi có phải tại tôi đâu ? Tôi

phải thực tế, giao đất cho người nào đủ sức khai phá chứ. Chủ điền bây giờ chiếm những đồn điền điền lớn quá, thiếu sự quân bình ư? Đừng lo. Theo luật chia gia tài, vài ba thế hệ nữa, sẽ có sự quân bình, vì ai cũng phải chia gia tài đều cho các con, chỉ ba đời là các đồn điền lớn thành manh mún hết.

— Như vậy, có trễ quá không? Dân chúng bất bình...

Ông ta cười:

— Ông thấy dân chúng bất bình ư? Ở đâu vậy? Chỉ có tội chính trị gia miệng còn hơi sữa là quai miệng ra gào hét, chứ ai mà bất bình? Tôi đã có cách xử với chúng. Tôi được nhà vua tin cậy. Cảnh sát công an ở trong tay tôi. Quân đội trung thành với tôi. Mà tôi lại là tay thiện xạ. Súng của tôi đề trong góc tường kia. Vậy còn thiếu cái gì nữa?

— Thiếu sự tán đồng của dân chúng.

— Tôi cần gì họ tán đồng tôi? Tôi cai trị họ hay họ cai trị tôi? Họ phải tuân lệnh tôi chứ. Bồn phận tôi là giữ trật tự và truyền thống trong nước mà!

Nouri Said tuyên bố như vậy tháng ba thì tháng bảy bị hạ sát.

oOo

Cách mạng 14-7-1958

Suốt thời ông ta cầm quyền, có nhiều cuộc nông dân nổi loạn đòi cơm áo, do quân đội lãnh đạo. nhưng chỉ có một lần, năm 1936, là ông ta thấy nguy, lên phi cơ của Anh trốn qua Ai-cập. Năm 1939, Anh lập lại được ảnh hưởng ở Irak, ông ta trở về nước, từ đó ông ta nắm vững quân đội, cảnh sát công an, dẹp được hết các phong trào cách mạng từ khi mới mạnh nũa, nên năm 1958

ông ta mới vững tâm, mù quáng như vậy, nhiều người ngoại quốc cảnh cáo ông mà ông ta chỉ mỉm cười.

Người cầm đầu cuộc cách mạng 1958 là một đại tá 37 tuổi, rất bảnh bao tên là Abdul Salan Araf. Ba giờ sáng ngày 14-7. trong khi thành Bagdad còn đương ngủ say, ông với vài chiếc xe thiết giáp chở độ ba chục người chiếm đài Phát thanh và nhà Bưu điện; đồng thời hai chiếc xe jeep chở hai chục người tới trước hoàng cung, nổ một loạt súng. Lính gác bắn lại vài phát lấy lệ rồi qua phe cách mạng.

Hoàng gia bừng tỉnh dậy thấy điện thoại đã bị cắt mà đài phát thanh oang oang bố cáo nhân dân: « Đây là tiếng nói của nước Cộng-hòa Irak. Ngày hôm nay là ngày chiến thắng vẻ vang của chúng ta. Kẻ thù của Allah và chúa công của hân (1) đã bị giết, thầy phôi ngoài đường, tiếp theo là bản quốc thiều *Marseillaise* của Pháp.

Cả Hoàng gia ngơ ngác: mình còn sống đây mà sao chúng báo tin mình chết. Họ bước xuống nhà dưới, bị quân cách mạng dồn hết ra vườn, bắt đứng quay mặt vào tường; một loạt liên thanh nổ, vua Faycal II, phụ chính đại thần Abdul Ilah và tất cả các người trong cung bị giết hết, không một ai thoát.

Dân chúng ôm nhau nhảy múa, cười, khóc, như điên như cuồng, ùn ùn kéo tới hoàng cung, kẻ xách đinh ba, người cầm dao, búa, tính phanh thây, nhà vua và Abdul Ilah. Hàng ngàn tấm hình Nasser dán khắp các đường phố. Cũng như Ngô-đình-Diệm, thầy Faycal II được quần vào tấm thảm vui một chỗ

(1) Tức Nouri Said và Faycal II.

nào đó. Abdul Ilah chịu cảnh thê thảm hơn : thầy chém đứt làm mấy khúc, bêu ở trước bộ Quốc phòng. Như vậy chưa lấy gì làm ghê rợn...

Nouri Said bốn giờ sáng hay tin vội trốn khỏi dinh của ông ta. Tại sao lần này ông ta không trốn vào sứ quán Anh như mấy lần trước mà trốn vào một nhà bạn thân, rồi tới một giáo đường (như Ngô-dinh-Diệm). Giữa trưa ngày 15, ông ta cải trang làm đàn bà, tính trốn ra khỏi thành thì bị một em nhỏ nhận mặt được, kêu lính lại. Viên đại tá Wasfi Tafer sĩ quan phụ tá của ông ta tặng ông ta một tràng liên thanh. Tafer chính là người tín cẩn nhất của ông ta, là người hoạt động nhất trong nhóm cách mạng mà ông ta không hay. Thấy ông ta chở về bộ Quốc phòng. Con trai ông ta là Sabah lại nhận thầy, bị hạ sát tức thì. Quân đội vui lên thầy hai cha con Said. Nhưng đêm hôm đó dân chúng lại nghĩa địa đào thầy Said lên, cột vào sau một chiếc xe máy dầu rồi mở máy cho xe kéo lết thầy đi khắp các đường phố, để rớt lại chỗ này một khúc thịt, chỗ kia một lớp da, chỗ nọ một đốt xương, Thật dã man kinh khủng ! Hơn cả cuộc cách mạng của Pháp nữa !

Trong lịch sử nhân loại có lẽ chỉ dưới trào Louis XI.I (Pháp trong vụ xử tử thống chế Concini (1) dân chúng mới oán nhà cầm quyền của họ tới vậy !

Trong khi Araf đảo chánh ở Bagdad, tướng Kassem chỉ huy một đạo quân ở Baakoubd để tiếp ứng nếu cần. Trưa ngày 14. Kassem mới về Bagdad. Cuộc cách mạng tổ chức thực bí mật, chỉ có một nhóm nhỏ sĩ quan và nhiều lắm

là hai chục nhà trí thức giáo sư, sinh viên hay trước

Kassem giữ chức Thủ tướng kiêm bộ Quốc phòng, Araf làm Phó Thủ tướng kiêm bộ Nội vụ. Họ tuyên bố tôn trọng tài sản của ngoại nhân, thảo một hiến pháp lâm thời, nhận rằng quốc gia Irak là một thành phần Ả Rập, sẽ theo đường lối trung lập...

Nga xô và Trung Cộng nhìn nhận ngay nước cộng hòa Irak. Rồi tới Mỹ, cả Anh nữa. Nouri Sai chẳng còn sống để mà nghe sứ thần Anh là huân tước Michael Wright tuyên bố : "Cuộc cách mạng Irak có lợi cho Anh". Mau mắn nhất là công ti dầu lửa Irak Petroleum. Ngày 14-7 họ đã nhả nhận cảm ơn cách mạng bảo vệ các giếng dầu cho họ và khúm núm xin trả lại dân tộc Irak những khu nào đã nhường cho họ mà họ chưa kịp khai thác.

Duy có Pháp mặc dầu được các nhà cách mạng Irak coi như bậc thầy cũng lựa ngày 14 4, cũng phát thanh bản Marseillaise, cũng giết vua...) thì không hiểu sao, cứ làm thỉnh, tới năm 1962 mà vẫn chưa thừa nhận nước cộng hòa Irak.

oOo

Chia rẽ trong nội bộ

Khác hẳn với Ai Cập, nhóm sĩ quan cách mạng Irak mới cầm quyền đã chia rẽ nhau, thanh toán lẫn nhau, có lẽ hơi giống Việt Nam mình. Phó Thủ tướng Arel thân Naser còn Thủ tướng Kassem nghịch Nasser. Đa số dân chúng không ưa Ai Cập vì từ trước người Irak vẫn

(1) Dân Paris xẻo thầy Cocinis (gốc Ý) uống máu và nướng tim để ăn (đầu thế kỷ XVII).

tự hào rằng chính họ mới đáng lãnh đạo khối Ả Rập, bây giờ họ lại tự hào thêm rằng cuộc cách mạng của họ « tấn bộ » hơn của Ai Cập, vang lừng hơn.

Từ năm 1958 tới 1962 chỉ là lịch sử chống đối nhau của hai phe Arel và Kassem; chỉ trong một năm rưỡi, tới đầu 1960, nội các Kassem đã phải cải tổ bốn lần, nên họ chẳng làm được gì cả mà trong nước thêm hỗn loạn, chỉ hờ hét và xuống đường còn hơn Việt Nam nữa.

Kassem thắng, đưa Aref đi làm đại sứ ở Bonn (Đức). Aref đi rồi tự ý về, bị bắt giam, xử tội, được tha; đảng của Aref nổi dậy chống, bị đàn áp mấy lần. Kassem ngại bị Ai Cập tấn công hoặc phá rối, tỏ tình thân thiện với Hussein, vì Jordanie là bức thành ngăn Irak và Ai Cập. Lạ cho ông vua Hussein, Iben Séoud là kẻ thù của ông cố ông ta (Iben Séoud có lần nói: Phải diệt cho hết cái ồ bò cạp đó, tức giòng Hachémite) mấy năm trước ông ta sẵn sàng quên mối thù đó mà năn nỉ Saud viện trợ; bây giờ Kassem đã diệt cả họ hàng Eayçal II, cũng là kẻ thù của giòng Hachémite, mà ông cũng sẵn sàng « bỏ qua » cả và liên kết với Kassem.

Yên phía đó rồi, Kassem xin viện trợ quân sự của Nga. Vì biết xin ai bây giờ? Dân chúng còn thù Anh, chẳng lẽ lại hạ mình xuống xin Anh? Mỹ thì cũng một giuộc với Anh mà nhận viện trợ của Mỹ thì sẽ bị Anh phá. Nga tặng ông ta một số khí giới, đảng cộng sản trong nước hoạt động mạnh lên. Hiệp ước Viện trợ Irak-Nga Xô ký ngày 15-3-1959 thì 9 ngày sau, Iran rút ra khỏi Hiệp ước Bagdad.

Tháng 10 năm 1959, Kassem bị ám

sát hụt (bốn viên đạn ở vai và bàn tay). Tòa đem xử 73 người đều ở trong phe thống nhất, tức phe thân Nasser, có lẽ là oan uổng hết. Đập mạnh rồi ông ta lại xoa dịu, đầu năm 1960, đổi chính sách: thân thiện với Ai Cập và xa lánh Nga xô, cấm đảng Cộng sản Irak hội họp, chắc ông ta thấy rằng đảng thân Nasser hết thế lực rồi, mà đảng Cộng sản đã bành trướng quá.

oOo

Chẳng có gì thay đổi cả?

Lộn xộn như vậy thì chính quyền Cách mạng còn làm được gì nữa, cho nên trong ba bốn năm đầu chẳng có cải cách nào được thực hiện đến nơi đến chốn. Ngay cải cách quan trọng nhất mà chính quyền cách mạng nào cũng phải nghĩ tới trước hết, tức cải cách điền địa, cũng chỉ có trên giấy tờ, y như ở Việt Nam. Ngày 30 tháng 9 năm 1958 tức hai tháng rưỡi sau ngày đảo chánh, đạo luật cải cách điền địa được ban bố.

Theo luật, điền chủ chỉ được giữ một diện tích canh tác tối đa là 250 hécta nếu là ruộng có công cuộc dẫn thủy, và 500 hécta nếu là ruộng không có công cuộc dẫn thủy. Số ruộng dư phải khai báo để chính phủ lấy lại phân phát cho nông dân: mỗi người được từ 7 đến 15 hécta nếu là ruộng có dẫn thủy, hoặc từ 15 đến 30 hécta nếu là ruộng không có công cuộc dẫn thủy. Không phải là phát không; phải trả trong kỳ hạn 20 năm; Chính phủ sẽ lấy số tiền đó bồi thường cho chủ điền.

Luật còn định lại cách thức giao kèo với tá điền, và định cách tổ chức các hợp tác xã, thành lập nông tín cuộc với số vốn là 500.000 dinar (không rõ

một dinar bằng bao nhiêu quan Pháp, chỉ biết bốn dinar mua được một chai sâm banh) để giúp nông dân mua lúa giống. Nghĩa là chính quyền cũng tỏ vẻ sẵn sàng cho nông dân chu đáo như chính phủ Ngô đình Diệm ở nước ta.

Đảng Cộng sản Irak hơi bất bình vì chủ điền còn giữ được nhiều ruộng quá, nhưng nghĩ như vậy đã là tiến bộ nên chỉ phản đối qua loa. Nông dân rất tin tưởng, bỏ châu thành, trở về đồng ruộng.

Nhưng chẳng bao lâu họ thất vọng. Cải cách điền địa chỉ có trên giấy tờ, không thực hiện được. Vì chính quyền gặp rất nhiều nỗi khó khăn. Trước hết là không có đủ bản đồ. Công việc đặc điền chỉ là mới bắt đầu, mà lại làm rất cầu thả vì thiếu nhà chuyên môn, ranh giới ruộng đất sai ba bét.

Lẽ nữa là nhân viên chính quyền về làng thực hiện việc chia đất bị các chủ điền mua chuộc hoặc dọa dẫm, nên không làm được việc gì cả. Họ về làng, làm gì có khách sạn, đành phải vào ở nhờ nhà các chủ điền; nhà nông dân chật hẹp, dơ dáy quá làm sao ở nổi. Chủ điền cung cấp cho họ đủ thứ: từ thức ăn uống tới các phương tiện chuyên chở, cả lao công, kẻ hầu người hạ nữa. Ta nên nhớ ở Irak có nhiều điền trang mệnh mông gồm mấy làng, chủ điền nuôi lính và có khí giới. Thầy ký nào ở tỉnh tới với một chiếc va li và một cây thước cuốn, nếu đại đột mà muốn phỏng vấn, điều tra thì một là mất chức hai là toi mạng.

Muốn cho công cuộc cải cách có kết quả thì chính quyền phải mạnh, và các tổ chức nông dân cũng phải mạnh. Mà nông dân lúc đó chưa được tổ chức.

Chính quyền chưa dám đối phó với các lãnh chúa. Luật mới ban ra, bọn điền chủ nhao nhao lên phản đối, kêu nài. Phải thành lập các tòa án đặc biệt để xét các đơn kêu nài của chủ điền. Tòa án phải điều tra, có khi cả năm mới xong và thảo được một bản phán nghị. Phán nghị đó đâu đã được thi hành ngay; phải đưa lên một ủy ban trưng thu định giá xét lại; ủy ban này xét xong lại trình quyết nghị lên một ủy ban nữa, ủy ban cải cách điền địa; ủy ban này trình lên một ủy ban nữa, rồi ủy ban nữa gồm tất cả các bộ đề quyết định có nên cấp phát đất cho một nông dân nào không. Như vậy có biết bao nhiêu là thủ tục che chở quyền tư hữu của các đại điền chủ và luật cải cách điền địa chỉ có danh mà không có thực.

Cho nên đảng cộng sản đã chỉ trích chính phủ là cố ý "phá hoại cuộc cải cách" là "giết nông dân" y như bọn phong kiến và thực dân đời trước. Họ tố cáo bọn điền chủ là vẫn nắm quyền sinh sát nông dân, dùng mọi âm mưu chia rẽ, thao túng các tổ chức nông dân, mua chuộc, gian lận trong các cuộc bầu cử ban chấp hành các tổ chức nông dân.

Riết rồi chính Kassem cũng tự hỏi không biết có thể và có nên thực hiện cuộc cải cách điền địa đó không, vì muốn thực hiện đến nơi đến chốn thì phải phá hẳn tổ chức cũ của xã hội, làm xáo trộn hết từ lối sống tới lối làm việc, lối sản xuất cả lối suy tư nữa. Ngay đảng cộng sản cũng tự thú là bất lực, chưa tới lúc, vì xã hội chưa chín mùi để có thể cách mạng triệt để, nên họ chỉ phản đối ngoài miệng. Rốt cuộc người ta đồng tình để cho cuộc cải cách điền địa chìm dần.

Vậy ở đồng ruộng không có gì thay đổi, trừ vài cuộc hội họp của ủy ban này ủy ban nọ. Trái lại ở Bagdad và các thị trấn lớn, bộ mặt thay đổi hẳn.

Phụ nữ Irak đã xé khăn choàng mặt từ lâu rồi, sau cuộc cách mạng của Mustapha Kemal ở Thổ-nhĩ-kỳ; nhưng bây giờ họ mới thực là được giải phóng. Họ tự giải phóng họ. Sau ngày 14-7-1958, cũng như phụ nữ Pháp năm 1789, họ hăng say lạ lùng, tự cảm thấy mình là mẹ của các nhà cách mạng, nếu không phải là mẹ của Cách mạng; họ cũng vác gậy lại Hoàng cung để trị bọn phong kiến; rồi họ bận quân phục biểu diễn ở các đường phố, lên diễn đàn hô hào đủ các quyền công dân. Họ vô đoàn dân quân, kiểm soát thẻ kiểm tra, lục soát các xe cộ.

Một tiến bộ nữa là ngôn luận được tự do. Dù các khuynh hướng từ cực hữu qua cực tả, và các người ngoại quốc đều phải nhận rằng từ Istambul tới Aden, từ Le Caire tới Téhéran, không đâu báo chí phát triển tung bừng, ngôn luận cởi mở như ở Bagdad. Nhưng từ 1960 phong trào đó bắt đầu bị nén xuống.

Bồng bột nhất là sự phát triển về giáo dục, nhưng chỉ riêng về cấp đại

học. Người ta xây cất một khu đại học vĩ đại để tiếp nhận 14.000 sinh viên, gửi đi du học ngoại quốc ba ngàn sinh viên trong năm 1959, và rất nhiều đoàn dự các cuộc hội thảo của sinh viên các nước Âu, Á; đón rất nhiều giáo sư ngoại quốc tới đây, mở nhiều thư viện, nhập cảng và xuất bản rất nhiều sách.

Tóm lại chỉ thành thị, đặc biệt là sinh viên và sĩ quan là được hưởng nhiều hơn cả, còn tình cảnh thợ thuyền cũng như nông dân không được cải thiện bao nhiêu. Công trình kỹ nghệ hóa tiến rất chậm, chỉ mới phát triển được về điện. Thành thử nhiều người đã thất vọng, cầu nhau: « Chẳng có gì thay đổi cả; còn tệ hơn trước nữa, trước khốn khổ nhưng còn có được chút hy vọng, bây giờ tới hy vọng cũng mất. »

Càng thất nhân tâm thì người ta lại càng thần thánh hóa Kassem, đâu đâu cũng thấy căng những biểu ngữ: « Vị lãnh tụ duy nhất của chúng ta... », « vị quốc trưởng liêm chính », « nhà ái quốc được toàn dân kính mến... ». Cũng y như thời Ngô Đình Diệm ở nước mình. Đông A và Tây Á không hẹn mà gặp nhau.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện
số: 2.701, THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

VÂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie

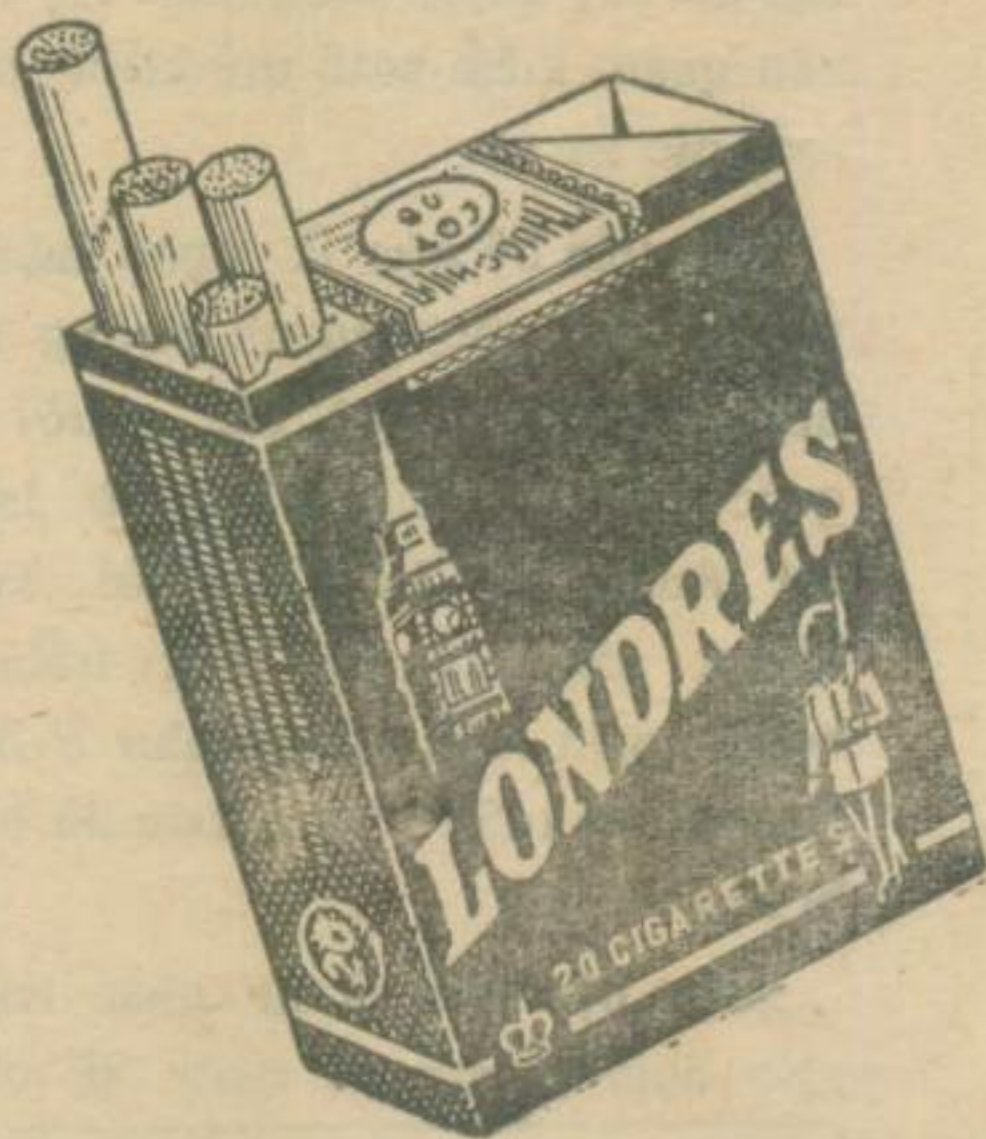


LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng
— với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



Giá 28 đ

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

Lịch-sử Chủ-nghĩa Thực-dân dưới quan điểm thích nghi văn hóa

● TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 285)

Tình trạng chiếm đóng không thể kéo dài mãi được. Lịch sử giải phóng thuộc địa bắt đầu từ ngày có mặt quân đội ngoại quốc trên xứ sở và bùng nổ mạnh mẽ từng giai đoạn theo với đà suy yếu ở chính quốc và khả năng tự cải hoán tại địa phương. Luraghi cho rằng có 3 tên đáng nêu như là những người hướng dẫn công trình giải phóng: Monroe, Lenine, Gandhi.

Sự sắp xếp này cho ta thấy Luraghi không hiểu nhiều về biến đổi của xã-hội thuộc địa. Lý do cản trở nằm trong vị trí chủng tộc, địa dư của tác giả.

Ngay sau khi quân đội xâm lăng đặt chân trên đất liền, xã-hội thuộc địa phải chịu biến đổi mạnh mẽ, hoặc dưới quyền chủ động của người cầm quyền mới để thành những hình-thức có lợi cho họ, hoặc theo ý-thức tự-tồn của dân bản-xứ để gây khả-năng chống đối, hoặc biến đổi nằm ngoài tầm tay của cả hai đối phương. Loại biến đổi thứ nhất được biết rõ hơn hết vì đó là điều người thực-dân hay khoe khoang như là thiện-ý « gieo rắc văn minh »: cải-cách chính-trị, khai phá đồn-diền, hầm mỏ, mở mang giao-thông... Những biến đổi thuộc loại thứ hai, thứ ba, thường bị nhập vào trong loại thứ nhất, hay được hiểu méo mó đi: dân chúng đòi tự-trị theo chiến thuật giai-đoạn, thì được giải thích là

không có ý-thức độc-lập, dân chúng viện dẫn Rousseau, Voltaire trong hàm ý đòi hỏi chủ nhân hiểu rõ chính nghĩa của cuộc tranh đấu, thì được giải thích rằng ý-thức dân-chủ cũng là công ơn của thực-dân đem lại (do đó suy ra chủ nghĩa thực-dân là tốt, đáng được tồn tại, sự chiếm đóng đáng được duy trì...).

Những sự thực đó theo quan điểm thuộc-địa chưa được đào sâu để có đòi đào tài-liệu đến tay Luraghi (và cả chúng ta nữa vì chính chúng ta cũng chỉ biết rõ có *một trường hợp* là xứ sở chúng ta thôi) nên thấp thoáng trong sách của Luraghi vẫn có một ý thức tự tôn như đã tỏ lộ trong trường hợp cột chung Monroe, Lenine, Gandhi này vậy.

Thực ra, lời kêu gọi chống thực dân nào đi nữa của những kẻ có ảnh-hưởng lớn rộng — dù là Hitler, Tojo — cũng được dân thuộc địa hưởng ứng ít nhiều, tất nhiên theo lối họ mong ước chứ không phải như kẻ lớn quyền kia hiểu. Xem như Hiến-chương Đại-tây-dương chỉ nhắm vào quyền tự-quyết của các dân tộc châu Âu bị Hitler cai-trị chớ đâu đếm xỉa gì tới dân da màu, (1) thế mà

(1) Xác nhận ngày 9-9-1941 của W. Churchill, bức « danh nhân của thế giới » (1); người đã gọi Gandhi là « tên nhỏ quấy động mặc áo rách ».

bọn *paria* kia vẫn cứ vin vào đó mà đòi quyền giải phóng !

Trở lại « 3 người chống thực dân », đáng lẽ Luraghi chỉ nên coi 2 người đầu như tiêu biểu cho 2 giai đoạn phát triển của Tây phương có lợi cho sự vùng dậy của dân thuộc địa. Monroe, người xây dựng chủ thuyết xi - phần Tây-bán-cầu khiến cho chính sách đối ngoại Mỹ tiến tới chỗ cô-lập, lại vì hành động thuyết phục được Quốc-hội Mỹ công nhận các xứ Nam-Mỹ vừa giành quyền trong tay Y-pha-nho mà trở nên người « chống thực-dân ». Lenine gào thét cho ý-thức lật đổ xã-hội kỹ-nghệ Tây-Âu thời kỳ vô sản ở đó chưa được chia lời ở thuộc địa, nhưng đồng thời ông cũng hành động như người dân một nước chậm tiến trong cộng đồng Âu-châu, thất vọng ở phương Tây, bèn quay sang phương Đông mong đợi xuất hiện những kẻ phục vụ một nước Nga hùng cường. Cho nên, đứng trong vị trí kẻ mất nước, sự xuất hiện của Monroe, Lenine, cũng tốt như sự xuất hiện của Hitler, Mussolini, trong một chừng mực nào đó. Chỉ còn riêng mình Gandhi mới có thể coi như là giá trị hiện thành thân xác của dân thuộc - địa. Trường hợp ở đây là dân Ấn-độ.

Nói đến trường hợp Gandhi và xứ Ấn là để nhắc nhở rằng tính chất giải-phóng thuộc địa khác nhau ở các lục-địa và ở từng vùng ảnh hưởng. Từ nhận định này ta mới dứt khoát không phân vân như Luraghi về kết-cục của chủ-nghĩa thực-dân.

Tuy có chứa một đoạn dài kết-luận đề tóm tắt vấn đề phát triển và suy sụp của nó, đồng thời nhắc tới những vấn đề lòng thông còn lại, ông vẫn coi như chủ nghĩa thực-dân đã chấm dứt

với nền độc lập của Algérie (1962). Trong lúc đó, xứ Rhodesia « độc lập » có 224.000 người da trắng đang tìm đủ mọi cách tiêu diệt, kìm hãm 3.800.000 người da đen trong vòng nô lệ ; Liên-bang Nam - Phi thi hành chính sách *apartheid* của 1/5 tổng số dân gồm người da trắng, đem nhốt 4/5 còn lại màu da đen trên 1/8 lãnh thổ quốc gia ! Thuộc địa Phi-châu của Bồ - đào - nha được « may mắn » trở thành đất Bồ từ 1952, mặc dầu dân Angola đứng lên cầm súng, giáo, cung tên đòi độc-lập. Cũng may cho Ấn-độ đủ mạnh để quét sạch vết nhơ chiếm đóng của ngoại quyền trên vùng Goa, Diu, từ 1961 khi người Bồ hợp cùng một số ông « văn minh » khác hô hào Nehru thi hành chính-sách « bất bạo động ».

Khi dành những dòng cuối cùng để nhắc tới sự tàn tạ của chủ nghĩa thực-dân cổ điển, cùng những vấn-đề của nó lưu lại hay sinh sôi nảy nở thêm mà phần hành giải quyết là của thể hệ đang lên, Luraghi chưa bạo dạn nói ngay đến danh xưng mà dân cựu thuộc địa chỉ rõ sự biến thể trá hình của thực-dân thời hậu giải - phóng. Ý thức cảnh - giác này không phải phát sinh do mặc cảm bị đàn áp còn lại, nhưng chính từ kinh nghiệm bản thân nhận xét về tương-quan cường quốc phát triển với cựu thuộc địa kém phát-triển, thay thế cho tương-quan thực-dân với bị trị cũ. Ý thức này cũng giúp chúng ta hiểu sâu hơn những vấn đề của phần đất Tây-bán-cầu mà ông Luraghi chỉ chen câu chuyện nổi dậy của họ trong khi nhắc tới Monroe thôi.

Ta cũng hiểu vì lẽ gì ông đã lãng quên một ít như vậy. Ở phần nhập-đề quyền sách. Ông đã phân trần trước là

ông giới hạn đề tài vào chủ-nghĩa thực-dân, xét như một va chạm giữa văn-minh Âu-châu và các nền văn-minh khác. Cho nên ông không nói đến công-trình thực-dân ở Australie vì sự va chạm theo kiểu xét định như trên không có tầm quan trọng lớn ở đây. Đồng ý như vậy, nhưng tuy cũng giới hạn trong ý định của ông Luraghi, ta vẫn có thể ghép những biến-chuyển từ thế kỷ thứ 18 ở Mỹ-châu vào trong trình-tự hợp lý của sự phát triển chủ-nghĩa thực-dân vào giai đoạn cuối, cũng như ở Á, Phi—tất nhiên trong những hình thái riêng biệt hơn.

Sau khi đề những trang dài nói về văn-minh Maya, Aztèque, Inca cùng sự va chạm với bọn Coquistados, những đoạn ngắn nói về sự nổi dậy của Châu-Mỹ Latinh chứng tỏ ông Luraghi coi như vấn-đề thuộc-địa ở đây đã giải quyết dứt khoát, như ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, và chỉ còn vấn đề phát triển địa phương thôi. Ta có thể nghĩ khác một chút.

Nếu không chịu dùng chữ “giải-phóng” để chỉ tình trạng *phân ly* của châu Mỹ đối với Âu-châu bởi vì ở Mỹ dân da trắng, sau khi xóa bỏ văn minh địa phương, đã có thể tự coi như là chủ nhân của phần đất này, thì không phải sự tách rời ở đây không mang những dị biệt từng vùng mà trong đó ảnh hưởng của dân bản-xứ thật rõ rệt, không chối cãi được. Mười ba thuộc-địa Anh độc-lập được không phải chỉ vì người Anh trọng tự do hơn, nhưng chính vì sự thuần nhất chủng-tộc anglo-saxon trên một “xứ sở không dùng làm gì được cả” (1) khiến họ dựa vào tính chất thân tộc với chính quốc nên được hưởng những quyền lợi đủ thấp kém hơn chính quốc để thấy bất công mà phải nổi dậy, nhưng

cũng đủ có quyền hành để nổi dậy thành công. Niềm bất mãn đó đối với chính quốc, người créole vùng Mỹ-châu ibérique cũng cảm thấy với một mức độ nặng nề hơn vì sự hiện diện của một số đông đảo dân bản-xứ có những nền văn minh khác biệt sắc thái: sự chung lộn với dân bản-xứ lây dơ đến người da trắng sinh đẻ ở thuộc địa, và nhất là khi sự chung sống này dẫn đến việc pha trộn dòng máu, đẻ ra một bọn con lai, khiến hạ thấp giá trị của họ xuống dưới mắt người chính quốc trong khi ở thuộc địa, họ là những nhà cai trị, những địa chủ, nhà khai thác nắm trong tay quyền sinh sát một bọn nô lệ bản-xứ da đen. Cho nên họ nổi dậy, và nổi dậy thành công.

Tuy vì sách-lược giai-đoạn, có lúc họ phải kêu gọi đến sự phụ giúp của dân bản-xứ, nhưng với vai trò lãnh đạo cuộc nổi loạn phân ly, sau khi “độc-lập”, họ nghiêm nhiên là chủ nhân không chia xẻ của những nước mới. Mâu-thuần giai-cấp vẫn giữ y hàng ngũ của mâu-thuần chủng-tộc. Ngoài các công-ty da trắng, các địa-chủ da trắng chiếm những *hacienda* rộng lớn, có khi làm đáng rộng lượng như trường hợp Tổng-thống Galo Plaza xứ Ecuador ban phát tiện-nghi y-tế, học đường cho 200 gia đình *Indio* tá-diên của nhà ông. Không có quyền lợi chính-trị, kinh-tế, một vài người *Indio* nổi bật, chuyển dồn nén qua con đường nghệ-thuật: Oswaldo Guayasamin tưởng nhớ thời mất nước trong bức vẽ *Quito đang khóc*, Diego Rivera giận dữ, hằn học lẫn hi vọng chua xót trong bức bích họa nhắc nhở nền văn-minh Totonaka. Còn lại, chỉ là những người *Indio* mang khuôn

(1) Chữ của Luraghi.

mặt ủ ê với đôi mắt triu buồn, thấm thía thêm với đôi mép hơi hằn xuống, thân mang tấm *poncho* cho gió lộng phá phách, bộ điệu rụt rè, lẩn tránh. Cho nên ta không lấy làm lạ rằng châu Mỹ La-tinh vẫn là nơi của áp-lực cách-mạng, thể hiện nơi những rối loạn, đảo chánh, giành giật quyền bính trên thượng tầng quốc-gia và những ước mơ phối hợp bạo động theo đường hướng mác-xít của những người nhiều lý-tưởng hay của tầng lớp bị bắt hủi bên dưới.

Chủ-nghĩa thực-dân gặp khó khăn nhiều hơn ở Á-châu. Đây không phải những vùng hoang dã cho vó ngựa cao-bồi tha hồ dẫm nát. Ở đây có những trung-tâm văn-minh rất xưa cũ, dân cư chen chúc, kỹ-thuật cao độ. Trong một chừng mực nào đó, thực-tế này cũng quy định thái độ và hành động các nước thực dân hoạt động trong vùng. Không phải vô lý mà người Anh lại tốt hơn người Pháp chẳng hạn đề chủ-nghĩa bất-bạo-động của Gandhi thành công ở Ấn: hàng trăm triệu người không chịu hợp-tác thì thái độ khôn ngoan hơn cả của một nhóm người cai trị là phải liệu đường nhường bước hay cuốn gói đi trước khi tình-trạng sa lầy đến chỗ trầm trọng. Khả năng tổ chức thể-tục vững chãi của Trung-hoa giúp xứ này thoát khỏi ách ngoại-thuộc. Nhưng những lần ký kết nhục nhã có tác dụng hồi thúc Trung-hoa dẫn thân vào con đường cấp-tiến không còn chỗ lùi được: vào thời Tôn-Văn, chủ nghĩa Tam-dân phải liên-kết với một mớ ý-thức bôn-sê-vích mới lật đổ được Mãn-thanh và xóa bỏ chế độ sứ quân; vào thời Mao-trạch Đông, chủ nghĩa cộng sản Trung-hoa trước cảnh bị bao vây chặt chẽ cũng

muốn phải là chủ-thuyết tiền-phong của các dân-tộc bị áp bức trên thế-giới thay thế cho mớ tư-tưởng xét lại hòa hoãn của Liên-bang Sô-viết trên đà trưởng-giả-hóa.

Trái lại, những nước nhược-tiểu phải chịu đòn đau ê chề nhất trong kèm kẹp thực dân vì họ vốn đã thiếu sẵn một cơ-sở kỹ-thuật cơ-khí để đương đầu với các nước xâm lăng, lại không có một nhân lực dủ dôi để tạo ra một nỗi đe dọa triển miên trên đám ngoại nhân thiếu số cầm quyền. Về phía thực dân, ở những thuộc địa khai thác, họ cố giữ lại một tầng lớp trung-gian bản-xứ gồm các thế-lực phong-kiến đầu hàng, lớp tư-sản mới nổi chịu mua chuộc. Kết quả là họ có người sử dụng đắc lực để kiềm hãm những phản ứng rối loạn trong khu vực, cho họ dễ phát triển một số lãnh-vực kỹ-thuật thu lợi lớn lao. Tiền bòn rút được thúc đẩy tiến bộ ở chính quốc rồi ảnh hưởng dây chuyền lại đem đổi thay thêm đến các khu vực mở mang ở thuộc địa. Thành thử ở đây có những mâu thuẫn trầm trọng vì sự đối kháng của những khu-vực văn-hóa cổ-truyền và khu-vực tân-tiến đồng hiện diện với những yếu-tố tâm-lý thù nghịch.

Nhìn vào một thành-phố thuộc-địa — ở Á cũng như ở Phi — ta thấy có một khu vực Âu-châu của các tòa Hành-chánh, vùng kỹ-nghệ, ghép vào một bên là dinh thự của các viên chức, một khu vực buôn bán bản xứ và tấp vào đó như rác đọng lại của trào lưu « tân tiến » là khu « nhà lá » (*bidonville*) của đám lưu dân thôn quê tan cửa nát nhà vì thiên tai, vì thuế má, vì sự đồ võ

kinh-tế nông-thôn cổ truyền do chế-độ thực - dân đem lại. (1).

Do tính chất phức tạp đặc biệt đó của xã-hội thuộc-địa mà những phong trào chống đối của dân chúng cũng mang đủ màu sắc, từ tôn-giáo thần quyền đến cộng-sản cực đoan. Mà ngay như một lập-trường thần quyền cũng có những dị biệt quan niệm, hoặc ẩn chứa hoài-niệm quá khứ, hoặc có ý đồ cải-biến với những yếu-tố của thời-đại mới : những phong-trào như Quyền-phỉ ở Trung-hoa, Thiên-sứ (madhi) Mohammed Ahmed của Soudan, Phật-giáo Hòa-hảo, Cao-đài của Việt-nam, tất cả bày tỏ được những hình ảnh của quá khứ đượm luyến tiếc, của hiện tại khát khe, phũ phàng, cùng của một tương lai đầy quyến rũ. Về điểm phức tạp của con người cộng sản địa phương, ta thấy tuy có khi họ chỉ nhằm những mục đích mà một nước tư bản cũng hướng đến, họ lại gắng tăng cao cường độ quá khích sẵn có của một chủ nghĩa bằng những biện pháp đốt giai đoạn, gây chống đối mãnh liệt từ phía những phần - tử cực-hữu cũ và mới.

Niềm ước mơ giải quyết những mâu thuẫn hiện tại của các dân-tộc bị trị thường được đánh lừa bằng những lời hứa không bảo đảm thi hành. Mãi đến khi chủ-nghĩa thực-dân suy-sụp đến không có cơ cứu vãn được nữa, khi các chính quốc phải sửa soạn trao trả quyền hành mà họ cũng còn cố trao vào tay những tầng lớp bản xứ đồng chủng-tộc, tôn giáo, hoặc có những liên-hệ kinh-tế để bảo đảm quyền lợi còn lại của họ nơi thuộc địa cũ : đó là trường hợp các Thủ-tướng da trắng ở Nam-Phi, Rhodesia, trường hợp từ Bảo-đại ở Việt-nam đến L. m. Youlou của Congo Brazaville...

Cho nên, lúc không còn bóng dáng quân đội viễn chinh thì các chính quyền thân cựu chủ hoặc bị lật đổ, hoặc tiến tới độc tài trong niềm nơm nớp lo sợ quần chúng xung quanh nổi dậy.

Trong chiều ảnh hưởng ngược lại của hiện-tượng thực - dân — ảnh hưởng của văn hóa thuộc địa đối với các nước đi xâm chiếm — người ta không tìm được những dấu vết sâu đậm. Hình như bản sắc văn hóa Âu-châu không vì những cuộc nổi dậy mà suy sụp, trái lại còn càng ngày càng dồi dào, rạng rỡ để trở thành văn hóa toàn cầu : các dân tộc bị trị trong thời kỳ hậu-giải-phóng vẫn tranh giành nhau trên đường Âu-hóa, từ những nước độc lập eo uột trong bóng mát của các cựu chủ đến những nước từng huênh hoang đã đổ nhiều xương máu cho công trình tự lập.

Vấn đề có lẽ được thấu hiểu một cách công bình hơn nếu người ta nhớ lại rằng sự phát triển gần đây của Tây-phương là do các nền văn hóa mà Tây-phương đến tiếp xúc đã đóng góp vào. Thực vậy, « phú quý sinh lễ nghĩa » không phải là một câu nói chỉ dùng để mỉa mai : một xã hội sung túc, thịnh vượng đòi hỏi một sự phát triển tinh thần tương xứng. Mà của cải của Tây phương hiện tại một phần là công khó của dân xứ họ,

(1) Tô Hoài đã vẽ rõ thảm trạng này trong tập « O chuột » (Thiếu Quang xb, 1967). Tập truyện không phải chỉ đề kể chuyện mèo, chó, ngan, ngỗng... nhưng còn cho ta thấy những nét đau bề, tang thương trong sinh hoạt tàn lụi của một làng tiểu-công-nghệ Trung-châu Bắc-Việt — làng Nghĩe-đô (truyện « Đồi di đá ») : tình cảnh bế tắc trong nghề dệt tơ lụa ảnh hưởng đến dân chúng trong làng khiến anh Cu-Lặc phải đi phu đồn điền, còn đám ở lại — lũ loài vật của tác giả — đành chịu sống với một tâm trạng bàng hoàng ngơ ngác, buông xuôi tất cả.

phần lớn là cướp từ các xứ thuộc địa, hoặc bằng hiện vật, quý kim, hoặc bằng sự bóc lột thặng dư giá-trị. Khối lượng vàng khổng lồ của Châu Mỹ không phải chỉ về nằm trong thâm cung xứ Tây-ban-nha, mà còn được tung ra thị trường hương liệu, gấm vóc Á-đông hay bị chia sớt bắt buộc cho các tàu thồ phi Anh, Pháp, Hòa, đem về mở mang đất nước. Đến thế kỷ kỹ nghệ thì hầu như nhân lực tài nguyên thế giới đều tập trung cung phụng cho một vùng riêng biệt. Tài nguyên này to tát đến nỗi không ai có thể thử tính bằng những con số rõ ràng đề đề bớt mặc cảm tự tôn của dân da trắng. Cho nên, hiện trạng rạn vỡ của nền văn minh Tây phương phải coi như là kết quả công trình của mọi dân tộc trên thế giới góp lại.

Đi vào chi tiết hơn, người ta thấy sức hấp dẫn của văn minh Trung-hoa nơi tư tưởng cải cách lãng mạn của Voltaire, ảnh hưởng Phật-giáo — dù biến dạng, trong tác phẩm « Thế-giới như là ý chí và biểu hiện » (1819) của Schopenhauer, nơi ảnh hưởng làm phát sinh tư trào văn học lãng mạn (Chateaubriand với Mỹ-châu, Pierre Loti với Á-châu...), ảnh hưởng nghệ thuật Đen nơi trường phái Lập-thể... Nhìn qua Hợp-chúng-quốc Bắc Mỹ, đám dânanglo-saxon trong khi tăng tiến vượt bậc so với nơi phát xuất cũng đã lộ ra bản sắc khác biệt bởi đã thu nhận ảnh hưởng bản xứ của dân da đỏ mà bây giờ họ nhốt vào các « reserve » để làm kỷ vật. Ảnh hưởng Phi-châu cũng xuất hiện nơi đây qua con cháu đám nô lệ vốn là tinh túy của xứ Đen nên mới đủ ý chí và sức mạnh để vượt qua chặng đường diệt chủng của những người mà họ đến thay thế.

Còn nói chi đến những cường quốc thất trận, một lần trước người đồng chủng và nhiều lần tiếp theo với đám dân da mà u khiến họ phải hoài nghi về giá trị văn minh của họ : nước Pháp sau chiến tranh Việt Nam chầm mồi ở Algérie không những phải hủy bỏ Đệ tứ Cộng-hòa mà còn suýt nữa phải ném mùi chề độ quân phiệt của các lực lượng quân sự học đòi mô tư tưởng chỉ đạo chiến tranh Cách mạng muốn đem áp dụng củng cố đế quốc Pháp qua Tổ chức Quân đội Bí mật (O.A.S.)

Giai đoạn tự chủ của các vùng nhược tiểu còn quá ngắn nên không thể đoán biết được dưới ảnh hưởng của các nền văn minh mới hồi sinh, văn minh Tây phương sẽ có biến dạng không và đến chừng mực nào. Nhưng hi vọng rằng các trung tâm lớn còn lại của thế giới, Phi-châu, Ấn-độ, Hồi-quốc, Trung-hoa trong đà phát triển lâu dài với tự tin sẽ đem bản sắc chung góp cho một nền văn minh thế giới để đến một lúc nào đó, người ta có xét lại chủ nghĩa thực dân cũng chỉ thấy như đã lật qua một trang sách, không thù hận, không một cảm giác đắng cay.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

9 / 68

Nhà xuất bản SÁNG TẠO
đã cho phát hành tại khắp các hiệu
sách :

SỢ LỬA

tập truyện cổ tích, tác phẩm đầu
tiên của DOÃN QUỐC SỸ

in lại lần hai

Bìa Ngọc-Dũng trình bày.

Đệ nhất phu nhân mới của Hoa kỳ :

PAT NIXON

● V. Û - B. Æ O



Những khi nói tới các chính khách đã có danh phận, người Hoa kỳ thường gắn liền tên bà bên cạnh tên ông. Nhắc tới Rockefeller thì người ta gọi Rocky và Happy, tới Eisenhower thì người ta ghi Ike và Mamie, và bên cạnh tên Tổng Thống Johnson thường có tên Lady Bird.

Người ta cho đó là một sự công bằng. Từ xưa tới nay, ở đằng sau những người đàn ông làm nên sự nghiệp luôn luôn có bóng dáng của người đàn bà cho nên ánh đèn thời sự chiếu lên sân khấu chính trị mà có trùm cả hai người tưởng cũng chỉ là chuyện dĩ nhiên.

Với tân Tổng Thống Nixon người Hoa Kỳ càng đề ý tới bà ta hơn. Không phải vì bà Nixon trẻ đẹp khiến cho dân chúng thất vọng vì chuyện tái giá của Jackie Kennedy nay đã an ủi tìm được một hình ảnh để thay thế. Không, bà Nixon năm nay đã 55 tuổi mà nhan sắc cũng rất trung bình. Nhưng bà được chú ý nhiều, không những vì bà là vợ của một chính khách đã thành công mà chính là vì bà là vợ của một chính khách thành công sau nhiều thất bại.

Vì trong đời Nixon đã có những thất bại thật đau đớn. Năm 1960 ra tranh

cử Tổng Thống với Kennedy, Nixon chỉ thua có 119.000 phiếu trên tổng số 69 triệu cử tri đã đi bầu. Hai năm sau, trở về quê nhà ra ứng cử Thống đốc tiểu bang Californie, đã tưởng rằng người đồng hương sẽ chọn cử đứa con xứ sở, và Tổng Thống bất túc thì chắc rằng Thống đốc phải hữu dư, ai ngờ đầu Nixon lại bị Edmund Brown vật ngã.

Lấy một anh chồng như vậy, không phải là một người đàn bà kiên nhẫn và tế nhị, làm sao có thể giúp chồng quên hết được các nỗi ê chề, giữ vững được nghị lực phấn đấu.

Tài chánh gia đình đã chật hẹp, bao nhiêu tiền ăn dụn để dành ném hết vào các cuộc vận động tranh cử ; báo

chí khắc nghiệt với kẻ bại trận, đã từng tặng Nixon cái biệt hiệu « born Loser » (kẻ sinh ra để thua); sau các phen thất cử sang viếng thăm Việt-nam với tư cách là cố vấn của hãng Pepsi Cola đã bị các thanh niên Mỹ bày trò chơi tàn ác lên đón ở phi trường Tân-sơn-Nhứt với những tràng hoa « chiến thắng » làm toàn băng vỏ hộp Pepsi Cola xâu lại.

Bà Nixon đã phải nâng đỡ tinh thần người chồng ra sao mà giúp được chồng qua được các thử thách đó. Bà Nixon đã phải yêu thương chồng đến mức độ nào mà khiến cho chồng đủ can đảm nuốt hận trong 8 năm trường, đi ngược trở lại một con đường kỳ khu, khúc khuỷu để tìm được trở lại một sự thắng cử tưởng rằng đã mãi mãi vượt khỏi tầm tay ?

Bà Pat Nixon tên con gái là Thelma Catherine Ryan. Cha gốc người Ái-nhĩ-Lan, di cư sang Hoa-kỳ làm nghề thợ mỏ. Tuy sống trên đất Mỹ, ông luôn luôn hướng về quê cũ và mỗi năm tới ngày 17 tháng 3, ông ta không bao giờ quên làm lễ kỷ niệm thánh Patrick là thánh bồng mạng của xứ Ái-nhĩ-Lan. Cô Thelma chính ra đã sinh vào chiều ngày 16 tháng 3, nhưng trong lúc vui mừng ngày sinh con gái, tinh thần Ái-nhĩ-Lan của ông già đã nổi dậy và ông ta đã khẳng định : « Nó sinh chiều ngày 16 thì khác gì nó sinh vào sáng ngày 17. Đúng nó là người Ái-nhĩ-Lan. Nó đã chọn « đúng » ngày kỷ niệm thánh Patrick để ra đời. Thôi cứ gọi nó là Pat. »

Còn ai dám cãi lại một người cha sai một ngày mà vẫn bảo là đúng. Thế là Thelma mang tên là Pat cho tới bây

giờ làm đệ nhất phu nhân của Hoa-kỳ.

Năm Pat 12 tuổi thì bà mẹ qua đời. Pat còn nhỏ đã phải trông nom công việc nhà, chăm sóc cha và hai em trai.

Đến năm Pat 17 tuổi, cha lại mất nốt, Pat phải tính chuyện về Connecticut ở nhờ bà con trong họ. Muốn khỏi tốn tiền xe, Pat làm tài xế lái xe cho một đôi vợ chồng già cũng có việc phải đi Connecticut. Pat đã phải đi làm rất nhiều nghề để kiếm tiền theo học. Pat lên New - York xin được việc làm với một bác sĩ, và đứng điều khiển máy chụp quang tuyến trong phòng khám bệnh của ông ta. Sau hai năm có chút vốn, Pat trở về Los Angeles và theo học ở trường Đại-học Southern California, nhờ có một học bổng nhỏ. Pat vẫn phải làm việc thêm. Pat đứng đầu chực sẵn ở các phim trường, khi nào cuốn phim cần quay tới các đám đông người thì Pat xin đóng một vai phụ. Chiều thứ bảy được nghỉ học Pat đi bán hàng tại các tiệm lớn. Nghỉ hè, các bạn học về quê hay du lịch thì Pat ở lại trường làm các công việc vặt lấy lương ăn như sắp xếp lại sách ở các thư-viện hay ghi chép sổ dụng-cụ trong các phòng thí nghiệm. Pat thường nói với các bạn bè. « Ôn lại những năm đó, tôi chỉ thấy làm việc và làm việc, không còn nhớ gì khác hơn nữa ».

Pat tốt nghiệp đại học năm 24 tuổi và nghe nói ở trường trung-học Whittier đang cần một cô giáo, Pat làm đơn xin và được tuyển-dụng. Whittier là một thị trấn nhỏ với 15.000 dân ở gần Los Angeles. Đang không có việc làm thì Pat nhận về đó không ngờ đi Whittier, Pat đã lên đường tới nơi ước hẹn của cuộc đời.

Vì Whittier chính là quê hương của

Nixon. Chàng ta vừa mới tốt nghiệp luật khoa và sau khi lang thang từ phía đông sang phía tây châu Mỹ rồi lại từ phía tây trở ngược lại phía đông mà không kiếm được chỗ làm, Nixon về quê tập sự tại văn phòng một luật sư. Làm nghề này ở một tỉnh nhỏ, chẳng có chi là bận rộn, Nixon gia nhập một ban kịch tài tử và được giao cho đóng vai chính trong vở « The dark tower » (Ngọn tháp âm u). Vai nữ lại chẳng ai khác hơn là cô giáo Pat — Tưởng rằng chỉ nỉ non với nhau những lời yêu đương trên sân khấu, ai ngờ màn buông xuống rồi mà tim còn thồn thức, « Dick cầm lấy tay tôi như trong vở kịch, — Pat nhắc lại phút đó —, mắt Dick nhìn sâu vào tận trong đáy mắt tôi, và tôi hiểu rằng không còn phải là giấc mộng như chúng tôi vừa mới trình diễn nữa ».

Nhưng sự thực cũng có cái gì hơi khác với giấc mộng. Hai người định lấy nhau mà cả hai đều không có một xu nhỏ. Thế là cô giáo mồ côi và chàng luật sư không mỗi gặp nhau, yêu nhau rồi còn phải chờ hai năm rưỡi trời nữa mới góp nhặt đủ số tiền sắm hai nhẫn cưới và sống tuần trăng mật.

Như mọi cuộc tình duyên khác trong thời chiến, vui xum họp chưa bao lâu thì chàng lên đường tòng quân, và trong 4 năm trời đằng đẳng, Pat đã sống nỗi khắc khoải của người vợ chờ ngày chồng trở về.

Chiến tranh chấm dứt, Nixon được giải ngũ. Về tới nhà chưa kịp cởi bỏ bộ quân phục, điện thoại đã reo vang: đảng Cộng Hòa chọn Nixon ra tranh cử vào Hạ-nghị-viện. Trong thâm tâm, Pat chỉ muốn cho chồng được nghỉ ngơi, nhưng nghĩ lại thấy rằng một cơ hội

như vậy không phải ngày nào cũng tới, Pat vui vẻ lo liệu mọi việc cho chồng ra trước cử-tri.

Việc đầu tiên là phải có một bộ đồ thường phục coi được. Nixon có một bộ dạ xám, mặc vào vừa chật vừa ngắn. Ông ta đứng coi trước gương rồi than với vợ: « Ăn mặc thế này đứng ra xin phiếu cử-tri, ai mà thêm cho ». Ngày đó kiếm một bộ quần áo mới không phải chuyện dễ, tất cả guồng máy sản xuất trong nước đều đã huy động vào kỹ nghệ chiến tranh. Nhưng Pat cũng đã chạy tìm ra được một bộ tươm tất cho ứng cử-viên Nixon của đảng Cộng-hòa. Bộ dạ xám cũ được bán đi để mua một lô phong bì gửi thư vận động cho từng cử-tri. Tuy vậy mà một số phong bì cũng không tới tay người nhận vì vợ ứng cử viên chạy không ra tiền mua tem. Bây giờ nhắc lại kỷ niệm đó, Pat vẫn còn cười đến ứa nước mắt.

Ra tranh cử trong những hoàn cảnh hiểu thốn như vậy, một lần cũng quá đủ, ai ngờ đâu Pat sẽ còn bỏ ra 22 năm nữa để giúp chồng chiếm phiếu cử tri.

Năm 1946, Nixon trúng cử vào Hạ nghị viện. Năm 1950 Nixon trúng cử vào Thượng nghị viện và năm 1952, ông được chọn đứng cùng liên danh với Eisenhower trong cuộc bầu cử Tổng thống. Lúc nhậm chức Nixon mới 40 tuổi và là Phó Tổng thống trẻ thứ nhì trong lịch sử Hoa kỳ. (Người trẻ nhất là Phó Tổng thống Breckinridge đắc cử năm 35 tuổi).

Đối với Pat, chạy theo một ứng cử viên bước lẹ như vậy, đề lo cho ông ta đủ sự nâng đỡ tinh thần, đủ các phương tiện vật chất mà vận động



Tủi buồn và cay đắng năm xưa (1960)

tranh cử, quả thực là một cố gắng phi thường. Vì ở Hoa kỳ vợ một ứng cử viên không thể cứ ngồi chơiơi sơi nước rồi chờ trông kết quả đề mà một bước trở thành bà Hạ, bà Thượng hay bà Phó. Làm vợ một ứng cử viên ở Hoa kỳ là đi theo chồng trong các cuộc vận động, đánh máy diễn văn cho chồng, trả lời thư tín, viết cho các cử tri, xếp đặt giờ tiếp khách, luôn luôn ở bên máy điện thoại, đi họp trong giới các bà, bắt tay hàng vạn người ủng hộ, chịu đựng hàng vạn người phản đối.

Nếu là một ứng cử viên tài chánh dồi dào như Rockefeller hay Kennedy thì cuộc vận động dù có vất vả cũng không đến nỗi cực lòng. Nhưng đối với chàng luật sư và cô giáo tỉnh Whittier, tiền đã thiếu thì chỉ còn biết xả thân ra vật lộn.

Cho nên chúng ta không lấy làm lạ thấy ông Nixon năm 1960, sau khi thua sát nút Kennedy, đã đứng ra cảm ơn các cử tri với nụ cười gượng gạo của một cậu tú hổng thi trong lúc bà ta chẳng cần dấu điểm chi cả, trước mặt mọi người đã khóc thút thít, khóc thực thà như muốn nói lên hết nỗi thương

thân tủi phận của những kẻ trót sinh ra con nhà nghèo, thừa nhận nài đề mà thắng nhưng vẫn gục thua vì thiếu phương tiện.

Nhưng 22 năm trời làm bạn đường với anh chồng nghèo trên đường chính trị đã giúp cho Pat Nixon thâm nhập được nhiều kinh nghiệm để đóng góp một cách đáng kể vào sự thành công của chồng trong cuộc bầu cử Tổng-thống vừa qua.

Lần Nixon tranh cử năm 1960, Pat đã cùng chồng vượt trên 100.000 cây số, viếng đủ 50 tiểu-bang, nói chuyện với

cử-tri trong 188 thị-trấn. Cho nên lần này, Pat đã xếp đặt cho chồng một chương-trình thăm viếng cử-tri toàn hảo, chăm lo cho chồng từng chi tiết, từ ăn uống đến y-phục thành ra Nixon đến nói chuyện ở nơi nào cũng giữ được một tinh-thần sảng khoái nhẹ nhàng không chút mệt nhọc.

Pat rất tự hào là trái với nhiều bà khác, Pat chỉ cần 5 phút đã có thể sửa soạn trang điểm xong để tiếp khách và không bao giờ chịu lỡ hẹn. Tháng hai năm nay khi mới bắt đầu vận động tranh cử cho chồng, Pat đã bị trẹo mắt cá chân nhưng Pat nghiêng rằng chịu đau tới dự một buổi tập hợp với 2.000 nữ cử tri ở Hoa-Thịnh-Đốn và đã bắt tay từng người một, không để lộ một vẻ gì khác trên mặt. Pat nói ! « Tính tôi như vậy, khi tôi có một vấn đề gì thì tôi giữ riêng cho tôi ».

Bà đã chia sẻ với chồng nhiều thử thách. Khi chồng bà viếng châu Mỹ la-tinh vào năm 1958, sinh viên đã vây quanh xe, ném đá và nhều nước miếng vào trong xe, tài xế và sĩ-quan tùy viên hốt hoảng, bà vẫn điềm tĩnh như thường.

Mấy năm trước đây ông bà đáp máy, bay sang Châu Phi, khi qua sa mạc Sahara một động cơ nổ tách rời ra khỏi thân máy bay, bà vẫn không có một cử chỉ gì sợ hãi.

Đi theo chồng trong nhiều chuyến công du, Pat đã gặp nhiều nhân vật hay chính khách nổi tiếng trên thế-giới nhưng dù hội-kiến với Nhật hoàng hay dự dạ tiệc với Nữ-hoàng Anh-quốc, Pat bao giờ cũng giản dị xuề xòa như một cô giáo tỉnh nhỏ. Có lần được quốc vương Maroc tiếp kiến —, đây là lần đầu tiên một người đàn bà được vương triều dành cho nghi cách đó, — Pat mang cả con gái mới lên 2 tuổi đi theo và đã ẵm con trên lòng khi ngồi nói chuyện với nhà vua.

Đến tháng giêng năm 1969 Tổng Thống Nixon và đệ nhất phu nhân mới của Hoa-kỳ sẽ vào ở Bạch-Cung nhưng đời sống ở Bạch-Cung thực ra không có gì xa lạ với Pat.

Hồi ông Nixon còn làm Phó Tổng-Thống, Pat đã có dịp được tập sự tại chỗ công việc của đệ nhất phu nhân khi Tổng Thống Eisenhower hai lần đau tim phải nhờ Nixon xử lý mọi việc. Ngoài ra bà Eisenhower cũng luôn luôn nhờ Pat chia sẻ gánh nặng với mình vì hai nhà rất là thân thiết.

Mấy ngày gần đây các ký-giả đã bầu quanh Pat đề phỏng vấn và Pat đã trả lời với rất nhiều tự tin :

— Bà sẽ dự định làm gì trong vai đệ nhất phu nhân ?

— Đi đường gặp cầu thì phải qua cầu.

— Bà có trang hoàng lại Tòa Bạch-Cung không ?

— Tôi nghĩ rằng trang hoàng ở đó đầy đủ lắm rồi.

— Bà mong muốn lịch sử sẽ ghi nhận hình ảnh của Bà như thế nào ?

— Hình ảnh của tôi sẽ do người ngoài phân-tích, không do tôi tự gán cho tôi.

Nhưng nếu có câu trả lời tóm tắt được hết phẩm tính của Pat chính là khi được hỏi :

— Bà nghĩ rằng việc gì là việc quan trọng nhất mà bà đã giúp ông ?

Pat đã đáp liền không nghĩ ngợi :

— “Không bao giờ phiền trách chồng, lúc nào cũng khuyến khích chồng”,

Với một người vợ như vậy, chúng ta hiểu tại sao, sau những phen thất bại ê chề của các năm 1960, 1962, Nixon vẫn đủ nghị lực đề tin rằng đối với kẻ bền chí phấn đấu chẳng bao giờ có hoàn cảnh nào đang gọi là tuyệt vọng.

Còn hơn một tháng nữa, gia đình Nixon sẽ dọn vào Bạch Cung. Đừng ai chờ đợi nếp sống của họ sẽ có những đường là lướt. Không, đó chỉ là nếp sống của một đôi vợ chồng cần cù, với hai đứa con gái chăm học, và giải trí duy nhất của gia đình hình như chỉ là mấy khúc dương cầm.

Nhưng với con đường mà cặp vợ chồng đó đã đi từ tỉnh Whittier tới thủ đô Hoa Thịnh Đốn, họ thực sự đã tượng trưng cho giấc mộng của mọi công dân Hoa kỳ luôn luôn mơ ước đi từ những chỗ thấp nhất đến những bậc thang cao nhất chỉ bằng sức làm việc và sự bền tâm.

Cái hay của người dân Hoa kỳ là biết kính trọng sự thành công và cái hay của xứ Hoa kỳ là biết cho những kẻ tối tăm nhất đầy đủ cơ hội.

PNB

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

(Xin xem B.K. T.Đ. các số 278, 279, 280)

Cảm nghĩ về Cách mạng Hoa-kỳ

● LÝ-CHÁNH-TRUNG

Cuốn « Cách-mạng luận » của bà Arendt được một nhà bình luận Pháp xem là một tác phẩm quan trọng, « chói lọi, thông minh và khiêu khích » (1). Ba chữ này dùng thật đúng chỗ, nhất là chữ brillant : « chói lọi » là làm chói mắt thiên hạ, mắt đã chói thì không còn nhìn thấy rõ ràng, cho nên một tác phẩm chói lọi thường là một tác phẩm lù mù, ít nữa là đối với những trí khôn thường thường bực trung như trí khôn của kẻ viết bài này.

Tôi đã hết sức cực nhọc khi phải tóm lược nội dung của cuốn Cách-mạng-luận và nếu lối trình bày của tôi có tính cách châm biếm, trêu chọc, thì một phần là để cho bài báo đỡ khô khan, còn phần khác là để đền bù tí teo cái sự nhọc nhằn của tôi. Tiện đây xin nói thêm rằng, mặc dầu có đậm chút đỉnh chanh ớt cho vui, tôi đã luôn luôn trung thành với tư tưởng của tác giả, ít nữa là với những phần nào mà tôi đã hiểu được. Ai không tin thì cứ đi tìm cuốn sách mà đọc.

Điểm thắc mắc lớn nhất của tôi khi đã trình bày xong cuốn Cách mạng luận là cái chủ đích của tác giả : bà Arendt đã thật sự muốn cái gì khi viết cuốn sách « chói lọi, thông minh và khiêu khích » ấy ?

Bà Arendt không phải là một người bảo thủ và cuốn Cách-mạng luận chứa đựng rất nhiều phán đoán phải được xếp vào loại « cấp tiến » : cảnh cáo chánh sách chống Cách-mạng bằng võ lực là « không mục đích và hoàn toàn lỗi thời », ca ngợi các tổ chức nhân dân cách-mạng như Công-xã Ba-lê, Hội đồng Xô viết là những « phương thức cai trị hoàn toàn mới », quả quyết rằng nền thịnh

vượng của Hoa-kỳ không phải do nơi chế độ tư bản mà chỉ là hậu quả của sự « phong phú tự nhiên » và nơi nào không có sự phong phú tự nhiên ấy, chế độ tư bản chỉ đem lại sự khổ đau bần cùng cho quần chúng v.v... Cho nên trong đoạn đầu của bài này, tôi có viết rằng chủ đích của cuốn Cách-mạng luận là nhắc lại cho người Mỹ truyền thống Cách mạng của họ hầu giúp họ có được một chánh sách đối ngoại hợp lý và hữu hiệu hơn, trong một thời đại mà ý hướng căn bản là ý hướng cách-

(1) Georges Morel : Réflexions sur l'idée de Révolution, tạp chí Etudes tháng 5, 1968. tr. 687

mạng, trước một cuộc tranh chấp vĩ đại mà « kẻ chiến thắng sẽ là những người hiểu được Cách mạng ». Chánh sách đối ngoại hợp lý ấy chỉ có thể là một thái độ cởi mở hơn đối với những đòi hỏi cách mạng của thế giới thay vì cái ý muốn dùng vũ lực để ngăn chặn mọi biến đổi mà bà Arendt đã chỉ trích. Hiểu như vậy, chủ đích của cuốn *Cách-mạng luận* có tính cách tiến bộ rõ rệt.

Thế nhưng nội dung cuốn sách đã đi ngược lại hoàn toàn chủ đích ấy và chỉ có thể làm nền tảng lý thuyết cho một chánh sách bảo thủ phản động trên cả hai bình diện đối nội và đối ngoại.

Về mặt đối ngoại, cuốn *Cách-mạng luận* cho thấy rằng chỉ có Hoa-kỳ là đã hoàn thành được cuộc Cách-mạng, nghĩa là đã đặt những nền móng trường cửu cho Tự do, vì Hoa-kỳ không có nạn nghèo đói, còn tất cả những cuộc Cách-mạng khác đã thất bại vì mắc kẹt trong vấn đề giải phóng dân nghèo. Nếu điều ấy đúng thì phải gọi thời đại này là thời-đại của những cuộc cách mạng thất bại, bởi lẽ hai phần ba nhân loại còn đang sống trong vòng cương tỏa của nạn nghèo đói và tất cả những cuộc cách mạng trong hiện tại và tương lai chỉ có thể là những cuộc giải phóng nhằm giải quyết trước tiên nạn nghèo đói chứ không phải nhằm thiết lập Tự do, theo nghĩa của Hoa-kỳ.

Trước tình cảnh ấy, người Mỹ có thể lựa chọn giữa ba con đường :

— hoặc chống lại các phong trào giải phóng dân nghèo như bây giờ họ đang làm.

— hoặc giúp các phong trào này thành công như một điều kiện thiết yếu để tiến tới cứu cánh đích thực của Cách-mạng là thiết lập tự do.

— hoặc cứ để cho thế giới biến chuyển mà chỉ lo bảo vệ nền tự do của Hoa-kỳ.

Con đường thứ nhất đã bị bà Arendt lên án rất đúng là « không mục đích và hoàn toàn lỗi thời ». Con đường thứ hai có vẻ lý tưởng hơn cả (1) nhưng nó lại mâu thuẫn với nội dung cuốn *Cách-mạng luận* : bà Arendt đã cho thấy rằng, một khi đặt cuộc giải phóng dân nghèo lên hàng đầu — thay vì thiết lập tự do — Cách mạng sẽ bị dân nghèo tràn ngập, sẽ mắc kẹt trong những vấn đề « nội trợ » và sẽ không bao giờ còn cơ hội để thiết lập Tự do ; giải phóng là hy sinh Tự do cho cơm áo và bà Arendt đã lên án nặng nề sự hy sinh đó. Vậy chỉ còn con đường thứ ba, nghĩa là một chánh sách « tân cô lập » : chấm dứt những sự can thiệp vô tích sự để chỉ lo bảo tồn nền Cộng-hòa Mỹ. Chánh sách này có phần « cởi mở » hơn đối với các phong trào giải phóng : không giúp nhưng cũng không chống, miễn là các phong trào này đừng đụng chạm tới Hoa-kỳ.

Tuy nhiên, thật là khó mà quan niệm được một sự « cô lập » trong thế giới hiện đại, đầu là của một quốc gia rộng lớn và giàu mạnh như nước Mỹ. Nền Tự do của Hoa kỳ dựa trên ba yếu-tố : sức mạnh quân sự, ổn định chánh trị và thịnh vượng kinh tế, trong đó yếu tố căn bản, lẽ dĩ nhiên, là yếu tố kinh tế. Hiện nay, nền thịnh vượng của Hoa-Kỳ có liên hệ đến một số đông những nước chậm tiến trên khắp mặt đất (đầu

(1) Đó cũng là con đường mà một số người Việt-nam đã mơ ước người Mỹ dẫn thân lên, ít nữa là tại miền Nam, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Thực tế đã trả lời như thế nào cho cái mơ ước đó, chắc mọi người đã thấy rõ.

tư, thị trường, nguyên liệu) và tùy thuộc một phần vào sự trường tồn của chế độ tư bản tại các nước này. Mà, như bà Arendt đã nhận định rất đúng, nơi nào không có sự phong phú tự nhiên, chế độ tư bản chỉ đem lại sự bần cùng cho quần chúng, do đó, các phong trào giải phóng, dầu không mang tính chất cộng-sản hoặc xã-hội chủ-nghĩa, đều đe dọa ít nhiều đến chế-độ tư bản khi muốn giải quyết nạn nghèo đói một cách dứt khoát, nghĩa là đe dọa đến nền thịnh vượng của Hoa-kỳ. Kết quả là, mặc dầu chỉ muốn bảo vệ tự do cho riêng mình, Hoa kỳ vẫn phải can thiệp khắp nơi trên thế-giới để đối phó với những biến-cố có thể đụng chạm đến những quyền lợi kinh tế thiết yếu của mình và trên căn bản, sự can thiệp ấy chỉ có thể nhằm ngăn chặn những phong trào giải phóng, do đó chúng ta lại trở về chánh sách thứ nhứt « không mục đích và hoàn toàn lỗi thời » mà bà Arendt đã lên án.

Về mặt đối nội, bà Arendt đã cho thấy cái hiểm họa sa đọa của chế độ Cộng-hòa (sự thống trị của luật pháp) thành chế độ dân chủ (sự thống trị của số đông), do sự di cư của đám dân nghèo Âu-châu sang Mỹ và đã chủ trương thành lập một chánh phủ « quý phái », chấm dứt phổ thông đầu phiếu, gạt bỏ số đông ra khỏi chánh trường. Tôi chẳng biết bà Arendt có một mục tiêu chánh trị nhứt thời nào không (1), nhưng rõ ràng là cuốn sách của bà có lợi cho đảng Cộng-hòa là một đảng bảo thủ, chứ không phải cho đảng Dân-chủ, dầu sao cũng « tiến bộ » hơn một chút, ít nữa là trên phương diện đối nội. Mặt khác, khi bà nêu lên những hậu quả khủng khiếp của lòng thương

xót kẻ nghèo trong phạm vi chánh trị, khi bà quả quyết rằng dân nghèo chỉ biết đòi cơm áo mà không cần đến tự do và các nhà Cách-mạng Mỹ đã thành công vì không thương xót kẻ nghèo, bà đã giúp cho các tập-đoàn phản động nhứt nhiều luận-cứ hùng hồn để tiếp tục chống đối, ngăn chặn mọi dự án cải-tạo xã-hội Mỹ (giải phóng dân da đen, thăng tiến kẻ nghèo v.v...) mà vẫn đủ đởn với cái lương tâm an lành của những kẻ nổi nghiệp chơn chánh nhứt của các đảng Quốc-Phụ! Sau cùng, với cái chủ trương Chánh phủ « quý phái » bà đã mở đường cho các khuynh hướng phát xít đang lớn dần tại Mỹ (2).

Rốt cuộc, đối ngoại cũng như đối nội, cuốn Cách-mạng luận chỉ có thể tạo nơi những người Mỹ một tâm trạng lo âu đến hoảng hốt, giống như tâm trạng của những công dân Athènes, La-mã thời suy mạt. Tự do hiện ra như một di sản vô giá của các đảng Quốc phụ mà chỉ riêng những người Mỹ chánh cống mới hưởng được, nhưng đó là một di sản bị đe dọa nặng nề từ bên ngoài cũng như bên trong và phải được bảo vệ bằng mọi giá. Nền Cộng-hòa Mỹ chói lòa như một ngọn hải-đăng đặt trên một hòn đảo chơ vơ cô lập giữa một biển người mênh mông man rợ đang gào thét đòi

(1) Cuốn Cách-mạng luận xuất bản tại Mỹ năm 1963, nghĩa là một năm trước cuộc bầu cử Tổng-thống Mỹ.

(2) Sự ủng hộ của 15% cử tri đối với một nhân vật xuân ngốc và phát-xít trắng trợn như ông Wallace trong cuộc bầu cử vừa qua là một hiện-tượng đáng sợ nhứt cho tương lai của nền Cộng-hòa Mỹ, của nước Mỹ nói chung và của cả thế-giới.

cơm áo... Hậu quả của tâm trạng này chắc hẳn sẽ không phải là một thái độ cỏi mờ.

Vậy thì bà Arendt muốn cái gì? Trước câu hỏi này, tôi tức cười mà nhớ tới những lời than nho nhỏ lâu lâu vẫn được nghe nơi cửa miệng thường là không râu — của các bậc «mày râu»: muốn biết đàn bà họ muốn cái gì thì chỉ có nước bắc thang lên hỏi cụ Trời, mà chưa chắc Cụ sẽ trả lời đúng vì hồi nào tới giờ người ta vẫn cho là Cụ có râu, nghĩa là thuộc về giống đực... Cho nên ai muốn biết tác giả cuốn Cách-mạng-luận «chối lợi, thông minh và khiêu khích» ấy muốn gì thì cứ viết thư thẳng cho Bà mà hỏi. Còn tôi xin chịu bí.

oOo

Nhưng đối tượng của bài này không phải cuốn Cách-mạng-luận mà là cuộc «Cách-mạng» Hoa-kỳ. Tôi đã trình bày dài dòng cuốn Cách-mạng-luận vì nó đã bộc lộ một cách hết sức ngồ ngáo cái khuyết điểm căn bản — mà nó cho là một ưu điểm của nền Cộng-hòa Mỹ từ lúc khởi nguyên: sự vắng mặt của lòng thương xót, sự vắng mặt của ý-chí giải phóng và thăng tiến dân nghèo; đồng thời vì nó đã đặt ra nhiều vấn đề căn bản liên hệ tới Cách-mạng cũng như tới sinh hoạt chánh trị nói chung. Trong một dịp khác, tôi sẽ bàn đến những vấn đề ấy. Bây giờ đã đến lúc phải kết thúc cái bài đã quá dài này bằng một vài cảm nghĩ về cuộc Cách-mạng Hoa-kỳ.

Cuộc nổi dậy của mười ba xứ thuộc địa Anh đưa tới sự thành lập nước Cộng-hòa Liên-bang Hoa-kỳ, có phải là một cuộc Cách-mạng hay không? Muốn trả lời câu hỏi này, thiết tưởng cần xác định rõ rệt ý nghĩa của danh từ Cách-mạng.

Như bà Arendt đã nhắc lại trong cuốn Cách-mạng-luận, chữ Cách-mạng được dùng trước tiên trong thiên-văn-học để chỉ sự trở về khởi điểm của một thiên-thể (astre) sau khi đã đi quanh quỹ-đạo, hoàn tất một chu-kỳ.

Thời Thượng-Cổ, người Hi-lạp và La-mã đã áp dụng chữ Cách-mạng vào phạm vi chánh-trị để chỉ những sự thay đổi nhà cầm quyền hoặc thay đổi chánh-thể gần như có tính cách chu-kỳ (và do đó, có thể so sánh với sự vận chuyển của các thiên-thể) mà họ đã chứng kiến trong lịch sử của họ: từ chế độ quân chủ sang chế độ quý tộc rồi đến chế độ dân-chủ, sau đó lại trở về chế độ quân-chủ v.v... (1). Trong một quan niệm chu-kỳ về lịch sử, không thể có một cái gì «mới», vì mọi sự đều trở đi trở lại; cũng không thể có một tiến bộ nào, hiểu như sự di chuyển đến một trạng thái «tốt hơn», vì tiến bộ bao hàm một cứu cánh, mà trong một lịch sử xoay vần, cái khởi điểm cũng là cái cùng đích, do đó, không có một tiêu-chuẩn nào để đánh giá các trạng thái nối tiếp nhau trong thời gian. Tóm lại, thời Thượng-Cổ, «Cách-mạng» chỉ là thay đổi nhà cầm quyền hoặc thay đổi chánh-thể trong một xã hội nhứt định, và thay đổi chánh-thể cũng chỉ là thay

(1) Platon đã phân tách sự xoay vần đó trong cuốn *La République*. Bên Đông-phương, chế độ quân chủ đã trường thành trong suốt lịch sử — cho đến khi chạm trán với Tây-phương — nên chỉ có những thay đổi triều đại, do đó không có chữ nào tương đương với chữ *Révolution*. Chữ Cách-mạng, dùng để dịch lại chữ *Révolution* chỉ có nghĩa thay đổi triều-đại (mạng Trời). Tuy nhiên, cái quan niệm Đông-phương về sự thay đổi chánh-trị cũng có tính cách chu kỳ như bên Tây-phương: từ thịnh tới suy, trị tới loạn v.v...

đòi số người cầm quyền (một người trong chế độ quân chủ, một thiểu số trong chế độ quý tộc và tất cả các công dân trong chế độ dân chủ).

Chỉ bắt đầu từ thời cận đại, với cái quan niệm thời gian như một đường thẳng và lịch sử như một biến chuyển của toàn thể nhân loại đi từ một khởi điểm chung tới một cứu cánh chung, với sự phục-hưng các giá trị tự do, bình đẳng của nền văn minh Hy-La liên kết với những đòi hỏi của đức bác ái Thiên-Chúa-giáo (mà khía cạnh cụ-thể nhất là sự kính trọng và lòng thương xót kẻ nghèo), với những khám phá, phát minh mới mẻ trong mọi lãnh vực và sau cùng với những đòi hỏi thay đổi lớn lao trong các phạm vi tôn giáo và chính trị, chữ Cách-mạng mới dần dần mặc một ý nghĩa khác hẳn thời Thượng Cổ, phong phú hơn và phức tạp hơn nhiều.

Từ đây, Cách-mạng mới có nghĩa là *lật đổ toàn diện những cơ-cấu, định chế của xã-hội cũ để tạo dựng một xã-hội hoàn toàn mới trong đó con người sẽ được giải phóng thật sự để có thể sống tự do, bình đẳng và huynh đệ thật sự với con người*. Cách-mạng là bước tiến dứt khoát của lịch sử, không phải một lịch sử mù quáng vận-hành một cách máy móc như một định-mệnh lôi cuốn và đè bẹp con người (mà bà Arendt đã chỉ trích) mà của lịch sử hiểu như một công trình sáng tạo của một số người mỗi ngày một đông hơn, mỗi ngày càng ý thức rõ rệt hơn sức mạnh và quyền hạn của mình, mỗi ngày càng nắm vững hơn vận mạng của mình, bằng cách xử dụng hợp lý tất cả những khả năng thiên phú, và Cách-mạng chỉ hoàn tất khi nào số người ấy bao trùm

toàn thể nhân loại. Tóm lại, Cách-mạng là một *dự-phóng sáng tạo con người mới* và sự sáng tạo này cũng là một sự *trở về* theo đúng cái nguyên nghĩa của chữ Révolution : *trở về cái bản tính đích thực của con người sau một giai đoạn vong thân*.

Hiểu như vậy, nhiệm vụ đầu tiên của Cách-mạng là nhiệm vụ *giải phóng* : giải phóng tất cả những người đang bị kềm kẹp, đàn áp, bóc lột trong xã-hội cũ, đang sống dưới mức con người trong nạn nghèo đói, bệnh tật, đang mê muội trong sự ngu dốt, trong những ảo tưởng, huyền-thoại do kẻ thống trị tạo ra để làm cho họ an phận. Công cuộc giải phóng chỉ thành công khi những người này *thức tỉnh*, ý thức được tính cách phi lý, bất công của số phận họ, ý thức được những giá trị nhân-sinh như cái gì cao quý hơn mạng sống và do đó *dám đương đầu với cái chết*, đứng lên lật đổ xã-hội cũ, giành lại quyền làm người. *Cách-mạng không phải chỉ là giải-phóng nhưng không có giải-phóng thì nhất định không có Cách-mạng*. Và giải phóng không thể bị giới hạn trong biên thùy một quốc gia; nó đương nhiên hướng về tất cả những người đang sống «chưa ra con người» trên thế giới, vì dự phóng cách-mạng là một dự phóng phổ biến, như Saint-Just đã nói :

« Có ba điều ô nhục trên mặt đất mà đạo đức cách mạng không bao giờ chấp nhận được : thứ nhất là các nhà Vua, thứ nhì là tuân lệnh các nhà Vua, và thứ ba là *buông võ khí xuống trong khi còn một ông chủ và một tên nô-lệ tại một nơi nào đó* ».

Vì Cách-mạng bắt đầu bằng giải phóng, vì giải phóng là sự thức tỉnh,

chỗi dậy của số người đông đảo bấy lâu nay đã sống dưới mức con người, vì trong sự chỗi dậy này, họ đã đem chính mạng sống của họ để đánh cuộc cho một tương lai nhân bản, không những của họ mà của toàn thể nhân loại, nên Cách-mạng theo nghĩa hiện đại, đã mang một sắc thái cuồng nhiệt gay gắt chưa hề thấy trong lịch sử. Cách mạng bùng nổ như một *sự rạn nứt của thời gian, phân hai lịch sử, phân hai nhân loại và bắt buộc mọi người phải lựa chọn dứt khoát.*

« Ra khỏi phạm vi của trí khôn, nó đi vào phạm vi tình cảm, nó làm đập mạnh những con tim, nó hấp dẫn hoặc xua đuổi; đối với một số người, nó là tin tưởng và hy vọng, đối với một số người khác, nó là thù hận và khủng bố; người ta sẽ chết vì nó hoặc đề chống lại nó. Hãy coi chừng: từ đây, nó đã nhập thể; dầu là thần hay là quỷ, nó là một ngôi vị: nó giữ được một linh hồn » (1).

Cho nên Alexis de Tocqueville đã gọi Cách-mạng là một thứ tôn giáo mới, một tôn giáo « không có Thượng-đế, không có thờ phụng và không có đời sau, nhưng dầu vậy, các chiến sĩ, tông đồ và thánh tử đạo của nó đã lan tràn khắp mặt đất » (2).

Cái dự phóng toàn diện phổ biến và có mãnh lực hấp dẫn như một tôn giáo ấy hoàn toàn khác biệt với những sự thay đổi chánh thể của thời Thượng Cổ; nó cũng vượt xa cái ý muốn thiết lập một quốc-gia hợp lý đã xuất hiện nơi một số triết gia thời đó, đặc biệt là Platon. Như bà Arendt đã nhận xét rất đúng, Cách-mạng theo nghĩa hiện-đại là một *hiện tượng hoàn toàn mới* (3) Nhưng bà lại mâu thuẫn với chính bà khi định nghĩa Cách-

mạng như là sự thiết lập *chế-độ Cộng-hòa*. Nếu Cách-mạng chỉ thiết lập chế-độ Cộng-hòa thì không thể xem như một hiện-tượng mới, vì chế độ Cộng-hòa đã có từ thời Thượng Cổ.

Như vậy có hai ý nghĩa của chữ *Cách-mạng*: một ý nghĩa cổ sơ, và một ý nghĩa hiện đại. Theo ý nghĩa cổ sơ, Cách-mạng chỉ là một sự thay bậc đổi ngôi có tính cách tạm thời cho sự tranh giành quyền lợi giữa các giai cấp hoặc các cá nhân, đưa đến một thay đổi chánh thể cũng có tính cách tạm thời, chánh thể này kế vị chánh thể kia trong một chu-kỳ vĩnh cửu. Theo ý nghĩa hiện đại, Cách-mạng là giải phóng toàn diện và dứt khoát con người, sáng tạo một nhân loại mới tiến về cùng đích của lịch sử một lịch sử không thể chảy ngược chiều.

Người Mỹ có « làm Cách-mạng » hay không? Như đã thấy ở phần đầu, André Maurois cho rằng họ đã « không làm một cuộc Cách-mạng chánh trị theo nghĩa cuộc Cách-mạng Pháp, mà cũng không làm một cuộc Cách-mạng kinh-tế theo nghĩa cuộc Cách-mạng Nga ».

Tôi nghĩ rằng nói như vậy là sai: Cách-mạng Pháp không phải chỉ có tính cách chánh trị và Cách-mạng Nga không phải là thuần kinh tế.

Ngay từ đầu, Robespierre đã thấy rằng điều quan trọng không phải là thay đổi chế độ chánh trị mà là thay

(1) Ferdinand Brunot « Un mot transfiguré: Révolution », trong Histoire de la langue française, tome IX, dẫn trong Georges. Norel, bài đã dẫn tr. 684

(2) L'Ancien Régime et la Révolution, NRF Morel, 1952, tr. 71.

(3) Essai sur la Révolution, tr. 10 và tr. 36

đổi thật sự mối tương-giao giữa người với người. Đối với ông, Cách-mạng trước hết là giải quyết «vấn-đề xã-hội» nghĩa là giải-phóng dân nghèo khỏi nạn đói rách, dốt nát và khi nào chưa giải quyết xong vấn đề ấy, chế độ Cộng-hòa sẽ bị thao túng bởi một thiểu-số trọc phú để trở thành một công-cụ đàn áp bóc lột và lừa bịp nhân dân :

« Giải pháp của vấn-đề xã-hội trọng đại đâu có nằm trong những danh-từ Cộng-hòa hay Quân-chủ » (1).

« Nhân dân chỉ đòi hỏi những điều cần thiết, họ chỉ muốn sự công bằng và sự an vui ; kẻ giàu trái lại đòi hỏi tất cả, họ muốn xâm chiếm tất cả và ngự trị trên tất cả ; những sự lạm dụng là công trình và phạm vi của kẻ giàu, họ là tai họa của nhân dân ; quyền lợi của nhân dân là quyền lợi chung, quyền lợi của kẻ giàu là quyền lợi riêng. » (2)

« Nhân dân... Còn chướng ngại vật nào ngăn cản sự giáo-dục nhân dân ? Sự bần cùng. Vậy khi nào nhân dân sẽ trở nên sáng suốt ? Khi họ được no cơm ấm áo, khi kẻ giàu và chánh quyền không còn mua chuộc những cây bút và những miệng lưỡi nham hiểm để lừa gạt họ, khi quyền lợi của kẻ giàu đồng hóa với quyền lợi của nhân dân. Chừng nào mới có được sự đồng hóa ấy ? Không bao giờ ! » (3)

« Hỡi các nhà làm luật, các ngài sẽ chưa làm gì cho Tự-do nếu những đạo luật của các ngài không nhằm giảm bớt bằng những biện pháp ôn hòa và hữu

hiệu, sự chênh lệch quá to lớn giữa các tài sản. » (4)

Saint-Just đã vẫn tắt hơn khi ông xác định, trong một câu gọn lỏn, cái điều kiện cốt yếu của Cách-mạng : « Nếu các ông lấy ruộng đất của tất cả những kẻ gian ác để ban cho tất cả những người đau khổ, tôi sẽ nhìn nhận rằng các ông đã làm một cuộc Cách mạng. » (5)

Trong giai đoạn quyết liệt nhứt của nó, dưới sự lãnh đạo của Robespierre và Saint-Just, cuộc Cách mạng Pháp đã mang một sắc thái xã-hội rõ rệt (6) và có thể nói rằng nó đã đặt những tiền-đề mà, hai thế kỷ sau, cuộc Cách mạng Nga sẽ đem lại một kết luận. Cả hai đều nằm trong cái dự-phóng cách-mạng căn bản của thời đại chúng ta : giải phóng toàn diện con người bằng cách giải phóng trước tiên những tầng lớp đông đảo nhứt và thấp hèn nhứt.

(Xem tiếp trang 76)

LÝ CHÁNH TRUNG

(1) Robespierre : Discours et Rapports, Edition Eugène Pasquelle, Paris 1958 tr. 181

(2) Discours et Rapports đđ tr, 97.

(3) Notes personnelles, dẫn trong Albert Mathiez Et des sur Robespierre Editions sociales Paris 1958, tr 24-25.

(4) Albert Mathiez sđđ tr, 111.

(5) Saint Just Oeuvres complètes Edition Eugène Fasquelle, Paris 1908, to me II, tr 268

(6) Mặc dầu chưa có đủ kiến thức và kinh nghiệm chương trình xã hội của Robespierre rất cấp tiến so với thời đó : cưỡng bách giáo dục, giới hạn các tài sản, đánh thuế trên các lợi tức cao và sự thừa-kế, công nhận quyền có việc làm, quyền được trợ giúp khi thất nghiệp v.v. Phải đợi đến 150 năm sau các chế độ dân chủ Tây Phương mới lần hồi thực hiện chương trình này.

TÁC PHẨM DO LÁ BỒI ẤN HÀNH :

☆ *Truyện dài* **GIÓ CUỐN** của VÕ-HỒNG

« Gió Cuốn » lấy đề tài là thực trạng xã hội hôm nay, cái xã hội bị phân hóa cùng cực bởi đồng tiền, bởi chiến tranh. Đồng tiền xô đẩy những người đàn bà thoát ly ra khỏi gia đình đi làm sở Mỹ, làm gái bán Bar, xô đẩy trẻ con bỏ lớp học đi lang thang « bụi đời » móc túi và hút Salem, xô đẩy những người trí thức đi tới chỗ bán rẻ lương tâm. Trong một xã hội bị quay cuồng, bị cuốn hút, bị xáo trộn như thế, một nạn nhân có lương tri, vai chính trong truyện, sẽ có thể thoát ra ngoài cơn lốc phũ phàng đó không ? « Gió Cuốn » hấp dẫn mọi người bởi một nội dung sâu sắc thâm trầm và bởi một văn phong dịu dàng ý vị ...

Sách dày 304 trang giá 140 đ.

☆ **ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC**
của NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tới nay người ta vẫn ngạc nhiên rằng 60 năm trước, một nhóm nhà Nho trong Đông Kinh Nghĩa Thực đã gây được một phong trào duy tân bành trướng rất mau trong toàn quốc và ảnh hưởng rất lớn. So với phong trào duy tân của Khang hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc có phần hơn chứ không kém.

Cuốn Đông Kinh Nghĩa Thực của ông Nguyễn-Hiến-Lê xuất bản lần trước năm 1956. Từ đó ông vẫn đề ý sưu tầm thêm tài liệu và trong bản in lần này, ông đã sửa chữa rất nhiều thêm năm sáu chục trang (dày gấp rưỡi cuốn trước). Vì vậy độc giả nào đã có bản cũ cũng nên có thêm bản mới.

Sách dày 184 trang giá 100 đ.

★ Các nhà sách trên toàn quốc nên liên lạc với Nhà xuất bản số 120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn để được hoa hồng rộng rãi.

Ngàn vàng đổi một trận cười...

L.T.S. Đó là một chương trong tác-phẩm của bác-sĩ Dương Tấn Tươi : « Cười, nguyên nhân và thực chất, » do Cơ-sở Phạm-Quang-Khai xuất bản và sắp được phát-hành. Tác giả muốn trả lời câu hỏi « Cười là gì ? » của một em nhỏ (Cháu Ba) qua 34 lá thư viết cho cha đưa bé (Anh Năm) và bài sau đây chỉ là lá thư thứ tám gửi anh Năm đề luận về trận cười của nàng Bao Tự. Tào soạn Bách-Khoa sẽ giới thiệu cuốn sách lý thú trên đây trong những số tới.

Bối cảnh lịch sử

Đã ba trăm năm rồi, từ ngày Võ-Vương hưng binh phạt Trụ, và khi thắng trận, cắt đất chia cho những người từng chinh, lập ra nhiều chư hầu. Kẻ thấy ít xin thêm, người hữu công được thưởng, còn bọn ương-ngạnh thì giựt càn, cuối cùng để lại cho nhà Chu ba tượng trưng : một vị thiên-tử, một mảnh đất và một tốp lính.

Và một cộng-đồng hiệp-ước vô cùng quan trọng « khi nào kinh-đô bị địch xâm phạm, thì cho người đến Ly-sơn đốt hai mươi cái chòi lá gọi là phong-hỏa-đài và đánh vào mấy chục cổ trống to. Các chư-hầu nghe thấy báo-hiệu phải đem binh đến cứu-viện ».

Khế-ước đó liên-kết thiên-tử với chư hầu là tấm bình-phong bảo vệ cho nhà Chu.

Câu chuyện bắt đầu bằng hai việc hoang đường :

— [1) *Lời sấm.* Chỉ trích một chế độ hiện hữu thì xứ nào cũng có, chê bai, nhưng không dám chường mặt, thì đời

nào cũng có, phê bình chính phủ bằng những câu có vần, thì nước Trung-Hoa với nền văn hóa cổ truyền, lúc nào cũng nhiều ; chỉ nhọc công dạy cho một trẻ, sấm cho nó y phục lòe loẹt đỏ xanh, đưa một nắm kẹo, bảo đi rủ rê đám con nít cùng hát theo. Chỉ có thể thôi. Vậy mà có người tin là « sấm », vì toàn dùng chữ mập mờ, có thể gán vào bất cứ biến-cố nào, nên lắm kẻ cho là tiên tri.

Ngày nào bên Trung-Hoa chắc cũng có chuyện mơ hồ đó, nhưng các quan tư-thị lại lười nên bỏ qua, trừ khi nào thiên tử có dịp du ngoạn mới nghe được. Chính vua Tuyên-Vương nhà Chu mục kích bọn trẻ, vỗ tay cùng hát :

« *Thỏ lên, ác lặn non đoài*

Yềm hồ, cơ bạc, hết đời nhà Chu »

Mang câu ấy về, rồi đưa cho đình thần bàn. Cuối cùng đi đến kết luận là có nạn chiến tranh : vì yềm hồ là cung, còn cơ bạc là túi cỏ đựng tên. Anh tưởng đâu họ sẽ đưa ra đề nghị như là

đắp thành, đào lũy, tuyển lính, mộ binh? không đâu! giải pháp rất lạ lùng: cấm chế tạo binh khí và buôn bán cung tên!

Nạn nhân của lệnh ấy là cặp vợ chồng quê mùa, ở xa kinh thành thản nhiên vác cung mang tên vào bán. Lính rượt, vợ bị bắt, chịu tử hình; chồng chạy thoát, đến cạnh bờ sông ngồi nghỉ chân.

— 2) Hãy để cho con người vô phước ở lại đó, chúng ta đến chuyện hoang đường thứ hai: *đạp nhầm vết chân của thú mà thọ thai.*

Anh biết khi mấy ngàn thiếu nữ đương xuân bị bắt buộc tụ hợp lại một nơi, mà vốn vẹn có một người đàn ông, thì đều gặp cảnh của Cung-oán:

« Ngán thay cái én ba nghìn

Một cây Cù-mộc biết chen cành nào?»

Tất nhiên, phải « xé rào » khi sinh lý thúc dục mà đón... chim xanh. Rủi ro gặp « tai nạn giao thông » là mang thai thì phải khéo mồm, lẻo mép, nhắc tích xưa được lưu truyền trong cung cấm để kết-luận: vì có con giải thần trong kho quý của nhà vua chạy thoát đi và nàng lại đạp nhầm vết chân của nó mà... thụ thai.

Câu chuyện dị-đoan như thế mà được chấp-nhận để đem lại một quyết đoán bất công: người mẹ có tội thì được thứ tha chỉ dành trừng phạt cho đứa con vô tội: đứa bé ấy bị đem liệng xuống sông.

Dầu sao, đến đây chúng ta phải nhìn nhận một sự-kiện: nàng cung-nữ đó là một hoa-khôi vì đã qua hai lần tuyển-chọn. Lần đầu tiên, nàng phải có nhan sắc mới được tuyển vào cung, và lần thứ hai, đã trọng tuổi, nàng phải thật

có duyên mới được ái-tình chú ý. Đứa con gái, thừa hưởng gia-tài ấy, nên sau này đem sắc nước hương trời đó mà đảo lộn sơn hà. Không phải chuyện hoang-đường.

Hai điểm vô-lý tụ-hợp lại thành một gặp gỡ ly kỳ: đứa hài-nhi trôi sông tấp vào người bán cung mất vợ. Vớt lên, y nuôi một hy-vọng: hai kẻ thoát chết sẽ cố nương nhau để tìm một lẽ sống. Nhưng đó là sự hão-huyền! Không đủ sức nuôi mình làm sao tìm sữa nuôi được con. đành phải đem cho một kẻ hiểm-hoi để đòi lấy vài tấm vải.

Đứa con gái ấy sẽ vào lịch-sử với tên là Bao-Tự.

Lại trở về cung: Thiên-tử nhà Chu đã băng-hà, con là U-vương lên kế-vị, chẳng lo việc nước, chỉ thích ăn chơi. Đại-phu Bao-Quỳnh vào can bị hạ ngục. Con là Hồng-Đức, vừa trông thấy nhan-sắc diễm-kieu của Bao-Tự, đang đi gánh nước, nảy sanh ra ý « dùng độc trị độc ». Mới tí tuổi đầu mà thật sành khoa.. trị liệu. Cho hay lúc nào người Trung-Hoa cũng đi trước thiên hạ! Đem ba trăm tấm lụa mua Bao-Tự về, thay đổi xiêm-y, trau dồi son phấn, dạy cho lễ phép rồi... đem tiền lo lót Quốc-công để xin cho Bao-Tự được vào bệ kiến long nhan.

Đến đây, chắc anh đã hiểu vì đâu phải đổi ra họ Bao. Không lẽ đem một đứa tôi-đời dựng lên cho thiên-tử làm vợ, nên cần thay tên để cho dư-luận lầm tưởng là con cháu nhà quan.

U-vương, tuy lúc đó đã có vợ là Thân-hậu, con gái của Thân-hầu, và có con là thái-tử Nghi-Cửu, vừa trông thấy mỹ-nhơn đã mê hồn, nập ngay vào cung, tha liền Bao-Quỳnh, cho phục ngay chức xưa. Rồi cũng đi theo đường mòn

lối cũ của những kẻ mới có vợ lẽ là đem giấu một nơi. Kế tiếp vợ lớn bắt gặp. U-vương khuyên Bao-Tự nên đến chào chánh cung, chỉ nói nên thôi, chớ không bắt-buộc thì tất-nhiên Bao-Tự không làm. Rồi thái-tử binh mẹ đánh vợ bé của cha; rồi U-vương vì thứ-phi hạch tội con của chánh-thất và đẩy nó về ở với ông ngoại.

Bao-Tự lại có thai, sanh con trai, có đủ yếu-tố đề quật ngã đối-phương, làm cho Thân-hậu lo sợ. Bà mới lên viết thư, xui con giả vờ xuống nước, đề được về triều, rồi sẽ tính mưu sau. Bà không dè Bao-Tự được người báo tin, cho đón xét, bắt được thư kín và hai tấm lụa, phần thưởng của người chịu làm phụ-trạm. Cầm xé tan hai vuông lụa, trên môi xinh-xắn kia, lần đầu tiên mới nở một nụ cười.

Làm tướng, tiếng xoạc-xoạc chọc được mỹ-nhân cười, nhà vua u-mê mới truyền lệnh mở kho mang lụa đến. Cung nữ đều mỗi rời cả tay, một trăm mảnh lụa tan-tành mà nụ cười không chịu xuất hiện trên môi hoa. Nay đã lên ghế hoàng-hậu, con sắp được nhìn nhận làm thái-tử, mà Bao-Tự vẫn giữ gương mặt lạnh như đồng. Đờn ca, nhạc trời, múa hát tung-bưng cũng không làm cho nàng nhếch mép.

Thiên-tử nhà Chu cho hội cả triều-thần văn-võ để giải-quyết một quốc gia đại-sự: « làm cho Bao-Tự cười », và treo phần thưởng xứng đáng là một ngàn vàng cho người gây được sự cử-động của vai cơ trên ngực và mặt của mỹ-nhân.

Và vị quốc-công là Thạch-phủ hiển kể mầu: « ... nay thiên-hạ thái-bình, vậy bề hạ cùng hoàng-hậu lên chơi

trên núi Ly-sơn, đến đêm cho nổi lửa gạt chur-hầu kéo binh tới, khi thấy không có giặc sẽ kéo về; chừng đó ắt Bao-hậu sẽ cười ».

Bất chấp lời can-gián của các quan, vua cho thực-hiện mưu sâu. Khi nghe tiếng trống và thấy lửa; chur-hầu kiểm binh, điềm tướng đi suốt đêm, gấp rút đến Ly-sơn. Đề nghe tiếng nhạc du-dương và lời cảm ơn thiên-tử: « Không có giặc, vậy chẳng dám phiền đến chur-hầu ».

Quân tướng các nước đều ngơ ngác nhìn nhau, rồi cuốn cờ dẹp trống lui thủi trở về. Đứng trên bao lơn, Bao-Tự nhìn thấy binh chur-hầu tất tả kéo đến rồi vội vàng lui về, thích thú, vỗ tay, cười sảng sặc.

Nhà vua gật gù thưởng thức cái cười với muôn vàn vẻ đẹp của một bức tuyệt thể giai-nhân rồi đem ngàn vàng thưởng cho quốc-công. Và do đó mới có danh từ « nhất tiểu thiên kim ».

Thành thật mà nhận định, tiếng cười Bao-Tự còn đắt giá hơn nhiều!

Trước tiên, đứng về phương diện công-pháp quốc-tế, nó là sự « đơn phương tuyên bố bãi-ước ». Cho nên khi có giặc, lửa đốt lên ở Ly-sơn, chur-hầu không kéo binh tiếp cứu, vì hiệp ước cũ đã bị thủ tiêu bằng tiếng cười.

Không có cứu viện, U-vương bị giết, thái tử nát thân, Bao-Tự thành vợ giặc. Không có cứu viện, đành phải dời đô: Tiếng cười của mỹ-nhân biến thành tiếng khóc của muôn dân, bỏ hết tài sản, bồng bế nhau di cư về Lâm-ấp.

Như một nắm tuyết từ trên đỉnh núi rơi xuống càng lăn càng to thêm, kết quả cuối cùng của nhất tiểu thiên-kim là tiêu-hủy tổ chức phong-kiến đề khai

sanh ra chế độ quân-chủ độc tài của Tần-Thủy-Hoàng.

Lý do của cái cười

Như lời anh đã nói : « một đạo binh kéo đến, rồi rút lui, không thấy có gì đáng cười cả ! » Vì vậy có nhiều người cho là Bao-Tự đã đắc thắng nên cười tự phụ.

Xem qua tâm lý của Bao-Tự, sẽ thấy chủ trương ấy chưa thật vững chắc.

Là món đồ dơ dáy của cung cấm, bị liệng ra sông, gặp người vớt lên, lại quá nghèo nàn, đem bán cho kẻ khác. Tiếng là nói làm con nuôi chó thật sự là tội-đòi thí-công. Chính lúc gặp Hồng-Đức, nàng đương gánh nước.

Tất nhiên, nàng thất học, không biết gì ngoài công việc bếp núc trong nhà. Và đúng với nhận định của anh « trong cuộc đời cơ-cực ấy, không có gì để cười cả » cho nên nàng rất lãnh đạm từ nhỏ, đứng trước các biến-cố : lúc Thân-hậu bắt gặp nàng đương trừng-giờn với U-vương, chưởi mắng, quát tháo thậm tệ, Bao-Tự vẫn ngồi yên không buồn đứng lên. Chờ cho gió bão đi qua, hất hàm hỏi vua « ai thế ? ». Không phải cử-chỉ của người tự phụ, đó là hành động của kẻ lạnh lùng gần như vô cảm-giác. Khi bọn giặc Khương-Nbung phá thành, Bao-Tự vừa tiếp tin chồng và con bị giết, vẫn bình tĩnh tiếp Nhung chúa lên giường, không một chút hồ thẹn.

Như thế, lúc được nạp vào cung, Bao-Tự chỉ là một cái vỏ thật đẹp chứa đựng một bộ óc trống trơn và một quả tim giá lạnh trước sự bạc đãi của đời.

Cười đầu tiên

Lúc vào cung nàng cảm thấy chỉ cần chiều chuộng có một người sẽ được muôn người cung-phụng thì dùng một

cái Thân-hậu xuất hiện. Khi chịu đánh, đề trực thái-tử ra khỏi cung, Bao-Tự còn vồn vện có một địch thủ là hoàng-hậu. Đến lúc nắm được bằng cứ chắc-chắn trong tay, tiếng xé lụa là báo hiệu cho nàng một sự giải thoát, lý do của cái cười như lời ông Bain (1) đã dạy chúng ta.

Cười thứ nhì

Nhà vua u-mê kia làm gì hiểu thấu thâm-ý đó nên đã trả giá bằng trăm cây lụa mà không mua được nụ cười.

Chỉ có một người đọc được sự thoát-ly trong cái cười xé lụa là Quốc-công Thạch-phủ. Vì sau khi Thân-hậu bị giam, lúc các bộ hạ trung thành của Bao-Tự đề nghị đưa nàng lên ngôi-hoàng hậu và con làm thái tử thì lù lù hiện ra một chương ngại vật thứ hai mang tên là chư-hầu. Bao không cần biết đó là gì, tròn hay méo, chỉ cảm thấy vì chư-hầu nên bị kềm chế. Nếu giúp cho nàng thoát-ly-lần nữa, chắc hẳn nàng sẽ cười. Không sao thủ-tiêu được lực lượng đó, cũng không phương giam lỏng nó vào lãnh-cung, chỉ có cách là hạ giá nó trước mắt Bao-Tự. Vì lẽ đó Thạch-phủ mới dựng kế đốt các ụ trên núi Ly-sơn. Xét về phương-diện sành tâm-lý, đáng thưởng cho y ngàn vàng ; còn về mặt chính-trị và sự tồn-vong của đất nước, thì không có hình-phạt nào cân xứng với tội-trạng ấy, vì đứng đầu bá-quan, y lẽ đâu không biết quân-đội của chư-hầu là tấm bình-phong của nhà Chu ?

Do đó, chúng ta thấy : nếu đặt vào địa-vị của Bao-Tự một người đàn-bà hiểu thấu tình-hình chánh-trị, biết lo âu cho vận-mạng của quốc-gia thì có cười được không ? Có đúng với nhận-định của ông Bain (1) về sự liên-hệ giữa tánh-tình với cái cười chăng ?

(1) L.T.S. Triết-gia người Anh mà tác giả gọi là một trong « tám vị tiểu-lâm cao-thủ » trong một chương trước.

Có phải Bao-Tự cười vì trước kia, đối với nàng, chư-hầu là một sức mạnh vạn-năng, nay rõ lại chỉ là một món đồ chơi, đi đứng đều do sự giật-dây của U-vương, một người mà nàng khéo nũng-nịu thì sai đâu làm đó?

Có phải chứng minh cho câu nói của Pascal: « Cái cười là sự bất đồng giữa các điều hiểu và thấy » chẳng?

Đứng trên lầu cao trông thấy, tự

đăng xa, ba quân của chư-hầu hùng-hồ kéo đến, chắc lòng Bao-Tự có một phút xao-xuyến, nhưng lại tiêu mất ngay khi chúng riu-riu nghe theo lời thiên-tử; chừng đó nàng mới cười, minh-xác lời của Kant « cái cười sanh ra khi một tự-lự lớn thành-linh tiêu tan » hay là « một sự đợi chờ to vùng biển mất ».

DƯƠNG-TẤN-TƯƠI

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Cậu LÊ-ANH, trưởng nam Ông Bà LÊ-NGỌC-QUỲNH, sẽ làm lễ thành hôn cùng Cô VĂN HOÀNG-YẾN vào ngày 29 tháng 11-1968 tại Saigon,

xin trân trọng mừng Ông Bà LÊ-NGỌC-QUỲNH và thành thực chúc tân lang và tân giai - nhân trăm năm hạnh - phúc.

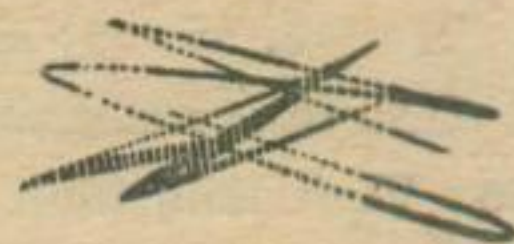
Ông Bà LÊ-NGỘ-CHÂU và PHẠM-DUY-LÂN

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina 'g'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE

khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.6YT

Những ngôi Chợ Trời ở dọc biên giới Việt-Miên

Phóng sự của LÊ - HƯƠNG

(Xin xem B. K. T. Đ. từ số 285)

Chợ Trời Tịnh-Biên

Tình trạng biên giới dọc theo kinh Vĩnh Tế thuộc tỉnh Châu Đốc được ấn định theo phần đất của đồng bào khai thác chứ không phải căn cứ theo địa hình thiên nhiên dưới thời nhà Nguyễn. Sau khi người Việt đào xong con kinh từ hữu ngạn Hậu giang đến sông Giang Thành quận Hà Tiên thông ra bờ biển, thì đồng bào ta định cư lập ấp, lập làng hai bên bờ rồi khai khẩn những mảnh đất bỏ hoang hàng mấy thế kỷ. Khi người Pháp đặt nền cai trị, Chính phủ phải vạch lằn ranh theo bờ ruộng của người Việt đã làm chủ dưới sự thỏa thuận của vị Quốc vương Cao Miên. Vị thế đất Việt phía bên bờ kinh rộng từ 1000 đến 2000 thước. Biên giới được đánh dấu bằng những trụ đã có ghi số thứ tự, từ trụ này đến trụ kia là bờ đê hay lạch nước.

Từ chợ Châu Đốc ra chợ quận Tịnh Biên phải theo quốc lộ số 2, đến ngay bờ kinh Vĩnh Tế, rẽ tay phải vài chục thước là chợ, rẽ tay trái vài chục thước là bến đò. Vĩnh lòng kinh không rộng lắm nên người ta dùng một chiếc đò duy nhất để giữa hai sợi giây sắt cột hai bên bờ kinh; đò di chuyển bằng sào và bằng phu kéo treo hai sợi giây ấy. Những người này đứng hai bên bờ đò

dùng một miếng gỗ có khoét lỗ lòn vào sợi giây kéo một lượt với nhau. Chiếc đò có thể chở nổi một xe hàng lớn. Trạm kiểm soát của ta ở ngay bến đò, du khách trình giấy tờ xong tiếp tục theo quốc lộ gần 2000 thước mới đến biên giới chánh thức dưới chân Núi Đen, người Miên gọi là Phnom Den. Tại đây có cây cồng chắn ngang đường, bên cạnh có một đồn canh nhỏ của ta. Qua khỏi cồng là đất Miên. Nhưng đi một khoảng độ 600 thước mới gặp đồn canh thứ nhất rồi tiếp tục gần 1000 thước mới đến thị trấn Tam lập, tiếng Miên là Tonléap (đọc là Tông liếp) nay đổi là Prabat Chean Chum thuộc tỉnh Takeo.

Chợ Trời Tịnh Biên nằm ở gần cồng biên giới, sát bên lề đường phía bên đất ta. Người buôn bán họp nhau trên khoảng đất trống, không cất quán, cất lều gì cả. Thân chủ của chợ toàn là bạn hàng ở hai chợ Tịnh Biên và Tam lập đi, về bằng xe lôi đạp hay xe lôi máy rất nhanh nên thì giờ họp chợ ở đây không thành vấn đề. Cứ tờ mờ sáng hai đoàn người ngồi xe lần lượt tựu đến rồi thì kẻ đi, người lại liên tiếp cho đến xế tối. Đôi khi hàng hóa ở Nam Vang hay Saigon, chưa đến kịp thì chợ ta

sớm hơn; Hoặc trong những ngày mưa dầm chợ cũng không thể kéo dài đến xế chiều.

Một điểm đáng ghi bên lề câu chuyện là tình cảnh của anh em đạp xe lôi từ bến đò đến Chợ Trời. Có lẽ đây là một đoạn đường ngắn nhất thế giới, vì anh em chỉ đưa khách và hàng hóa hơn 1000 thước mỗi chuyến rồi trở về cũng bấy nhiêu thước; Xưa kia hai quốc gia còn giao hảo thân mật, anh em được phép đi đến chợ Tam lập cũng như các bạn đồng nghiệp Cao Miên ở chợ ấy được quyền đi đến bến đò Tịnh Biên. Từ khi đoạn giao, nhà ai nấy ở, anh hùng nào giang sơn nấy, tầm hoạt động của anh em thu hẹp trên khoảng đường ngắn. Tuy nhiên nhờ nhiều người đi lại luôn luôn, suốt ngày « mần » cũng được vài chục chuyến nên anh em « thờ » dễ dàng. Hơn nữa mỗi lần có chở hàng lậu, người thuê xe « thông cảm » trả hậu hĩ hơn :

Hàng Chợ Trời Tịnh Biên được đồng bào hoan nghênh ở những chợ quận trong tỉnh Châu đốc như Nhà Bàng, Trị tôn và luôn cả tỉnh lỵ, lâu xuống chợ Long Xuyên và cố nhiên chúng nó cũng đi đến các tỉnh miền Tây và Saigon như thường.

Trong thời chánh phủ Ngô đình Diệm, tỉnh Châu Đốc, còn là một quận của tỉnh An giang đã có một vài ông Tỉnh trưởng no bóc ké nhờ nuôi các thân chủ chợ Trời Tịnh Biên và được các nhân vật ấy nuôi lại. Cả đến hai ông Quận trưởng Châu đốc cũng phát tài ra trò. Rồi cứ theo luật tuần hoàn của tạo hóa, ăn một thời gian thì mắc xương các ông bị gọi về Saigon rầy một mách và bị tổng đi Bến Hải, Cà Mau gọi là thanh trừng nhẹ nhẹ. Ông khác

mới đến cũng học theo sách cũ v sách quá dễ, quá hay, học rất mau thuộc cũng như hệ thống làm việc có sẵn sàng từ đời mấy vị tổ sư Thực dân, để sau đó một ít lâu lại mắc xương như bậc tiền bối. Tấn tuồng như cũ rích như trái đất ấy cứ diễn đi diễn lại, cho đến khi chính quyền Ngô đình Diệm sụp đổ mới chấm dứt. Các nhà chức trách sau này triệt để tẩy trừ tất cả những tệ đoan trước, khiến cho Chợ Trời bị ảnh hưởng nặng nề. Phạm vi hoạt động phải thu hẹp lại từ tánh cách « liên tỉnh » rút về « địa phương ».

Nhưng dù có cấm đoán thế nào đi nữa, vì nhu cầu cần thiết của đồng bào cũng như của Việt kiều và người Miên, Chợ Trời vẫn tồn tri. Ta cần nhiều món hàng của Miên, họ cũng nhiều sản phẩm của ta.

Sau ngày Cách Mạng Chợ Trời Tịnh Biên bớt nhộn nhịp hơn trước, bên Miên người bán lại đem hàng vào Chợ Tam lập hoặc xa hơn là về chợ Tỉnh Takeo, bên ta cũng loay hoay ở mấy chợ Châu đốc, Long Xuyên, bến đò Vàm Cống. Người mua bán ở Saigon thích đi Chợ Trời Gò dầu Hạ gần hơn, tiện hơn là đến chợ Tịnh Biên.

Tiền và máu

Bạn hàng ở chợ Tịnh Biên đi đò qua kinh Vĩnh Tế, ngồi xe lôi đến Chợ Trời và chở hàng hóa về đường cũ. Đó là những món thông thường được sự chấp nhận của nhân viên kiểm soát, trái lại những « thứ dữ » khờ chủ phải tìm cách qua mắt nhà cầm quyền. Ngã thông thường duy nhất ở vùng này là kinh Vĩnh Tế qua bên kia là gần đất Miên, trở về là nhà của mình. Từ bên bờ Tịnh Biên ngược ra Châu đốc hay

xuôi vào Hà tiên có cả một ngàn lẻ một bến cho đồng bào xử dụng vào những giờ phút thuận tiện cho phương pháp đi ngang về tắt. Rồi tuy dài nhưng không đánh tới bụng ngựa là thế, các viên chức biết rõ nghề làm ăn của một số người sống nhờ Chợ Trời nhưng làm sao bố trí để bắt được họ dễ dàng? Một chiếc xuồng câu, một chiếc tam bản, một chiếc ghe lưỡng từ bờ này xẹt qua bờ kia mất vài ba phút họa chăng các ông được mật báo trước như lối buôn á phiện mà chặn đúng ngách mới tóm được con mồi.

Áp dụng lối này, con buôn phải nhờ người gánh hay vác hàng từ Chợ Trời theo đường ruộng đến nơi để xuống. Người gánh thuê toàn là người Miên dài theo lẫn ranh thuộc đường như cháo và biết rõ giờ nào xuất hành giờ nào nên nghỉ. Họ đề phòng như thế là để tránh toán lính tuần tiễu Miên thỉnh thoảng xâm phạm đất ta để « cầm nhăm » hàng hóa của đồng bào. Trước mũi súng, lưỡi gươm, những người buôn bán chỉ có nước xuôi tai cho các quan mặc tình vơ vét. Người nào hết thời gặp phải vố này thì vốn liếng kể như cúng hết cho Ông Tà. Tuy nhiên được mang cái chỗ đội nón về với vợ con là một cái may vì nếu các quan có nổi máu... Chẳng mà giết chết cũng phải chịu. Thân nhân không biết kêu ca vào đâu, cả đến Chánh phủ ta có la ó rùm lên cũng như ca hát giữa bãi sa mạc. Đây là một mối nguy hại cho giới thương mại ở Chợ Trời Tỉnh Biên mà cũng là một điều khổ tâm của nhà cầm quyền. Đồng bào rất sợ tai họa này vì chính mình đem thân vào miệng cọp, nhân viên công lực của ta biết đâu mà bảo vệ cho kịp thời? Trong « lịch sử » chợ Trời chỉ có chợ này phải gánh cái ách không

biết đến bao giờ mới thoát khỏi. Kể từ ngày tiên khởi đến giờ đã có bao nhiêu nạn nhân rồi? Nhưng có ai biết đến tình cảnh đáng thương của họ? Báo chí biết đâu mà điều tra, nhà chức trách biết đâu mà giúp đỡ vì chính họ có dám cung khai việc mua bán đến lúc của mình bao giờ đâu? Chỉ có người trong giới của họ, bạn đồng nghiệp của họ, và những người sống chết với Chợ Trời đã nhắc nhở họ khi quyền sở đoạn trường ghi thêm tên một bạn mới! Mỗi nạn nhân gặp một trường hợp khác nhau, một địa điểm khác nhau một hoạt cảnh khác nhau và từng chuyện, từng chuyện những trò cướp giật hóa thành những giai thoại đầm đìa nước mắt và đượm vẻ uất ức hận thù. Chuyện được khởi đầu luôn luôn bằng câu: Ngày... Tháng... Năm... năm X theo người gánh thuê quầy hai bao hàng đi theo ngã... thỉnh linh gặp... « Cũng như ta thường kể chuyện cổ tích rằng ». Ngày xưa, có một người đàn bà hung dữ...

Thỉnh thoảng đồng bào ở Saigon thấy báo đăng tin lính Miên vượt biên giới Tỉnh Biên. Nhưng đó là những tin bọn chúng bắt cóc nông dân Việt để đòi tiền chuộc hoặc thi hành theo lệnh của Việt Cộng khi chúng tình nghi nạn nhân làm điếm chỉ viên cho quân đội ta. Bọn lính Miên làm xong công tác này thì được Việt Cộng thưởng cho một số tiền! Nhiều lần chúng giết đồng bào ta để cướp trâu, cướp bò, và lâu dần dân chúng xem như là chuyện thường nhật!

Đối với Chính quyền địa phương hàng lâu Chợ Trời có qua đến bờ kinh, có tải lên nhà cất dấu và bị các viên chức phát giác được cũng phạt vạ, đánh thuế là

cùng. Việc tịch thu ít khi xảy ra trừ phi những loại hàng nguy hại đến vấn đề an ninh.

Hàng hóa ở Chợ Trời Tịnh Biên cũng là những món của dân chúng hai bên cần dùng hàng ngày. Xưa kia dưới thời Ngô đình-Diệm việc buôn bán có bề trên che chở nên phát đạt, đồ vật dồi dào. Khi chế độ cũ đi đời thì bộ mặt Chợ Trời cũng thay đổi hẳn. Người tiêu thụ ít, người bán không lời nhiều, không đáp nổi sở phí từ Nam-Vang tải xuống nên họ xoay về ngã Gò-dầu-Hạ. Nghề đổi tiền hai bên, hầu như bị khánh tận hoàn toàn sau khi xe đồ Tân Việt hết chạy. Du khách không ai dùng ngã đường khó khăn và xa xôi này nên có ai cần đổi để làm gì? Người mua bán thì xài cả hai thứ, mua tiền nào trả theo giá nấy.

Tuy nhiên tại Chợ Trời Tịnh Biên có món hàng đặc biệt mà không nơi nào có: «Sách chữ Miên xuất bản ở Nam-Vang». Người Việt gốc Miên học chữ Miên, viết chữ Miên nhưng ở Việt-Nam không có in sách Miên ngữ, bắt buộc họ phải mua lén lút ở Nam-Vang bằng cách nhờ bạn hàng ở Chợ Trời Tịnh Biên.

Về các bộ kinh Phạn ngữ, bậc Tiểu Học học 3 năm phải có hai bộ:

— Veyneykor (văn phạm Pali): 2 quyền

— Thommabal (Pháp cứu) 8 quyền mỗi quyền dày từ 450 đến 550 trang.

Bậc Trung Học 4 năm phải có 3 bộ:

— Kampi Mangkol (Hạnh phúc kinh) 4 quyền.

Pisuktimak (Đường đạo tinh khiết) 4 quyền.

Kantha Vitharoney 2 quyền.

Mỗi quyền Hạnh phúc kinh dày bằng cuốn tự điển!

Theo quy điều của nhà Phật thì những quyền kinh nào cũng phải sắp chữ và in giống nhau bất cứ do quốc gia nào xuất bản. Đạo Phật ngành Tiểu thừa truyền bá sang Thái Lan, Miến Điện, Ai Lao, Cao Miên, Nam Dương nên Sư Sãi xứ này đều học các bộ kinh giống nhau. Ví dụ khi một vị Sư Thái nói rằng câu kinh ở dòng thứ mấy, trang mấy trong quyền nào thì vị Sãi ở Ai Lao hay Miến Điện biết ngay vì quyền kinh in ở 2 nước ấy cũng giống y ở Thái.

Ngoài sách học và kinh Phật, người Việt gốc Miên còn nhờ bạn hàng ở Chợ Trời Tịnh Biên mua bản nhạc do các nhạc sĩ Miên sáng tác, tiểu thuyết Miên ngữ, những loại sách bình luận, giảng giải kinh Phật và hàng năm mua cuốn lịch ghi ngày, tháng tốt xấu, ngày Tết, ngày lễ Phật so với Dương lịch. Cuốn này gọi là Maha Sangkran do các vị quan Thiên văn trong Hoàng Triều Cao Miên soạn mỗi năm. Người Miên và Việt gốc Miên dùng một loại âm lịch khác hẳn với âm lịch người Trung Hoa, chia mỗi tháng làm 2 tuần: Tuần trăng tròn 15 ngày và tuần trăng khuyết 15 hay 14 ngày, tùy theo tháng đủ hay tháng thiếu, cứ hai năm có một lần nhuận 1 tháng giống như âm lịch của Tàu. Căn cứ theo sự vận chuyển của mặt trăng, các quan Thiên văn soạn lịch mỗi năm mỗi khác, ví như giờ «Vào năm mới» (Giao Thừa) có năm nhắm 5 giờ sáng 14 tháng 4, các ngày lễ khác cũng không «đứng» nguyên một chỗ như năm trước. Vì thế người Việt gốc Miên bắt buộc phải lén mua cho kỳ được để coi ngày tháng cử hành các cuộc lễ quan trọng. Có người gởi mua một lần từ 500 đến 1000 quyền đem về bán lại khắp các tỉnh miền Tây, bao nhiêu cũng

hết ngay. Số lượng này không thể nào đủ cung cấp cho 600.000 người Việt gốc Miên ở Miền Nam !

Bạn hàng ở Chợ Trời Tịnh Biên lãnh mua các loại kinh, sách bản nhạc, tiểu thuyết Miên ngữ tính lại theo giá bạc Việt-Nam thêm với tiền lời thành một số tiền quá cao khiến cho giới chơi sách Việt khi nghe được phải giật mình. Một cuốn tập đọc giá 20 "ria" (bạc Miên) bán lại 100 đồng, hoặc 120 đồng. Một Bộ kinh Pháp Cứu Phạm ngữ ở quyền giá 350 "ria" bán 2000 đồng hoặc 2500 đồng. Cuốn lịch Maha Sangkran 15 ria bán 60 đồng ! Nhưng dù mắc đến thế nào người Việt gốc Miên vẫn sẵn sàng đón mua, đặt trước với một niềm sung sướng vô biên. Phải nhìn thấy nét mặt họ khi cầm một tác phẩm Miên ngữ với đôi mắt sáng ngời

thì mới rõ Họ bỏ tiền mua cả những quyển lịch « giả » do các ông ao Miên không thông Thiên văn, địa lý trước tác ca ỉ, gặt đồng bào. Người nào muốn thấy các ấn loát phẩm kể trên xin mời vào một trong số 500 ngôi chùa Việt gốc Miên sẽ được hài lòng ngay.

Trong giới chánh quyền Việt Nam có nhiều người thắc mắc vì sự kiện này và nghe đâu có một cơ quan đề nghị soạn sách chữ Miên theo lối song ngữ Việt Miên cho trẻ học và in kinh Phật bán cho giới Sư Sãi để tránh những điều tai hại có thể xảy ra. Hình như đề nghị này bị xếp xó hàng mấy năm rồi không được cứu xét. Nhờ đó, đồng bào gốc Miên vẫn tha hồ đọc sách Miên ngữ ở Nam Vang, qua ngã Chợ Trời Tịnh Biên.

(còn tiếp)
LÊ-HƯƠNG



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCĐP

Thửa ấy có nhà

HOÀNG-NGỌC-TUẤN

Đã năm năm nay anh không trở về Huế phải không ? Điều đó thật là tệ và không thể nào giải thích dễ dàng được. Huế là miền đất sinh trưởng có biết bao sợi dây rừng quấn chặt những đứa con của nó, dầu là đứa bạc tình nhất. Ít ra mỗi năm một lần anh cũng phải tìm lại ngôi nhà đã sống suốt một quãng đời dài, chịu đựng hay thưởng thức tận cùng hơi thở của gia đình. Dầu nồng nàn làm anh say, hay đắng cay làm anh khó chịu,

Thế mà năm năm nay anh đã không nhìn mặt nó. Anh đã gần quên nó đi rồi phải không ? Năm mùa đông, năm mùa thu, năm mùa xuân, năm mùa hạ. Khoảng thời gian thật lâu đủ cho anh quên đi con đường vắng một bên là hàng cây nặng trĩu me chua, một bên là con sông nhỏ. Con sông cứ thỉnh thoảng lại có một cây cầu ngắn nối hai bên bờ. Chỉ một con đò chở đầy gạch ngói hay rong xanh cũng làm dọn sóng. Buổi chiều có thật nhiều trẻ con lặn ngụp vui đùa.

Ngôi nhà của bà ngoại anh ở gần bờ sông, quay mặt ra đường Trần Thúc Nhàn. Suốt cả con đường toàn là nhà người bà con, người quen biết thân mật. Anh say mê ngôi nhà đó lắm. Khu vườn rộng với nhiều cây nhãn lồng, hai hàng dừa xiêm thấp bên bờ ao, một vườn bắp nhỏ, biết bao thứ hoa leo kín mái hiên và rực rỡ trước ngõ biết bao thứ trái cây anh đã ăn no nê suốt bốn mùa.

Anh không có tình yêu ở thành phố này ? Không, anh không có người yêu thì đúng hơn. Anh có nhiều tình yêu ở đây lắm, nhưng hầu hết là những mối tình chưa bắt đầu phải không. Anh biết tên tuổi nàng, địa chỉ nàng. Anh siêng năng đứng đón ở cổng trường mỗi buổi tan học, say mê nhìn nàng ôm cặp lững thững từ trong trường đi ra, áo dài thấp thoáng như một cánh chim trắng. Có thể anh đã mỉm cười chào nàng, nhưng anh chưa bao giờ nói với nàng

một lời, nàng thì hình như không hề biết mặt anh. Và chấm hết. Ở xứ Huế có chừng một triệu mối tình như thế.

Thế còn người con gái vẫn ngồi với anh bên bờ ao trong vườn. Anh và nàng nói chuyện với nhau rất nhiều và hai người có vẻ quyến luyến nhau lắm. Nàng thường hay săn sóc đến anh và nàng có một cái gáy trắng mềm như sẵn sàng vỡ tan trong một bàn tay nắm nhẹ. Anh chưa bao giờ nắm mây trời trong tay bao giờ nhưng anh quả quyết rằng tóc nàng là một thứ tóc mây thực sự. Đôi mắt nàng đen to và có cảm giác. Anh phải nhớ rõ chi tiết đó để phân biệt với vô số đàn bà bây giờ, có những đôi mắt vô cảm giác, dần dần và lạnh ngắt.

Nàng gần như toàn hảo. Ngoại trừ một điều thật đáng tiếc : Nàng là người chị bà con của anh. Nàng có một cái tên tuyệt hay nhưng thật khó nhớ, và chắc chắn là anh đã quên nó rồi vì anh là

tên đăng trí số một. Bây giờ chỉ việc đặt cho nàng một cái tên. Sao Mây chẳng hạn. Khá hay đấy chứ.

Mỗi sáng Sao Mây đi chợ mua thức ăn rồi về phụ giúp bà ngoại anh nấu nướng. Vào mùa những cây ổi trong vườn chưa có trái chín, bao giờ nàng cũng bớt tiền chợ để mua về cho anh một hai quả ổi xá lị thật lớn. Và anh bao giờ cũng ăn hết, không để dành cho nàng một miếng nào. Cái thói ăn tham của anh hồi đó rất nổi tiếng. Anh vẫn thường lén xuống bếp, đứng cạnh và nhìn khuôn mặt đỏ hồng lấm tấm mồ hôi vì lửa bếp của Sao Mây, anh dạn dò nhớ bỏ thêm vài trái ớt xanh nghe. Nhưng anh cẩn thận cũng bằng thừa, nàng lúc nào cũng cho thật nhiều ớt tươi vào son cá nục kho. Khi chín những trái ớt xanh đỏ này sẽ mềm muột, mặn mùi cá thơm phức, cay dịu dịu ngon không thể nào tả nổi.

Buổi trưa trong khu vườn sau nhà, dưới bóng mát của cây nhãn tuổi già hơn mười năm, anh và Sao Mây nói với nhau thật nhiều chuyện. Lời lẽ của nàng rất dễ thương. Nàng và anh trao đổi biết bao câu đối thoại ý nhị và duyên dáng, tưởng có thể nhờ một ông nhà văn nào đó cho vào tiểu thuyết được. Nhưng đáng tiếc là anh quên hết tất cả rồi, anh chỉ nhớ một vài câu rất vặt vãnh và tẻ nhạt. Như :

— Ăn cơm chưa ?

— Ăn rồi.

— Ngon không ?

— Ngon lắm. Bữa nay ăn đến mười chén mới hơi no.

— Trưa mai thích ăn canh gì ? Canh măng chua nấu cá ngạnh hay canh cá hồng nấu với thơm ?

— Thích canh cá ngạnh hơn. Sao Mây nhớ mua những con cá bọ có trứng ở cồ nghe, trứng cá ăn ngon kinh khủng.

Và dĩ nhiên là những câu nói như thế không có gì hay ho cả. Chúng tầm thường và dở ẹt. Nhưng không hiểu sao anh lại nhớ chúng rất dai, cũng bởi cái trí nhớ của anh nó làm việc chẳng có qui tắc gì hết.

oOo

Trong nhà anh cũng có một người bạn thân khác. Đó là một thằng nhỏ có mười một ngón tay và nhỏ hơn anh vài tuổi. Mặt mũi tay chân nó đầy ghẻ ruồi nên anh chẳng ngần ngại ghép tên thật của nó với bệnh tật thành một tên gọi thông thường. Hình như là Hùng-ghẻ-ruồi thì phải. Đáng lẽ phải gọi nó là Hùng-mười-một-ngón mới hợp lý hơn nhưng anh sợ nó tủi thân. Dầu sao thì nó đã bị cái tật trời cho từ lúc lọt lòng mẹ rồi, chứ ai lại muốn bàn tay mình có thêm một ngón kỳ cục như thế. Còn ghẻ ruồi là vì nó ở bẩn, làm biếng tắm rửa nên mới bị, không có lý do gì để tủi thân được nữa.

Ban đêm anh và thằng Hùng nằm ngủ trong một nhà chứa xe hơi bỏ trống ở góc vườn. Anh nằm một mình hút thuốc là lẽ bên cạnh ngọn nến còn thằng Hùng đi một vòng suốt con đường trong xóm. Nó là một tên trộm chửa, nhà nào có chó dữ, có thứ trái cây gì mới chín là nó thuộc lòng cả. Chỉ một lát là nó về êm ái như bóng ma, khệ nệ trên vai một bao bố đầy nhóc những ổi, măng cầu, bưởi, cam quýt, vú sữa.. Anh và nó thì nhau ăn thả cửa mặc dầu buổi cơm tối vừa làm đầy bụng. Đêm nào cũng như thế cho nên hồi đó anh béo mập và khỏe mạnh lắm, ăn toàn là trái cây có nhiều

sinh tố Đó là chưa kể đôi lúc nghe lời khuyên nhủ của anh, thằng Hùng còn xách ná cao su bắn trộm bồ câu nhà hàng xóm, chim bồ câu mà nấu với cháo đậu xanh thì phải biết, ngon lành và bồ biết bao nhiêu.

Bên cạnh giường anh nằm là một cánh cửa sồ đóng kín nhưng then gài ở trong, như thế là đêm khuya anh nhẹ nhàng bò ra khỏi cửa sồ, khép lại cẩn thận và không quên dùng mền cuốn chiếc gối dài để giả làm hình người.

Anh một mình kéo áo kín cổ cho bớt lạnh, đi ra phía chợ còn sáng ánh đèn, anh đứng trên cầu Bến Ngự, hút một điếu thuốc nòng ấm và nhìn đốm sáng của ngọn đèn đường lóng lánh dưới lòng sông. Anh nhìn những con thuyền nhỏ trôi sát bên bờ lau, gả sấn cá mình trần mặc dù gió đêm rất lạnh, tay trái gả cầm ngọn đèn dầu soi sáng mặt nước, tay phải lăm lăm một ngọn lao dài sắc nhọn, sẵn sàng phóng xuyên qua mình những chú cá ngái ngủ và ngo ngác trước ánh đèn. Anh nhòai đầu ra khỏi thành cầu, nhờ những bãi nước bọt xuống sông để nhìn mặt nước chao động nhẹ thật vui mắt. Anh làm như thế cho đến khi nào miệng khô ran vì đã mất biết bao nhiêu nước bọt, anh lủi thủi trở về. Những đêm lang thang ngoài đường không có thằng Hùng thật buồn bã.

Đến mùa vườn trong nhà không có trái chín, và nhà hàng xóm cũng thế thì anh phải cần thân một chút. Thằng Hùng nó buồn vì không có việc gì làm mỗi đêm, nó chẳng ngần ngại xoay qua ăn trộm đồ lặt vặt của anh. Tiền bạc, bút máy, sách vở và tất cả những thứ gì đáng giá một đồng bạc trở lên là bị nó chiếu cố ngay nếu anh không cần

thận gìn giữ, và anh là cái thằng chẳng bao giờ cần thận được cả.

Bây giờ thằng Hùng đã đi giang hồ biệt tích ở một phương trời nào rồi. Cũng như anh, nó đã bỏ ngôi nhà và xứ Huế thật đột ngột vào một ngày nào đó. Từ lâu anh không có liên lạc gì về nó cả, chỉ nghe nói hình như thằng Hùng bây giờ đang ở một Tỉnh nhỏ miền biển. Mỗi đêm nó sùng sính trong bộ lễ phục màu đỏ, cà vạt và mũ sặc sỡ, đứng gác cửa cho một quán rượu nhiều khách ngoại quốc. Nó bây giờ chắc đã có nhiều tiền để có thể mua trái cây một cách đàng hoàng ở chợ. Nhưng không biết thỉnh thoảng nó có còn nhớ đến kỷ niệm, những đêm ngày xưa, chun qua hàng rào giấy thép gai nhà người ta không? Anh mong ước nó nhớ lại kỷ niệm, và như thế anh cũng phải cầu trời phù hộ cho những túi quần đầy giấy bạc của khách trong quán.

oOo

Mùa đông xứ này trời lạnh ghê gớm, những cơn mưa khi ào ạt, khi tí tách kéo dài suốt tháng. Thật đau khổ cho anh biết bao, mỗi sáng sớm anh phải dẫu kín sách vở trong ngực áo, run lẩy bẩy trong chiếc áo đi mưa, những giọt nước và hơi gió lạnh ngất như thấm vào mạch máu của anh, thế mà anh phải nghiêng chặt hàm răng đánh vào nhau để đi một mình trên con đường dài đến trường. Khi đi ngang qua thửa ruộng bao la anh muốn chết ngay vì buồn và lạnh. Anh đại gì siêng học như vậy, chẳng qua là vì bà ngoại anh bắt buộc anh phải chăm chỉ học hành. Nhưng anh tìm cách để được ở trong ngôi nhà ấm áp, bên cạnh lò

than rực nóng lửa hồng quuyền rũ. Anh khám phá được sân nhà anh rất trơn khi trời mưa, người nào đi không cẩn thận là trượt chân té nhào ngay. Anh rất thích làm người không cẩn thận trong trường hợp này, anh cố tình té nhào xuống đất, áo quần ướt đầy bùn dơ bẩn. Như vậy là anh chỉ việc trở vào nhà trình diện cho bà ngoại thấy tai nạn, rồi anh thay bộ đồ ngủ, leo lên giường trùm chăn kín mít, chỉ chừa có đôi mắt nhìn ra ngoài trời mưa đang trắng xóa và xanh mướt trên đám lá cây. Anh biết anh chỉ còn một bộ áo quần bận đi học, giặt và phơi trong khi trời không có một ánh nắng như thế này phải mất gần một tuần mới khô. Một tuần ở nhà xách cần câu ra ao câu cá rô, cá bống hay co rút mình trong chăn đọc tiểu thuyết thật sung sướng biết bao nhiêu.

Anh say mê biết bao tủ sách trong nhà, chứa đầy những sách báo thật xưa của ông ngoại anh để lại. Những bộ truyện Tàu, những cuốn sách viết bằng một thứ văn ngây ngô thật dễ thương, những tập báo đầy hình ảnh về những người sống cách đây gần hai mươi năm, đàn ông lượm thuộm trong bộ âu phục rộng thùng thình, cạp to như chiếc khăn bàn; đàn bà tóc búi một cục trên đầu, miệng cười nhe hàm răng đen như hột nhãn.

Buổi trưa, trong khi chờ giấc ngủ, bà ngoại anh miệng nhai trầu thật ngon lành, mắt lim dim và tai lắng nghe anh đọc truyện Tàu. Nào là Tam Quốc Chí Nhạc Phi diễn nghĩa, Bao Công Kỳ Án... mỗi truyện anh đọc trên năm sáu lần nên anh thuộc lòng từng chi tiết, ừng khuôn mặt của nhân vật... Ông

Bao Công mặt đen như nhựa đường mà rất thanh liêm... Ông Quan Công mặt đỏ, râu ba chòm, tung hoành giữa trận tiền thật oai hùng với cây Thanh Long Đao nặng đến 72 cân xanh ngắt màu thép quý.

Khi bà ngoại đã ngủ, anh phóng ra khỏi nhà bằng lối cửa sỏ, leo lên một nhánh cây nhãn cao thật kín đáo để ngồi vắt vẻo trong tàng lá rậm rạp, và mở rộng. Anh mơ mình sẽ trở thành một ông Hoàng để ngồi trên bệ rồng thật cao như nhánh cây anh đang ngồi, và đám lá vàng úa rụng dưới đất như thần dân đang cúi đầu kính phục. Về sau để thích hợp với thời cuộc hơn, anh mơ mình làm Tổng-thống. Ở Huế mỗi thằng nhóc tí hay mỗi người lớn đều có trong mình một ông lãnh-tự con cả.

oOo

Ngoài Sao Mây ra, hình như anh còn có quen với một người con gái nữa. Nàng là một hình ảnh quuyền rũ dai dẳng trong trí não của anh. Mỗi nàng mong ướt như giọt nước mưa đọng trên một bông hoa hồng, thân hình đầy đặn da thịt và tóc xỏa rối ung như những cô gái liễu trai.

Một hôm, một buổi trưa mùa thu, vườn nhà nàng đầy những lá chết và vườn nhà anh cũng thế. Anh dẫm hai bàn chân trên lớp lá gầy vụn dòn tan và nhìn thấy nàng bên kia, cách một hàng tre thưa, tay đang cầm chổi quét. Anh gọi chuyện :

— Thúy quét bỏ những chiếc lá đó uổng lắm, để cho chúng nằm trên sân đẹp hơn.

Nàng nhìn anh mỉm cười, anh bắt

đầu không còn nghe được tiếng chim hót trên cây cao vì tất cả những âm thanh nào, dù ngọt ngào đến đâu cũng tắt đi trước giọng nói của nàng :

— Em cũng thấy thế, nhưng mẹ bảo phải quét sân cho sạch sẽ.

Suýt chút nữa thì anh buột miệng nói một sự nhận xét rất thành thực của anh là : Mẹ Thúy ngu quá trời. Nhưng anh ngậm miệng kịp ngay, anh tiếp tục :

— Chiều nay Thúy không đi học à ?

— Đi chứ. Ba giờ mới vô lớp, bây giờ sớm mà.

Anh hăng hái :

— Lát nữa để anh đưa Thúy đi học nghe.

Nàng cười với anh. Anh cam đoan là đôi mắt nâu long lánh của nàng tỏ vẻ gật đầu, nhưng nàng lại lắc đầu. Đối với anh, đưa nàng đi có nghĩa là lẽo đẽo đi bên cạnh hay theo sau một quãng, anh không có được một chiếc xe, dầu là một chiếc xe đạp cà tàng nhất.

Anh hơi ấp úng một chút :

Hôm trước Thúy có đọc cái thư của anh gửi cho Thúy chưa ?

Nàng sê ngược mắt nhìn anh, mặt đỏ bừng thẹn thùng rồi gật đầu nhẹ. Anh thèm đôi má ửng hồng như buổi sớm hừng đông của nàng biết bao. Anh hồi hộp :

— Thúy nghĩ thế nào về những điều anh viết cho Thúy ?

Giọng nàng lí nhí, và chim họa mi lí nhí được những âm thanh rộn ràng như thế là cùng.

—...Thì anh muốn em nghĩ thế nào... Em sẽ nghĩ như thế.

Anh bây giờ mới thấy cảm phục tài viết thư tình của mình, thế mà trước đây anh vẫn dằn độn nghi ngờ khả năng văn chương của anh. Anh bỗng trở nên một người được yêu và có quyền hành ghê gớm đối với người yêu. Anh ghen tuông :

— Hồi sáng có "thằng" nào đi xe Vespa đến gặp Thúy đó ? Anh rình ở bên này, Anh thấy hết mà.

Đôi mắt nàng buồn bã thật tội nghiệp trước sự nghi ngờ của anh, nàng ấp úng biện hộ :

— Anh ấy là anh bà con của em đó, em có quen với ai ngoài anh ra đâu.

Anh khoan khoái vô cùng như được ngâm mình trong lòng sông Hương mát rượi vào một buổi trưa hè. Anh nếm thử trái cây hạnh phúc dần dần thấm ngọt trên lưỡi và ngập tràn trong thân thể. Nhưng anh vẫn làm bộ giận hờn :

— Anh bà con gì mà đến gặp em mỗi ngày vậy ? "hắn" không biết em đang bận học thi sao ?

Nàng nói :

— Anh ấy kèm em học toán đó.

Thế thì quá rồi. Tại sao nàng không nhờ anh kèm học ?

Bộ khinh anh dốt Toán lắm sao ? Thứ đồ mấy con tính cộng trừ nhân chia từ xưa đến nay anh có làm trật bao giờ đâu ? Anh quát lên :

— Không kèm học gì cả ! "Thằng" ấy nó kiếm cớ để tán tỉnh em đó. Anh cấm em không được gặp nó nữa !

Nàng nhìn anh bằng đôi mắt rướm lệ đỏ mọng làm anh xót xa, rồi nàng òa khóc và chav vô nhà, đóng chav cửa

nàng cũng nhẹ nhàng như một cánh bướm. Anh hả dạ khi thấy những giọt nước mắt đã rơi, con gái khóc thật dễ yêu, nhất là khi khóc vì mình. Nhưng anh hối tiếc vì nàng đã mất hút sau cánh cửa, trả lại cho anh sự vắng vẻ hoàn toàn của khu vườn rộng.

Nàng thật tuyệt vời. Anh yêu nàng với mọi tình duy nhất, mãnh liệt và không điều kiện. Nhưng lại vẫn có một điều thật đáng tiếc: anh chưa bao giờ dám nói với nàng một câu. Những lời đối thoại âu yếm trên đây chỉ có ở trong trí tưởng tượng của anh, và trong nỗi ao ước thực hiện mà anh ôm ấp mỗi đêm. Thường ngày khi nhìn trộm nàng và bị nàng bắt gặp, anh vẫn luống cuống quýt mắt xuống để tránh cái nhìn nghiêm nghị của nàng. Anh hơi sợ nàng, vì dầu sao thì nàng cũng lớn hơn anh chừng sáu bảy tuổi và là bạn của dì anh.

Lần duy nhất nàng tỏ ra có cảm tình với anh là một lần nàng qua nhà anh chơi, nàng đứng nói chuyện với những bà dì của anh và mỉm cười xoa nhẹ mái tóc lòa xòa của anh. Bàn tay nàng thật mềm mại làm anh sung sướng muốn chết.

oOo

Anh nhớ làm chi câu thơ, đưa người ta chỉ đưa người ấy, chàng lãng tử của Thanh Tâm thật được sưởi ấm lòng trước khi qua sông. Còn anh, sáng sớm anh đi không một ai tiễn đưa. Trời chưa sáng tỏ, ngôi nhà và khu vườn mê ngủ im lìm, hình như chỉ có một bông hoa Công Chúa màu tím nào đó vừa thức giấc trên mái hiên. Anh nhìn thân hình co quắp ngủ mê mệt của thằng Hùng. Anh rất tôn trọng giấc ngủ của người khác, nhưng đặc biệt

sáng hôm nay, anh giã từ mái nhà này vĩnh viễn, giây phút quan trọng ấy cũng đáng để phá giấc ngủ của thằng Hùng bằng một cú đá vào bụng. Và anh đá nó hơi mạnh, chỉ có cách ấy mới làm nó tỉnh giấc.

— Làm gì chương vậy? để cho người ta ngủ...

— Dậy đi mày, bắt tay chào tao một cái. Hôm nay tao bỏ nhà ra đi, chắc không khi nào còn gặp lại mày nữa.

— Thôi đừng nói dóc.

— Mày nhìn cái va ly tao đang cầm đây. Nhìn mấy ngàn đồng trên túi áo này, tiền má tao mới gửi cho tao. Tao đi thật mà, mày tin chưa?

Cặp mắt ngái ngủ của thằng Hùng mở ra ngác ngơ, nó lồm cồm ngồi dậy.

— Tin rồi. Anh điên hả? Đi đâu?

— Không biết. Tao đi... giang hồ, đi lung tung khắp cả. Đi vô Saigon coi xe chạy đầy đường, coi đèn xanh đèn đỏ, mày thấy mấy cột đèn ở ngã tư đường thay đổi ba màu xanh đỏ vàng chưa? Chắc tao sẽ xuống đến Cà Mau, lại còn sông Tiền Giang, Hậu Giang nữa, cá ở đó to và nhiều phải biết, trôi từ Biển Hồ về cả đàn tha hồ câu. Chán mấy con cá rô nhỏ xíu trong ao nhà mình rồi.

— Anh điên quá rồi, ở nhà sướng quá trời. Mấy cái thằng bỏ đi hoang vì ở nhà chúng khổ quá, anh đang sướng như vậy mà lại... Thôi, tui đi với anh nữa nghe?

— Không được. Đi như thế này dễ chết đói giữa đường lắm, thân tao tao nuôi còn không nổi, lại còn thêm mày.

Mặt thằng Hùng bơ phờ như người đưa đám ma.

— Thôi mày nằm xuống ngủ lại đi. Bà ngoại về quê chắc sáng mai mới về nhà, mày nói với bà là tao sẽ nhớ bà ghê lắm, tao thương bà cũng như thương má tao, nhưng tao...

Anh vùng chạy ra khỏi cổng nhà, anh phải cố gắng chạy thật nhanh vì anh đã nghe nước mắt mình ràn rụa trên má, và cố làm như không nghe tiếng kêu lạc giọng của thằng Hùng sau lưng.

Tiếng còi xe hỏa đục đã xa xa bên kia sông. Qua một cây cầu ngắn là đến ga Tàu, con tàu sắt khói phun cuộn cuộn từng luồng dài trên cao, tiếng máy kêu như nhịp trái tim đập mạnh bồi hồi.

Sao anh không đợi mẹ anh về thăm. Mỗi năm, anh gặp mẹ hai lần, vào kỳ nghỉ hè và dịp Tết. Bà từ một tỉnh nào đó thật xa trên cao nguyên, hiện ra trước mắt anh với khuôn mặt không bao giờ thay đổi, hay là anh không thấy sự đổi thay vì đêm nào anh cũng nhìn thấy bà trong giấc mơ, cùng với hình ảnh của bảy em nhỏ.

Tại sao anh ra đi đột ngột và điên rồ như vậy? Anh tìm kiếm những gì trên con đường mà anh chỉ tưởng tượng mơ hồ trong trí não? Lạc thú hay nỗi khổn cùng của một đứa con hoang? Sung sướng gần gũi bên cạnh những người hay nỗi cô đơn của một kẻ đứng bên ngoài tất cả? Anh không biết.

Hồi đó anh chưa đọc Gide, anh chưa nghe đứa con hoang của Gide nói thật ngang tàng: « Tôi cảm thấy mái nhà không phải là tất cả vũ trụ... tôi không đi tìm hạnh phúc... » Không. Anh không có tham vọng lê gót chân khắp cả vũ trụ. Anh cũng không phải

là thần thánh hay siêu nhân đề chối từ và khinh bỉ hạnh phúc. Anh suốt đời thèm thuồng hạnh phúc, ao ước được ôm hạnh phúc trong lòng như Moise ao ước được về Đất Hứa.

Vậy tại sao anh ra đi? Anh tìm kiếm gì trên những con đường lang thang đầy bất ngờ lạ lùng. Anh cũng không biết nữa. Chỉ biết từ lâu trong tâm hồn vẫn âm ỉ cháy một cái gì không thể gọi tên, như đốm than hồng trong lò lửa sưởi ấm mùa đông, thật nhỏ nhoi nhưng hình như không thể tắt.

oOo

Anh đã ăn năm cái Tết xa nhà, điều ấy thật buồn. Ở những thành phố xa lạ, những thành phố không phải Huế của anh, cái Tết thật vô duyên và trống rỗng.

Ở Huế những ngày gần Mồng Một Tết, anh chờ đợi và hồi hộp đếm từng ngày như một chuyên viên chờ bấm nút cho hỏa tiễn phóng lên cung trăng. Còn tám ngày... Còn bảy ngày... Còn sáu ngày..

Trên tấm « phảng » rộng, bà ngoại anh và những bà dì bà mợ bận rộn gói những đòn bánh chưng, bánh tét. Những bàn tay thoăn thoắt và đôi mắt chăm chú xen lẫn trong xấp lá chuối xanh ngắt xếp từng đống cao và những đậu xanh, thịt mỡ thật gọi cảm. Anh bao giờ cũng ngồi bên cạnh bà ngoại anh, hứa sẽ đọc cho bà nghe trọn bộ truyện Thuyết Đường với điều kiện là bà phải gói riêng cho anh một đòn bánh tét thật nhỏ nhắn nhét đầy nhân thịt, có đánh dấu cẩn thận để anh dễ dàng tìm ra khi cả nồi bánh đã chín, bốc khói nham lẫn lóc bên nhau.

Đêm đến cả nhà quay quần trên

chiếc chiếu ở dưới bếp để đánh bài « tới », một thứ bài ăn thua thật ít và rất mất thì giờ, cốt cho tỉnh ngủ mà canh nồi bánh lửa um đầy khói.

...Còn hai ngày... còn một ngày... Đêm giao Thừa, trời lạnh giá nên anh phải tắm bằng nước nóng. Anh không tài nào ngủ được, và có lẽ tất cả mọi người trong nhà cũng thế. Anh chiêm ngưỡng thành kính bàn thờ tổ tiên với những ngọn nến đỏ hồng và biết bao xôi chè, đùi gà luộc, cua, trứng . . . Đến 12 giờ đêm, giờ cuối cùng của năm cũ và đầu tiên của năm mới, anh run rẩy châm lửa phong pháo treo trên mái hiên trước nhà.

Tiếng pháo nổ dòn vang dội làm anh nao nao và sung sướng vô cùng. Những viên pháo đỏ được đốt lên từ khắp nơi, trong ngôi biệt thự lớn, dưới những mái ngói nhỏ, trong những mái nhà tranh nghèo nàn và trên những con đò đêm nay đang bỏ neo trên bến nước.

Rồi sáng Mồng một Tết. Anh vội vã mở tung cánh cửa sổ từ phòng anh để xem cây hoa mai trước nhà năm nay có nở đúng kỳ hạn không. Cây mai vàng thân thuộc, có khi nở sớm một ngày hay muộn một ngày, có khi nở đúng vào ngày đầu xuân, kỳ diệu không thể nào giải thích được.

Những ngày đầu xuân vừa qua, hình như ở thành phố của anh ngập tràn một thứ âm thanh kinh hoàng của bom đạn, trái phá, tiếng kêu khóc của người sống và người chết. Anh không thể tìm được một tên gọi cho cái âm thanh kỳ dị đó. Người ta vẫn thường gọi là chiến tranh, nhưng anh không đồng ý với họ. Anh cũng không thể nào hiểu nổi tại sao ngôi nhà mái ngói phủ rêu thất đẽ

thương, khu vườn đất mềm mại đầy những cây ăn trái lại bị cày nát tan hoang. Anh không thể nào hiểu được, đâu đã nghe biết bao lời giải thích. Nhưng tất cả đối với anh đều sai-lầm và ngu xuẩn.

oOo

Đã lâu anh không một có ngôi nhà. Anh sống vất vưởng, bập bênh lang thang. Nhưng đời sống anh không phải lang thang một cách thú vị như chàng lãng tử, mà lang thang như một con chó đói. Anh sống nhiều tháng ngày dằng dặc ở những miền đất tẻ nhạt, những thành phố xa lạ có một quá khứ ngăn ngủi bằng gang tay. Anh cũng có một chỗ ở, nhưng bốn vách tường, một mái ngói chưa phải là mái nhà. Ở đây không có tấm phẳng mát lạnh mà anh đã ngủ từ thừa lên ba. Ở đây không có bộ bàn ghế mà ngày xưa ông ngoại anh đã ngồi, không có chiếc tủ đầy sách mà ông bà anh đã miệt mài hồi trẻ tuổi, cho đến bây giờ là anh. Ở đây không có khu vườn mà anh thnoch lòng từng gốc cây, từng trái chín từng bóng mát. Ở đây anh chỉ có một nơi tạm trú, nơi mà người ta kéo dài đời sống của mình. Và ngôi nhà rõ ràng khác hẳn với nơi tạm trú.

oOo

Tất cả những đứa con hoang một ngày nào đó đều trở về mái nhà xưa. Có đứa trở về và tìm lại được những điều nó muốn tìm, có đứa trở về nhưng không tìm lại được. Còn anh, anh không ở trong trường hợp nào cả, anh chưa bao giờ trở về.

Bà ngoại, những người thân, Sao Mây Thúy, thẳng mười một ngón tay, ngôi nhà, vườn cây, chim chóc. Tất cả

những thứ đó đã bao bọc anh êm đềm trong một thời niên thiếu, rồi mất hết. Dầu anh có trở lại cũng vô ích. Tất cả những hạnh phúc đó đều bị nhét đầy trong một chiếc hộp đóng kín mà người ta thường gọi là quá khứ, rồi ném mất nó xuống vực sâu.

Anh có thể nhảy xuống vực sâu để tìm lại chiếc hộp quá khứ vàng ngọc đó. Nhưng anh không dám, anh rất nhát gan,

anh không thể nào chịu nổi cái cảm giác khi da thịt va chạm mạnh vào những phiến đá cứng, đau đớn vỡ toang. Cho nên suốt đời anh là đứa con hoang không bao giờ trở về.

Hôm qua trời mưa suốt đêm, như cơn mưa rơi trên mái nhà thừa ấy. Có làm anh nhớ đến ai không?

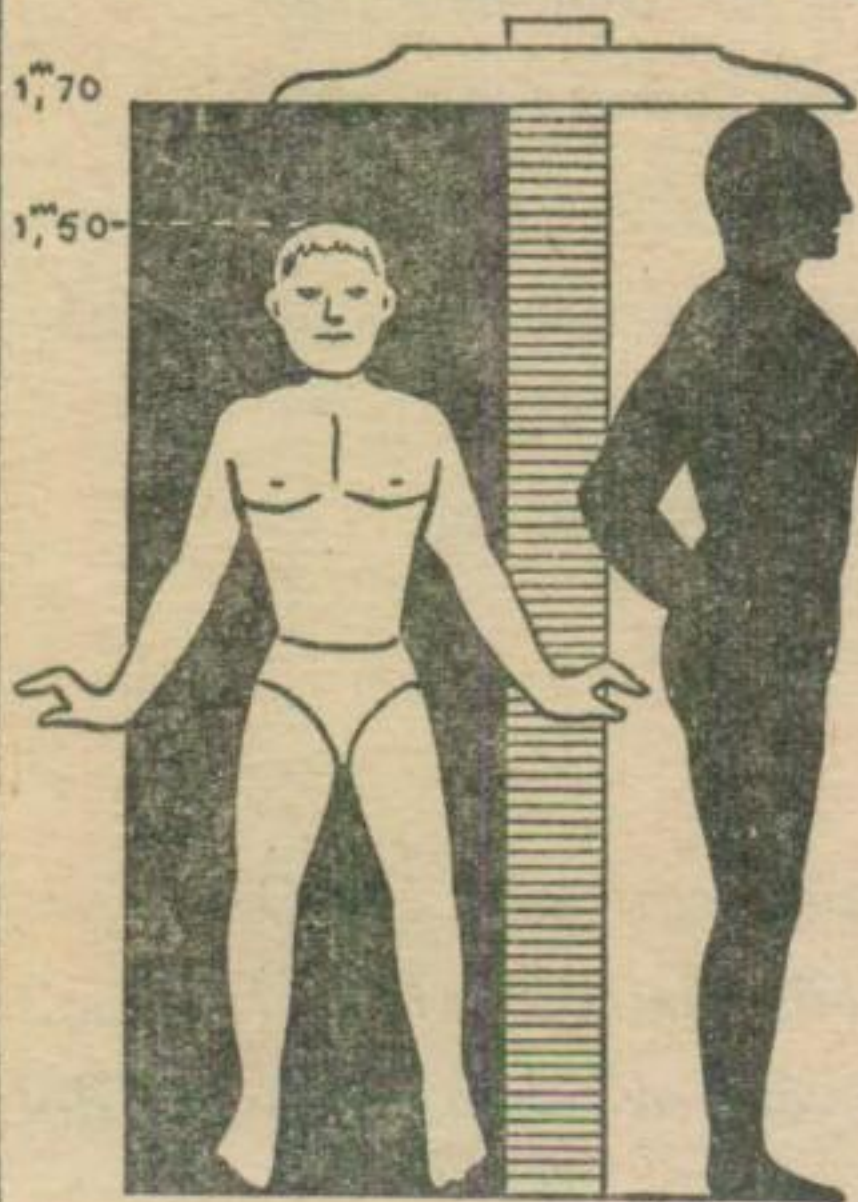
HOÀNG NGỌC TUẤN

Vì có sự lầm lẫn, khi gửi đăng quảng cáo, vậy nên chúng tôi đính chính là tập truyện **VANG BÓNG MỘT THỜI** của Nguyễn-Tuân do Trường-Sơn xuất bản không phải do nhà sách Thế-Sự 50 Lê-văn-Duyệt phát hành.

Nhà sách Thế-Sự

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C-D-PP-B2-B6-B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NỈT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

S6 KN 78 MBY/OCDP

Rời thủ đô miền Nam, đối mặt với « người iêu »

Em năm đó, trải dài vô tận ;
Tôi đi đây, luồn quần bước chân mòn.
Mặt em phẳng như không buồn không giận ;
Trán tôi cau : uất hận gặm xương còng.
Uất Dân tộc cứ bị tròng Nô lệ
Hận ai ai chẳng chịu để mình iên.
Và tôi đã điên.



Từ lúc oa oa, em đà ru tôi ngủ
Với gió khơi nhưng lụa phủ đêm sầu,
Với sóng nặng ngông cuồng tung uất ức,
Với mưa tơ làm mát dịu trưa sâu
Rời lên bảy, xa em, đến năm hai mươi tuổi
Về, nhìn em, để biến mất vào đâu ?
Và hôm nay, tôi vẫn phải cúi đầu.



Mà đợi mãi, đợi hoài, đợi mòn cả Chí.
Sông máu ai cứ bồi mãi : tội Tình Thương.
Và cái Chết vô duyên cứ chập chờn đây đó.
Thì em ơi, em có xứng : Thái-bình-dương ?

Bờ biển Phú-quốc, đêm I-XI 68

Trích tập tạp nhạp « Q...Ê HƯƠNG » sẽ ra mắt năm Gà

TRĂNG

CHIM

Xao xác chim di
đậu trên cát thơm
ngón chân son đỏ
thảo bài ngũ ngôn
ta ngồi tụng đọc
bỏ quên xác hồn

Đốt trầm hương lên
ngâm bài cổ thi
mặc áo tràng nâu
hưởng trà đạo vị
trăng thu trầm tư
trên giậu hoa lý
gió phảng phất thơm
thơ trang cổ lục
đêm man man sương
nhớ bạn Cư-Dị
một thửa Thịnh Đường

THU HỨNG

một cỗ xe bằng mây dậm hồng
hỏi người trần mộng có hay không
vùng trăng đôi mặt người đôi ảnh
vụng biển chìm chân nhận mấy dòng
trần nghiệp cho dù trăm cửa mở
Bồ-đề chi ngại một đèn chong
hỏi ai ai biết tìm đâu đến
trăng cấm sào thu bến gió sông.

trăng cấm sào thu bến gió sông
trần ai ai đục với ai trong
tâm lao dù chẳng cài đôi cửa
pháp vũ cầu chi thắm một dòng
ta đã có ta nhà có khoá
tâm thì vô tướng pháp vô không
biên đâu bờ biết tìm đâu bến
cõi lửa nhân gian ngục lửa hồng

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý-vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Con người nhân-cách-định-mệnh. của Nguyễn-Phúc Bửu-Sum do Hoàng-Đông-Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 240 trang, gồm 4 phần cùng một phần dẫn khởi (quy-niệm chuyển hóa lịch sử toàn diện) và một phần chuyển nhập (đi vào giá trị). Bản đặc biệt. Giá bản thường 130đ.

— **Sợ lửa** tập truyện cổ tích của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang in lần thứ hai, gồm 7 truyện và bài thơ « Nhặt ba » của Thanh Tâm Tuyền thay lời bạt. Ngọc Dũng trình bày và minh họa. Bản đặc biệt. Giá bản thường 100đ.

— **Hôm nay! Ngày mai?** tập truyện của Huy Sơn do Đời Mới xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 206 trang gồm 12 truyện ngắn đặc sắc. Bản đặc biệt. Giá bản thường 100đ.

— **Những người đã qua cửa Thế-Uyên** do nguyệt san Văn-Uyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, tác phẩm thứ mười của tác giả viết về Nhất Linh (Người bác), Thạch Lam, và Hoàng Đạo (sự trở về quê cũ). Giá 30đ.

— **Năm chương tự ngôn tự sự** kể của Triều Đầu do Đại-Nam Văn-hiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 5 chương từ « giai đoạn tình văn » đến « Giải ngân hà » và lời bạt. Bìa của Cao Bá Minh, Phụ bản của Hoàng Lập Ngôn. Giá 120đ.

— **Duy thức học** do Tuệ-Quang

địch và bình luận, Chùa Pháp Vương xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày trên 270 trang, gồm 14 phần, từ tổng quát về Duy thức học, Lược sử Duy thức học, Thành lập Duy thức, đến Lý Duy-Thức, Tu-học và Tổng kết luận. Giá 120đ.

— **Thơ và Sao** tập thơ của Phùng Kim Chú và Trần xuân Dũng do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 53 trang, trình bày rất mỹ thuật, gồm những bài thơ 4 câu, chia làm 2 phần : phần thơ của Phùng Kim Chú có 24 bài và phần thơ của Trần xuân Dũng có 29 bài. Giá 200đ.

— **Cùng khổ** số 3 và 4, tạp-chí của lớp người trẻ miền Trung Việt-nam. Tòa soạn và trị sự : 277 Phan chu Trinh. Đà-nẵng. Mỗi số dày 64 trang, gồm những bài nghị luận, tùy bút, ruyện thơ của : Trăn-thệ-Hải, Nguyễn phan Duv, Lê hùng Sơn, Nguyễn đình Cừ, Luân Hoán, Lê văn Thọ, Cung tích Biền ; Hà nguyên Thạch, Hồ tịch Tịnh Từ kế Tường, Đoàn minh Hải, Lam Hồ, Xuân Thao. Giá mỗi số 35 đ.

— **Liên học sinh viên** nguyệt san, số ra mắt tháng 10-1968, chủ nhiệm Nguyễn-thị-Cầm-Hường, Chủ bút Phạm-Thế-Minh. Mỗi số khổ 43 x 30 dày 8 trang gồm những bài nghị-luận, phỏng vấn, sinh hoạt đại học, đời sống sinh viên.

— **Khởi hành** số 5, tháng 11-68, Tiếng nói của Hội văn-nghệ-sĩ quân-đội, gồm những bài nghị-luận, biên khảo, những sáng tác văn nghệ của : Hà-Thượng-Nhân, Trần - văn - Kha, Thế-Uyên, Tô-Kiểu-Ngân, Nguyễn - Ngọc-Hạnh, Hồ-Minh-Dũng, Nhã-Ca, Cung-Tích-Biền, Đặng-Trần-Huân, Tường-Linh, Hy-Thanh, Xuân-Vũ v. v... Mỗi số khổ 20 x 28 dày 80 trang. Giá 50 đ.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Mách nước cho Âu-châu

Cuốn *Le défi américain* là một biến cố trong sinh hoạt văn hóa của Âu châu năm này. J.J. Servan Schreiber được dịch ra nhiều thứ tiếng, được mời đi khắp Âu Mỹ. Cuộc thách đố của Hoa Kỳ làm Âu châu giật mình.

Từ ngày cuốn sách của J.J. Servan Schreiber ra đời đến nay, một nhà trí thức Âu châu, ông Louis Armand, kiên nhẫn nghiên cứu cuộc thách thức của Mỹ, phân tích kỹ càng. Rồi ông suy cứu xem Âu châu phải chấp nhận sự thách thức ấy như thế nào, phải đáp ứng ra sao. Ông giải quyết từng vấn đề, ông đối thoại từng chương một của tác phẩm J.J. S. Schreiber.

Biết rằng nội dung một cuốn sách như thế liên quan đến cả Âu châu, cho nên phương thức xuất bản cuốn sách này cũng sẽ là một phương thức đặc biệt: đồng loạt ra đời ở bốn quốc gia Âu châu, trong bốn thứ tiếng: Pháp, Đức, Anh, Ý.

Người ta nhận thấy Âu châu có khuynh hướng nhích lại càng ngày càng gần nhau: thị trường chung, phòng thủ chung, sản xuất chung (nhiều công ty lớn nhiều nước liên hiệp lại), xuất bản cũng chung nhau, phối hợp với nhau. Phải chăng đó là một phương thức đáp ứng sự thách đố của Mỹ?

Một trực trặc trong làng báo.

Đây là làng báo ở Pháp. Nghĩa là xa xôi.

Tuy vậy câu chuyện đáng chú ý. Bởi vì trực trặc này xảy ra ở một tờ báo kỳ cựu, lớn bậc nhất, có truyền thống lâu đời và ảnh hưởng rộng: tờ *Le Figaro*. Lần đầu tiên trong lịch sử của nó, một ngày thứ năm tháng 10-68, tờ *Figaro* bỗng thiếu mặt. Ban biên tập đình công.

Sự tranh chấp giữa nhóm biên tập và nhóm chủ nhân (Jean Prouvost) đã không giải quyết được.

Tờ *L'Express* nghĩ rằng trường hợp của tờ *Le Figaro* rất đáng ngại, vì nó bộc lộ một nhược điểm về mặt quản trị có thể là của nhiều tờ báo khác tại Pháp.

Xã hội ba giai cấp

Ấy là xã hội các văn nghệ sĩ ở Nga từ sau Đại hội Cộng đảng lần thứ XX, tức từ năm 1956 đến nay.

Giai cấp thứ nhất gồm các bậc công thần lão đại, vẫn trị vì từ thuở nào tới giờ, trải qua các triều đại: Cholokov, Simonov, Fedine.

Giai cấp thứ nhì gồm hạng cấp tiến khôn ngoan, chống đối có chừng mực; nghĩa là mỗi lúc xảy ra chuyện trái tai gai mắt thì phản đối ngay, nhưng bị đảng khiển trách thì lại bèn phản tỉnh, tự phê. Được xếp vào hạng này: Evtouchenko, Akhmadoulina, Voznesenski, Doudintsev, Kazakov.

Giai cấp thứ ba gồm những văn nghệ sĩ hoạt động trong bóng tối, bằng hình thức bất hợp pháp. Tác phẩm của họ, hoặc sách hoặc báo, thường in ronéo,

đánh máy, hoặc in một cách bí mật. Trong số những tác phẩm phổ biến trong bóng tối ấy, người ta có thể kể tên các tạp chí *Phénix 61 và 66*, *Syntaxe*, *Boomerang*, *Sphinx*, cuốn *Le Vertige* của Evguenia Guinzbourg, cuốn *Le Pavillon des cancéreux* và cuốn *Le premier cercle* của A. Soljenitsyne, cuốn *Les penseés impromptues* của Siniavski.v.v...

Tác phẩm của giai cấp thứ ba thì lưu truyền bí mật như thế; còn các tác giả, số phận của họ có một điểm giống nhau: hoặc đã ở tù, hoặc đang ở tù, hoặc sắp vào tù.

Hội nghị chưa đủ

Khi Hiệp hội các nhà văn Xô viết họp Đại hội lần thứ IV tại Nga A.Soljenitsyne có gửi đến đại hội một bức thư, mà các văn hữu của ông quen gọi là một tối hậu thư.

Đại hội bỏ qua lá tối hậu thư.

A.Soljenitsyne không chịu bỏ qua. Ông ta lại gửi một lá thư nữa tới Hiệp hội, đòi được phép xuất bản cuốn *Le pavillon des cancéreux*. Thế này thì quá quắc, không chịu được. Hiệp hội bèn tổ chức một phiên tòa dưới quyền chủ tọa của Constantin Fédine, triệu tập Soljenitsyne đến để xét xử. Hơn ba mươi nhà văn ngồi phía công tố. Một mình Soljenitsyne chống chế. Chống chế kịch liệt, bằng cách thét lớn, đầy phẫn nộ: « Thôi đi các đồng chí, dấu giếm chúng tôi như thế đủ rồi.

Nền văn học chúng ta đã có một thời được cả thế giới khâm phục và kinh ngạc, nhưng ngày nay nền văn học ấy đã mất địa vị. Tây phương bảo chúng ta «Tiểu thuyết đã chết». Chúng ta tức giận, chúng ta tổ chức những cuộc hội nghị để chứng minh rằng bảo thế là sai. Nhưng

hội nghị đâu có cần thiết? Cái cần thiết ấy là những cuốn tiểu thuyết được xuất bản ngay tại đây, tại xứ sở chúng ta. »

Kết cuộc, cuốn *Le pavillon des cancéreux* vẫn không được ra đời tại Nga xô.

Chừa lại con người

Kỹ thuật càng ngày càng cao, con người mỗi ngày mỗi sử dụng những thứ vũ khí ghê gớm, mà chính con người thì lại không chịu khôn ngoan thêm chút nào. Đó là nỗi lo ngại lớn nhất của thời đại chúng ta.

Bảo rằng tinh thần bị sa đọa, rằng nhân loại bây giờ đâm ra tàn ác, dã man hơn trước, thật ra không đúng. Con người xưa nay vẫn đánh nhau luôn luôn, giết nhau không ngớt. Duy có điều, sự giết chóc, từ khi có vũ khí nguyên tử, thành ra một tai họa quá thảm khốc, khiến cho ai nấy đòi hỏi con người phải đổi tánh ngay, phải hiền từ ngay, nếu không chết cả lũ.

Làm thế nào để đòi tính con người? Có kẻ bảo phải sửa đổi chế độ, có kẻ tìm một triết lý mới, có người tiến hành những cam kết quốc tế v.v...

Arthur Koestler cho rằng trời sinh con người ra thế, không sửa đổi được. Ông phân tích kiến trúc sinh lý của con người, đặc biệt là vị trí não bộ của nó, rồi kết luận rằng chỉ có thể đòi được tính người bằng cách đổi cả kiến trúc sinh lý của nó, bằng phương pháp sinh hóa (moyen biochimique).

Trời ơi là xa xôi, hão huyền! Triết gia Jean François Revel cũng nhận xét rằng chuyện ấy có vẻ không tưởng. Tuy nhiên đó cũng là một ý kiến hay. J. François Revel không chê cuốn *Le cheval dans la locomotive*.

Giải thưởng văn nghệ.

Năm nay không có giải thưởng văn chương toàn quốc, không có giải thưởng của hội Bút Việt, không có giải về Báo chí. Văn nghệ Việt nam có vẻ đã trưởng thành, không cần khuyến khích nữa.

Nhưng ở ngoài giới tuyển, năm đã gần tàn, bỗng nghe tin có một cuộc thi

văn nghệ lấy tên là SÁNG TÁC VĂN NGHỆ HOA GIỚI TUYỂN.

Hoa giới tuyển nở muôn, nhưng nở lớn : Trị giá tổng quát các giải thưởng các bộ môn là 287.000đ. Cuộc thi này do Ủy ban điều hợp Tâm lý chiến vùng 1/CT tổ chức, nên đề tài nặng tính chất chính trị.

TRÀNG-THIÊN
(XI 68)

Người mê hát nửa thế-kỷ

Đó là ông Vương Hồng Sên tác giả cuốn : *"Hồi ký 50 năm mê hát : năm mươi năm cải lương"* do cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản. Tác giả là một nhà khảo cổ danh tiếng, say mê hát bội và cải lương từ năm 19 tuổi lại kết duyên cùng nữ nghệ-sĩ hát bội nổi danh là cô Năm SaĐéc, hiện cũng là nữ diễn viên lão thành xuất sắc của sân khấu thoại kịch trên đài truyền hình V.N. Bởi vậy trong một buổi diễn thuyết của ô. Hồ Hữu Tường cách đây gần 2 năm về « kỷ-niệm 50 năm cải lương » khi ông Vương Hồng Sên loan tin sẽ cho in cuốn sách hồi-ký lý thú của ông trên đây, thì các thính giả bữa đó đã hoan nghênh nhiệt liệt và ai cũng trông chờ cuốn sách ra đời. Nào ngờ lặn đạn mãi tới ngày nay những người muốn sưu tầm tài liệu về cải lương, những người mê cải lương, những người mê lời văn hồn nhiên của tác giả, mới được thấy cuốn sách đó. Trong lời tựa, tác giả có kể lại những chật vật của ông trong việc xuất bản cuốn sách : trao đi đòi lại mấy lần ở mấy nơi khác nhau kéo dài hơn một năm trời. Rồi sau cùng tới cơ sở Phạm-Quang-Khai mới xong, nhưng lúc công việc ấn loát đã hoàn tất, tác giả xem đến cái bìa thì lại phải kêu trời : Nhan-đề bên trong là *"Cải lương đã 50 tuổi. HỒI KÝ 50 NĂM MÊ HÁT"* mà bên ngoài bìa lại in là *"NĂM MƯƠI NĂM CẢI LƯƠNG"* tức là cuốn sách *"nghiên cứu về năm mươi năm cải lương"* !

Con người mê hát đến « nửa đời hư » này đã tâm sự rằng : « Tôi viết hồi-ký chứ đâu có định viết sách nghiên cứu Nhưng lúc nghe tôi than phiền, ông chủ Kim-Lai ấn-quán cười lớn và đại độ : « Hãy phá bìa cho in lại theo ý tác giả ». Nhưng cũng thì tôi cần « Trễ quá rồi. Sao kịp cho sách ra trước ngày 16-11-1968. Thôi thì đề thêm cho tôi một hàng : « Hồi ký 50 năm mê hát » trên hàng tit lớn, rồi tạm dùng bìa đã trót in lỡ, như vậy cũng xong mà đỡ tốn, nhất là bìa đã trình bày rất khéo rồi. »

Tác giả chỉ mong khi vào sổ, về mặt thư tịch, thì ghi theo nhan sách đề bên trong là : *"Cải lương đã 50 tuổi. HỒI KÝ 50 NĂM MÊ HÁT."*

Ông cũng nói thêm : « Lúc sắp chữ, bản thảo không gởi tôi xem lại. Nay còn nhiều chỗ in sai, bảng cải-chính cũng sai nốt, nhưng không nên trách ai cả. Lúc này, tay chuyên môn đã bị đi lính, còn lại thợ sắp chữ, ở đâu cũng đều như vậy hết. Về hình ảnh các nghệ sĩ, lẽ đáng mỗi ảnh phải đặt nơi trang nhắc lại người nghệ sĩ ấy, nhưng lỗi này, tôi nhìn nhận là tại tôi và tôi xin lãnh đủ. Ban đầu tôi không dự định in hình cho đỡ tốn và sách dễ mua, nhưng sau lời khuyên của một ông bạn, phứt chót tôi mới chạy kiếm các hình ảnh nên có nhiều sơ xuất mà ông Nguyễn-Doãn-Vượng trông nom hộ phần ấn-loát các hình này cũng cực nữa. »

Tác giả « Thú chơi sách » và « Saigon năm xưa » còn kể khỏ về việc tặng sách như sau :

« Hôm rày vợ tôi đeo Honda do con lái, đi tặng sách thế tôi. Đem tới nhà một bạn gái, bà bạn đi vắng. Cô Chín, em bà, cảm ơn : « Hứ ! Nhà ở gần xít mà đợi đến hôm nay mới đem lại. Tưởng quên luôn. Thấy báo quảng-cáo hôm rày lâu hoắc ? »

« Về phần tôi, mỗi ngày một chuyến đi Sài-Gòn. Đi bằng xe buýt. Có bữa, đánh một vòng quá xá. Xuống ga Đức Bà. Cuốc bộ lên tòa-soạn Bách-Khoa. Từ đó lên Việt-Tấn-Xã, rồi lên Câu-Lạc-Bộ Bờ-Rô. Muốn xuống Kim-Lai, bị dây kềm gai chặn sau Phủ, phải đánh một tua « Hảo-Vọng-Giác », rồi bặn về phải trở lại ga xe buýt trước nhà Khai-Tri. Kết quả đôi giày há miệng, chủ nó le lười, nhưng ăn cơm rất ngon và chỉ xài có mười đồng tiền xe. Những người tôi thọ ơn nhiều, nay muốn thừa dịp tỏ lòng biết ơn, những ân-nhân ấy, thì rất ít. Một ông gởi tôi hai vạn, một ông gởi tôi một ngàn. Một ông, nói ra thì giận, không nói cũng tức, đã triết-lý : « Nói gì cái mua ! Ra nhà sách mua như mầy nói thì được rồi. Ngặt không có chữ ký và con dấu son của mầy. » Bộ không tốn tiền của tao sao ? Đã đồ hết một chục lít xăng rồi đó. » Nay sách « lốt ồ » đã đúng một trăm, nên xin khóa sổ. »

Ông cũng không quên nhắc với bạn đọc Bách-Khoa rằng :

« Hiện tôi còn tập thứ nhì, nhan là : « *Cải-lương đã 50 tuổi. — 50 năm sưu-tập* ». Đây là quyển sách ghi lại các bài ca cũ trích lục trong các tập bài ca xưa in năm 1909 đến 1915 và một mớ đã có trước năm 1965. Các vị nào muốn có để xem chơi, xin viết thư cho tôi (1) để tôi liệu : nếu được số đông, tôi sẽ tự xuất bản đúng theo số dặn trước, nếu không đủ số, tôi sẽ liệu quay ronéo. Nhưng xin nói trước, đừng để tôi chịu thiệt, trong một việc làm, lẽ đáng ra, về phần trường Quốc-Gia Âm-Nhạc hoặc Sở Tu-thư của Chánh-phủ ».

THỂ NHÂN

(1) Vương-Hồng-Sên, số 5 đường Nguyễn-Thiện-Thuật Gia-định.

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Hóa học và máy tính

Cho mãi tới ngày nay, phần lớn các phản ứng hóa học đều được thực hiện trong ống nghiệm. Cái ống nhỏ nhỏ bằng thủy tinh trong suốt ấy tưởng có thể giữ vai trò của nó mãi mãi!

Giờ đây, các nhà bác học đã thử đem cái vai trò ấy giao lại cho máy tính. Nói như thế có nghĩa là các hóa chất sẽ không còn được pha trộn trong ống nghiệm nữa mà sẽ được giải quyết trong máy tính.

Nhà hóa học Enrico Clementi, thuộc viện thí nghiệm của hãng IBM là người tiên phong trong vấn đề này.

Ông cung cấp cho máy tính các chi tiết đầy đủ về cơ cấu nguyên tử của một vài chất nào đó. Xong ông cho hai chất ấy tác dụng với nhau. Máy tính sẽ làm hộ phản ứng đó. Những trao đổi điện tử giữa hai nguyên tử để tạo nên một nguyên tử mới sẽ được diễn tả đầy đủ bằng những tín hiệu hiện ra trên một màn ảnh truyền hình. Trong một thí nghiệm của ông trên hai chất Ammoniac và Acide Chlorohydrique máy tính đã cho ra những hình ảnh thật rõ ràng về sự kết hợp nguyên tử của hai chất. Máy tính còn có lợi khi nó có thể cho kết quả của các phản ứng ở các điều kiện khó khăn (như nhiệt độ và áp suất thật cao).

Phương pháp mới mẻ này chắc chắn sẽ có tầm quan trọng đặc biệt trong lãnh vực của nó.

Ngủ nhiều ! Coi chừng !

Tục ngữ chúng ta có câu « Ăn được ngủ được là tiên ». Khoa học ngày nay hình như bắt đầu đồng ý với quan niệm

đó : người nào ngủ thật nhiều thì cũng rất có nhiều hy vọng sớm qui tiên cảnh !

Theo bảng thống kê đầy bất ngờ của bác sĩ E. Cuylev Hammond, thì những cơn đau tim tăng lên theo số giờ ngủ của con người. Số người ngủ 10 giờ trong một đêm có tỉ lệ mắc bệnh tim nhiều gấp hai lần những người chỉ ngủ 7 giờ trong một đêm. Và số bệnh nhân bị chết thì nhiều gấp 3 lần rưỡi nhóm sau.

Những con số trên chỉ là những con số thống kê nên nó chưa có một giá trị xác quyết. Tuy nhiên, dựa vào các con số đó bác sĩ Hammond cho rằng một giấc ngủ kéo dài là một triệu chứng của bệnh cứng-mạch-máu (arthérosclérose), trong đó vì vách các mạch máu bị nhỏ lại nên số lượng máu vào óc trong lúc ngủ lại càng chậm đi, ảnh hưởng vào ý thức của con người. Trong trường hợp bệnh tim, giấc ngủ làm cho máu lưu thông chậm lại. Và do đó máu dễ bị đông lại thành cục ở trong tim hoặc phổi.

Vài con số về Apollo 7

Chương trình không gian Apollo của Mỹ thực sự khởi đầu sau lời thách thức của vị tổng thống tài hoa J. F. Kennedy. Cách đây hơn 7 năm

Sáu chuyến bay có người lái của chương trình Mercury chứng tỏ hỏa tiễn thôi tống đủ khả năng đưa phi thuyền lên quỹ đạo trái đất. Tiếp theo đó, mười chuyến bay có người lái của chương trình Gemini chứng tỏ con người có thể chịu đựng lâu dài ở các điều kiện trong không gian. Và cuối cùng, chương trình Apollo nhằm đưa người lên cung trăng.

Apollo 7 chuyển phi thuyền đầu tiên của chương trình đã chứng tỏ ra hết sức phức tạp. Nó gồm 2 triệu bộ phận khác nhau : 587.000 nút kiểm soát, 47 bộ máy (không kể 42 máy ở hỏa tiễn thời tống Saturne V và 3 cái ở đài cấp cứu). Ở phòng chỉ huy của phi thuyền có 24 dụng cụ, 566 nút bấm, 40 máy báo động, 71 ngọn đèn và 15 dặm dây điện.

Tuy vậy, với bấy nhiêu trang bị và dụng cụ, Apollo 7 không được giao phó một sứ mệnh quan trọng nào. Sự kiện đáng kể nhất có lẽ là việc các phi hành gia tập điều khiển phi thuyền ráp nối với một phi thuyền khác không cần có sự hướng dẫn của radar. Trong chuyến bay này, phi thuyền cần ráp nối là tầng cuối cùng của hỏa tiễn Saturn V đã bị tách rời ra trước đó. Nhưng trong tương lai nó có thể là phi thuyền mặt trăng vừa rời khỏi mặt nguyên cầu và không thể ráp nối được với phi thuyền mẹ đang bay trong quỹ đạo. Trong trường hợp ấy, để cứu các phi hành gia, phi thuyền mẹ phải cho tập sử dụng đến viễn vọng kính và thước đo góc!

Apollo 8, dự định khởi hành vào hạ tuần tháng chạp năm nay, sẽ có nhiệm vụ bay vòng quanh mặt trăng và chụp hình bề mặt nguyệt cầu. Apollo 9 sẽ chỉ bay vòng quanh trái đất và các phi hành gia sẽ thực tập kỹ thuật ráp nối giữa phi thuyền mẹ và phi thuyền đồ bộ. Và cuối cùng, nếu mọi việc tốt đẹp, Apollo 10 sẽ hoàn tất sứ mạng lịch sử của chương trình Apollo.

Quả tim nguyên tử

Một quả tim nguyên tử sẽ thay thế trong một tương lai rất gần đây cho quả tim người để kéo dài cái khoảng tuổi đời

ngắn ngủi. Một quả tim nguyên tử sẽ bền chắc hơn và sẽ dễ kiểm hơn rất nhiều so với một quả tim người chính hiệu trong các cuộc ghép tim mỗi ngày mỗi tăng gia.

Tính đến nay, đã có tới 31 người bị chết trong 59 trường hợp ghép tim trên thế giới. Hầu hết là vì cơ thể của người nhận không chịu chấp nhận quả tim của kẻ cho.

Nó phản ứng lại rất dữ dội để cố thải trừ vật lạ đó đi. Một quả tim nguyên tử sẽ tránh được mối ganh tị đó.

Quả tim nguyên tử này sẽ gồm có 3 phần chính : một khối nhỏ thể cho tâm nhĩ và tâm thất, một động cơ làm cho tim đập và co bóp, và cuối cùng là nhiên liệu để duy trì động cơ ấy. Bác sĩ John. C. Norman đã chọn Plutonium 238, một chất phóng xạ để làm nhiên liệu cho quả tim nhân tạo mà ông đã phát minh ra. Một mẫu nhỏ chất Plutonium 238 dư sức cung cấp một giòng điện 16 watts liên tục trong suốt 89 năm mà không tỏa ra một tia phóng xạ nào đủ gây nguy hại cho mạng sống con người. 89 năm thì đã thừa thãi đối với một đời người, do đó nó sẽ chẳng phải bị moi móc ra để cho thêm nhiên liệu vào nữa. Tuy nhiên, vẫn còn một rắc rối nhỏ. Khi máy chạy sẽ làm cho quả tim nhân tạo nóng lên và gây hư hại cho các cơ quan xung quanh. Bác sĩ Norman đã giải quyết một cách giản dị : ông dùng một ống bằng kim loại, tức là chất dẫn nhiệt, nối thẳng từ quả tim sang động mạch chủ : mọi nhiệt lượng sinh ra sẽ được dẫn vào máu và từ đó tản mát trong khắp cơ thể.

Quả tim nguyên tử này đã được ghép thử vào một con chó và nó đã sống

bình thường trong hơn một năm trời trước khi bị giết đi để xem xét lại các cơ quan của nó.

Từ khi quả tim đầu tiên được ghép thành công từ người nọ vào người kia thì con người có vẻ ngỡ ngàng. Giờ đây, một khối vật chất sắp được ghép

vào người, rồi cũng sẽ duy trì cuộc sông « thiêng liêng » của con người. Nếu sống được, những người này phải chờ đi một việc : là không bao giờ được quen miệng đòi dâng quả tim cho cô này cậu kia. Không gì bất nhả bằng dâng cục sắt xấu xí ấy.

TỬ DIỆP

THỜI-SỰ KINH-TẾ

Hội thảo về kinh tế ngày 5-11-68

Ban tổ chức : Hội Cựu Sinh-Viên Đại-học Mỹ phối hợp cùng Phòng Thương Mại và Công Kỹ-nghệ Saigon.

Địa điểm : Hội trường Phòng Thương-Mại.

● *Đề tài :* Tiết kiệm để đầu tư.

Diễn giả : Ông Phạm Minh Dươg.

Muốn thu hút vốn đầu tư, diễn giả đề nghị ba giải pháp : Phát hành công khố phiếu—Lập Công ty Đầu tư nặc danh, cổ phần trị giá từ 100 đến 1000 đồng để mua lại xí nghiệp Quốc doanh và Hợp doanh—Khuyến khích và có thể cưỡng bách công-tư-chức tiết kiệm, đóng góp một phần nhỏ lương hàng tháng dùng để đầu tư.

Thực sự cả ba giải pháp trên nguyên tắc đều hay và Công-khố phiếu đã được Chánh phủ thực hiện rồi. Mỗi lần Chánh phủ cần tiền, các chuyên viên tài chánh lại lăm le phát hành Công phổ phiếu để vay tiền của dân. Nhưng có lẽ trong lịch sử nước Việt Nam, chỉ có một kỳ vay tiền dân, tặng phẩm hàm, từ hồi la-ghe-cát-tó, hay là Đệ-nhất Thế chiến, và có kết quả mỹ mãn vì là cuộc vay tiền không tiền khoáng hậu đã từng được Phạm tiên-sinh quảng cáo bắt hủ trong Nam-Phong tạp-chí dưới khẩu hiệu : « Ròng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc ».

Ròng Nam phun bạc có một lần đó rồi không hiểu có động cánh, động đuôi long-mạch hay không, mà sau này thôi hẳn, mặc dầu chiến tranh đã tái diễn nhiều lần khốc-liệt trên miền Nam thanh-bình của cõi Đông-Á này.

Cách đây vài-năm, nhà học-giả Nguyễn-Xuân-Oánh, khi đó còn nắm chính quyền, muốn thực-hiện các điều đã học hỏi được ở bên Mỹ, và đã có kết-quả tốt ở xứ người, thúc đẩy một phong-trào rầm rộ bán Quốc-trái. Nhưng nguyên-tắc ở xứ người thì hay mà du-nhập vào Việt-Nam lại dở ẹt, vì muốn vay tiền của dân, lại hóa ra chỉ bán được trái-phiếu cho các Ngân-hàng, thành thử chẳng đạt được

mục đích gì. mà cũng chẳng làm lợi cho ai, ngoại-trừ các Ngân-hàng là béo-bò vì các khoản tiền « đề-bô », lẽ ra không được ăn lãi gì mà tự nhiên lại được Ngân-khố « ban » cho mấy triệu tiền lời.

Không phải nguyên-tắc phát-hành Công-khố-phiếu là dở, nhưng phát-hành trong các điều-kiện hiện-tại sẽ không đạt được kết-quả mong-muốn. Các nhà lãnh đạo tài-chánh, các vị công-bộc nền-nếp, thường quên mất khía-cạnh thương-mại của vấn-đề. Công-khố-phiếu cũng là một thứ hàng-hóa và hàng-hóa mới nữa, nên phải quảng-cáo, phổ-biến sâu rộng, phải làm cho hấp-dẫn, phải có ích-lợi thiết-thực cho người dân.

Nguyên tiền lời năm ba phần một năm, thôi thì thực chẳng có gì là hấp-dẫn cả. Người dân đen, muốn vay được tiền nhà Bể, phải trăm phần khó khăn, khổn khổ. Không kể đến các phí-tồn chường-khế, vì phải thế-chấp nhà cửa ruộng nương, nguyên lời và phí-tồn Ngân-hàng đã là 12 phần trăm một năm. Nếu kể các phí-tồn khác người đi vay phải chịu một lãi xuất 18 phần trăm, một năm, tức thì một phần rưỡi một tháng. Trong nước này, lời một phần rưỡi là quá nhẹ rồi.

Người dân vay tiền khó khăn là thế, mà chính-phủ lại tính-chuyên vay tiền quá dễ-dàng, và chịu một lãi-xuất hầu như vô-nghĩa-lý, thời làm sao mà lôi cuốn dân đen mua công-khố-phiếu được.

Nhất là đồng tiền dùng mua công-khố phiếu thường là tiền dư, những khoản tiền vô-danh, không cha, không mẹ, không nguồn-cội. Chủ-nhân của nó thường sợ không dám phô bày ra ngoài. Nếu không có lợi-lộc đặc-biệt thời khi nào họ dám cho Nhà-nước vay.

Muốn cho thực-tế, Quốc-gia phải cho trái-chủ hưởng lời hai phần một năm. Và khi bán ra, phải bán dưới giá 20 0/0. Tỷ-dụ công-phiếu 1000đ, chỉ bán 800đ, công-phiếu 5000đ chỉ bán 4000đ. Cũng như Quốc-gia trả lời trước một năm cho trái-chủ.

Nếu Chính-phủ có đầu óc thương-mại và cần phải vay tiền nhân-dân, thời phải nhận hai điều-kiện trên đây. Các thế-hệ tương-lai đương nhiên phải trả nợ thay cho thế-hệ hiện-tại. Như vậy sự hy sinh cho chiến-tranh mới ở vào mức độ chịu đựng được. Và Quốc-gia mới có hy-vọng vay được một vài chục tỷ bạc.

Việc lập Công-ty đầu-tư nặc-danh cũng là một ý-kiến rất hay, nhưng chưa áp dụng tại Việt-Nam trong giai-đoạn hiện-tại được. Người Việt-Nam chưa có đầu óc và thói quen lập Công-ty. Khởi sự chỉ trong một gia đình hoặc giữa vài người bạn thân là còn có thể lập một Công-ty đứng vững được. Công-ty nào trên 10 người là bắt đầu rắc-rối lũng-cung với nhau rồi.

Cũng như tình-trạng chính-trị xứ này, năm ba người còn có thể đồng-chí với nhau được. Đàng mà có trên 10 người, đánh chết cũng lũng-cung với nhau, cũng ty nạnh, cũng tranh-danh địa-vị quyền-lợi.

Cho nên lập một Công-ty với 100 triệu-đồng — một số vốn tương-đối khiêm nhượng — với 100.000 cổ-phần, với vài chục ngàn hội-viên là một chuyện đội đá

vá trời Nếu có thành-hình, có hoạt-động được, thời khi có lời rồi, chắc-chắn mỗi năm phải có vài ngàn vụ kiện giữa các hội-viên vì bất-đồng ý-kiến.

Giải-pháp cưỡng-bách tiết-kiệm kể ra cũng đúng, nhưng công tư chức Việt-Nam, lương chỉ xài từ 20 đến 25 ngày một tháng, thời buộc họ tiết-kiệm vào khổ nào ?

Tóm tắt lại, các biện-pháp của ông Phạm-minh-Dưỡng, "răng hay thì thật là hay", "mà nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào" — cay-đắng vì không sao áp-dụng trong điều-kiện thi-hành và bối-cảnh hiện-đại của dân-tộc Việt-Nam.

● *Đề tài thứ hai* Thị-trường chứng khoán.

Diễn-giả : Ông Nguyễn-Thành-Lập.

Theo ông Chủ-tịch Hiệp-hội các Ngân-hàng tư, lúc này đã thuận-lợi để thiết lập Thị-trường chứng-khoán tại Saigon.

Đối với người dân Việt-Nam, danh-từ Thị-trường chứng khoán lạ-hoắc. Thử hỏi trong đám quần-chúng Việt Nam, kể luôn cả giới trí-thức, giới công-tư-chức, từ xưa vẫn được coi là giai-cấp thượng-lưu trong xã-hội, ai là người nắm trong tay một số cổ-phần của một công-ty kéo-cột nào đó, như tiền đề-danh bằng bạc-giấy, đô-la hay vàng lá, vàng đồ ? Mà nếu chẳng người dân nào có cổ-phần cả thời vấn-đề chứng-khoán chẳng liên-quan mật-thiết gì tới đời sống của dân đen và cũng chẳng cần đặt ra Thị-trường chứng-khoán làm chi. Cứ xem từ trên 10 năm nay, các chuyên-viên tài-chánh luôn luôn khơi rộng việc nghiên-cứu các khía cạnh của vấn-đề, mà cũng chẳng đi tới được một tổ-chức thực-tế nào thì đủ hiểu còn thiếu cả ba điều-kiện thiên-thời, địa-lợi, nhân-hòa để thiết lập Thị-trường chứng-khoán.

Vấn-đề kinh-tế, thương-mại, là những vấn-đề thực-tế. Khi cần tới thời đầu chính-phủ không cho phép, các sự-kiện đó vẫn phát sinh ra. Tỷ-dụ : chợ trời Lơ-Pheo, một thứ thị-trường chứng-khoán thường họp tại góc đường Nguyễn-công-Trứ (Lơ Pheo cũ) và Võ-di-Nguy, mỗi sáng từ 8 giờ đến 10 giờ.

Thị-trường này chỉ chuyên về áp-phe buôn bán chợ đen chợ đỏ ngoại tệ, lít xăng, hàng hóa bất hợp pháp với sự tham dự hầu như hoàn toàn của giới mại bản cuộc chi ê ba tàu.

Cũng có lúc người ta đã nghĩ đến hợp thức hóa chợ trời này cho thành chợ chứng khoán. Nhưng bản chất của chợ trời không cho phép, vì công khai hóa các hành động bất hợp pháp thời chẳng khác nào chính thức hóa việc buôn lậu thuốc phiện.

Ngược lại thị trường chứng khoán mà không cho phép làm các áp phe kia, thì lại vắng như chùa bà đanh, vì chẳng có chứng khoán nào mà mua mà bán cả.

Trong hiện tình nước ta, phần lớn các công-ty tư-nhân đều là công-ty giả hiệu. Sự thực nó là tài sản của một cá nhân, một giòng họ. Nhưng thêm vài

tên bù nhìn vào đó, cho đủ điều kiện trở thành công-ty mà thôi. Cũng kiểu như Công-ty chính-phủ, lấy tên của ông Tổng này, ông Tổng nọ vào cho đủ thành phần ban quản trị bấy người. Chính-phủ mà cũng còn phải mánh lới như thế cho hợp với luật của chính-phủ về công-ty nữa là dân đen, trách sao được họ không có tinh thần hội viên công ty. Đã là của riêng một người, một nước, thời còn làm gì có chuyện mua đi bán lại hàng ngày trên thị trường như một món hàng hóa, như vàng bạc, ngoại tệ...

Cái gì không thực tế sẽ không tồn tại được.

Chợ trời Nguyễn Huệ lôi cuốn được người mua hàng vì có những món đồ ngoại quốc lậu thuế. Dem vào chợ chính-phủ Kim-Biên, chỉ bán toàn hàng nội hóa, hoặc hàng nhập cảng có đủ quan thuế sẽ chẳng có ma nào đi chợ. Muốn lôi cuốn khách hàng chợ trời Kim Biên, dẫu cho chính-phủ thiết lập, cũng phải bán hàng P. X., hàng lậu thuế, hàng ngoại quốc.

Thực tế là như vậy. Thị trường chứng khoán muốn hoạt động đàng hoàng, phải đợi khi nào có cả ngàn công-ty vô-danh thực sự, có cả hàng trăm ngàn người là sở hữu chủ những cổ phần nằm trong tay các bằng khoán vô danh, như giấy bạc, như ngoại tệ, và đã có thói quen mua bán hàng ngày các cổ phần đó, coi như vàng lá, như hàng hóa, đẻ sinh lời hàng năm, hoặc đẻ mua qua bán lại như chạy hàng sách lấy lời tức khắc.

Khi đó chính phủ không thiết-lập, tư-nhân cũng tự động họp một chỗ buôn bán với nhau, khỏi cần ai kêu gào, quảng cáo làm gì.

DUY

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93 741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Thời-sự thế-giới

● TỪ-TRÌ

Ba tuần sau khi Hoa kỳ bầu Tổng thống mới, tình hình chiến tranh tại Việt Nam có khuynh hướng như lắng dịu hơn trước. Nếu chiến cuộc Việt Nam có nhiều triển vọng được giải quyết thì tại Âu-châu người ta lại vấp phải những khó khăn kinh-tế tài-chánh và tại Trung-Đông người ta đang lo chiến tranh bùng nổ trở lại.

Mỹ châu : Ông Nixon chuẩn bị nắm chính quyền

Được bầu làm Tổng thống thứ 37 của Hoa-kỳ, ông Nixon đang chuẩn bị nhận chức vụ vào 20 tháng 1 sắp tới. Trước cảnh tượng chia rẽ của xã-hội Mỹ ông đã cố gắng tạo nên một tấm gương đoàn kết. Vì vậy mà ngay sau khi đắc cử ông đã yêu cầu ông Humphrey cho ông được gặp. Cuộc hội kiến giữa hai ứng cử viên Tổng thống, một người thắng cử một người thất bại, đã diễn ra trong một bầu không khí thân mật và ông Humphrey đã hứa sẽ tích cực giúp đỡ ông Nixon trong nhiệm vụ Tổng thống. Người ta đồn rằng ông Nixon có thể sẽ cử ông Humphrey làm Đại-sứ thường trực của Hoa kỳ tại Liên-Hiệp-Quốc, một chức vụ vô cùng quan trọng có nhiệm vụ bảo vệ không những quyền lợi mà còn quan-niệm chính-trị Hoa kỳ trước dư luận thế giới nữa.

Ông Nixon cũng đến hội kiến với Tổng thống mãn-nhiệm Johnson. Cũng như với ông Humphrey, ông Nixon đã

gặp ông Johnson trong một bầu không khí cởi mở và thân hữu đến nỗi cả hai vị Tổng thống đã đi tới một thỏa hiệp là hai vị này sẽ cộng tác mật thiết với nhau trong suốt thời gian chuyển tiếp từ 5-11-1968 tới 20-1-1969 khi ông Nixon nhận lãnh hoàn toàn trách nhiệm. Do sự thỏa thuận này mà ông Nixon đã tuyên bố trước báo chí rằng : « Ông Johnson lúc này hành động không riêng cho chính phủ hiện thời mà còn cho chính phủ tương lai nữa ».

Ngoài ra ông Nixon có lẽ còn yêu cầu nhiều công-sự-viên của ông Johnson ở lại chức vụ cũ. Đó là trường hợp các ông Clark Clifford, Bộ trưởng Quốc phòng, Hoover Giám-đốc lực-lượng Cảnh sát F.B.I và Helms, Giám-đốc Cơ quan tình-báo CIA.

Những hành động của ông Nixon đều nhằm mục đích bảo đảm sự đoàn kết quốc gia và sự liên tục của chính quyền. Khi người ta nghĩ lại năm 1952 lúc ông Eisenhower đắc cử Tổng thống, gây liên lạc giữa ông và Tổng thống mãn nhiệm Truman đã căng thẳng vì nhiều bất đồng ý-kiến đến nỗi hiện thời hai ông còn giận nhau, người ta tự hỏi không hiểu tại sao hai ông Johnson và Nixon lại có thể thân hữu với nhau được như vậy. Sự thật thì chính sách của hai ông không có những dị điểm quan trọng. Vào những lúc mà các người đối lập ngay trong đảng Dân-chủ công khai chỉ trích đường lối của ông

Johnson ở Việt Nam thì ông Nixon luôn luôn lớn tiếng ủng hộ thái độ cứng rắn của ông Johnson. Ta cũng không nên quên rằng trong những năm gần đây ông Johnson đã dựa vào các nghị sĩ Cộng-hòa nhiều hơn là vào phe bỏ-câu Dân-chủ.

Với những dữ-kiện trên đây ta thấy rằng chính sách Việt Nam của ông Nixon chỉ là sự nối tiếp của chính sách Johnson. Những người trước đây đặt nhiều hy vọng vào ông Nixon, vì tin rằng ông không bán đứng Việt Nam, đã không lầm. Ông Johnson không phải là người mềm yếu trước vấn đề Việt Nam. Sở dĩ ông đã nhượng bộ một phần nào có lẽ cũng chỉ là vấn đề chiến thuật và cũng vì tình trạng xã hội Hoa-kỳ đòi hỏi sớm chấm dứt chiến tranh. Ở vào địa vị này chắc ông Nixon cũng không thể làm hơn được. Nhưng những nhượng bộ này đã là mức tối đa mà cả hai ông Nixon và Johnson đều không thể đi xa hơn được. Vì vậy mà cả tháng nay hòa hội Ba-lê vẫn bị mắc kẹt. Hoa-kỳ không thể hội đàm với Bắc Việt khi Nam-Việt vắng mặt, mặc dù Nguyễn thị Bình khẳng khẳng đòi hóp tay ba. Mỹ và phe Cộng-sản đều hiểu rằng nếu hòa hội muốn đi tới một kết quả thì không thể thiếu sự có mặt của Nam-Việt. Một nhân vật ngoại-giao Pháp có thái độ thân Bắc-Việt, đã phải nói : « Tuy cả « Mặt trận Giải phóng » lẫn Bắc-Việt không dám công khai nói ra, nhưng dù sao người ta cũng không thể chối cãi được rằng họ cần Chính phủ Nam-Việt để hội nghị đạt tới giải quyết chiến tranh ».

Tuy nhiên tới lúc này người ta nhận thấy phe Cộng sản vẫn tiếp tục gây hấn bằng cách tấn công các đồn lẻ, pháo kích đô-thị, hoặc đặt mìn phá hoại khủng bố ám sát.

Về phía Nam-Việt, thái độ cứng rắn của Tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu đã đưa tới một thắng lợi ngoại giao qua 2 tuyên cáo của V.N.C.H. và Hoa-kỳ ngày 27-11-68 vừa qua : Công thức song phương trong một hội nghị hoàn toàn mới và V. N.C.H. đóng vai chánh trong các vấn đề liên quan thiết yếu đến Việt-Nam. Một phái đoàn tham dự hội nghị đang chuẩn bị lên đường sang Ba-lê và Phó T.T. Nguyễn-cao-Kỳ sẽ giữ một vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn cuộc đàm phán của phái đoàn Nam-Việt và liên lạc về Saigon với chính phủ V.N.C.H.

Trung-Đông : Chiến tranh lại đe dọa bùng nổ.

Trong khi tại Á-châu người ta đang dồn mọi nỗ lực để đi tìm một nền hoà-bình khó kiếm, thì tại Trung-Đông các quốc-gia Ả-Rập và Do-thái đang bị thời-cuộc đẩy dần vào chiến tranh. Thật vậy, sau khi bị Ai-Cập tấn công ở vùng kênh Suez, giờ đến lượt Do-Thái trả đũa. Quân đội Do-Thái không tấn công ở Suez mà tấn công ở sông Nil, tức là sâu vào lòng lãnh-thổ Ai-Cập tới 240 km. Quân Do-thái do phi-cơ chở tới đã tấn công một chiếc cầu ở Qena vừa được xây cất với giá tiền 5 triệu Mỹ-kim, phá hoại đập nước Nag Hammadi và đe dọa đập Assouan. Các cầu và đập này là những phần-tử của hệ-thống dẫn-thủy nhập-diện của Ai-cập. Sau khi tấn công, quân-đội Do-Thái lại được phi-cơ trực thăng chở về an toàn. Những thành tích quân - sự của Do - Thái đã khiến cho nhà cầm quyền Ả-Rập rõ được những sơ hở về quân-sự của mình. Vì vậy các quốc-gia Ả-Rập tuy được Nga-xô tận lực giúp đỡ và trang bị vẫn tỏ ra lo sợ. Họ không dám tấn công trả

đưa Do-Thái, nhưng nếu đề yên thì họ ngại rằng Do-Thái sẽ bành trướng hơn nữa. Chỉ còn có một cách là thương-thuyết để ràng buộc Do Thái bằng một hệ-thống hiệp-ước quốc-tế.

Nhưng bất cứ một lãnh-tụ Ả-Rập nào cũng không có can đảm tới ngồi cùng bàn hội-ng nghị với Do-thái. Vì tại mỗi quốc-gia, nhất là tại Jordanie, dân Palistine bị Do-thái đánh đuổi họp thành một thành-trị đối lập với mọi toan tính hòa-bình với Do-thái. Một sĩ-quan Jordanie đã nói thẳng với Quốc-vương Jordanie là Hussein rằng hắn từ xưa tới nay vẫn hết mình ủng hộ nhà vua nhưng nếu vua thương-thuyết với Do-thái thì hắn sẽ rút dao giết vua ngay.

Một lần nữa ta thấy các lãnh-tụ Ả-Rập tỏ ra hết sức khổ-tâm. Hòa không được, chiến không xong, đó là một vấn đề nhức đầu của vùng Trung-Đông hiện nay.

Âu-Châu : Khủng hoảng tài-chánh tại Pháp

Tuy không bị đe dọa xâm lăng, Tổng thống De Gaulle cũng bị nhức đầu không kém. Thật vậy, đồng Phậ-lăng, đơn-vị tiền-tệ của Pháp, xuống giá. Dân chúng Pháp đua nhau đi mua vàng khiến giá vàng bỗng lên cao vọt. Người ta đồn rằng chính phủ sẽ phải phá giá đồng phậ-lăng tới 25 olo. Nếu không mua vàng thì dân Pháp chuyển tiền ra ngoại quốc để mua ngoại-tệ, nhất là đồng Mark của Đức. Thật vậy, người ta cho rằng vì đồng Mark là một tiền tệ vững chắc nhờ nền kinh-tế phồn-thịnh của Đức, nên chính phủ Đức có lẽ phải tăng giá đồng Mark lên so với các tiền-tệ khác.

Để cứu vãn tình thế, chính phủ Pháp

đã tiêu 3 tỷ Mỹ-kim dự trữ để củng cố đồng Phậ-lăng. Nhưng vô ích, vì dân chúng đã hết tin tưởng vào tiền-tệ của họ.

Sở dĩ Pháp bị lâm tình trạng này là vì các hậu quả của cuộc cách-mạng xã-hội tháng 5 vừa qua đã bắt đầu xuất-hiện. Thật vậy sau hơn một tháng trời ngưng hoạt động sức sản-xuất của Pháp bị sút giảm. Hơn nữa chính phủ vì nhượng bộ thợ thuyền và sinh viên nên đã phải đưa ra nhiều cải tổ tốn kém. Thợ thuyền được tăng lương trung bình là 13 olo. Để đối phó với các món chi tiêu vĩ đại này Pháp chỉ có cách là phát triển kinh-tế. Nhưng phát triển kinh tế là một công-trình dài hạn chưa có thể thực hiện được ngay. Vì vậy chính phủ Pháp phải dùng tới những biện pháp cấp thời là giảm ngân sách, tăng thuế, phong tỏa giá cả và đồng thời bớt đầu tư. Nhưng những biện pháp này chỉ có hiệu quả cấp thời và hậu quả dài hạn sẽ vô cùng nguy hại vì ngưng đầu tư tức là giới hạn phát triển kinh tế trong tương lai, trong khi Pháp đang cần phát triển mạnh.

Nếu chính phủ Pháp quyết định phá giá đồng Phậ-lăng thì hàng của Pháp trên thị-trường quốc tế sẽ trở nên rẻ hơn, dễ bán hơn. Nhưng các nước khác cũng không chịu, họ sẽ đua nhau "điều chỉnh" bằng cách phá-giá tiền tệ của họ và như vậy phá-giá đồng Phậ-lăng cũng không thể là một biện pháp thích ứng có giá trị dài hạn.

Vì vậy trong tương lai gần đây dân Pháp sẽ có thể công phần với chánh quyền và người ta ngại rằng một cuộc khủng hoảng xã hội trầm trọng hơn hồi tháng 5 vừa qua sẽ bùng nổ.

Đón đọc:

CHIẾN TRANH và HÒA BÌNH

của Léon Tolstoi

Nguyễn Hiến Lê dịch — Lá Bối xuất bản sách dày 2500 trang

● Các bạn thích bản đẹp xin viết thư dặn trước nơi nhà xuất bản số 120 Nguyễn Lâm. Chợ Lớn Thư đề: Ô Võ Thắng Tiết.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CON-NGƯỜI NHÂN-CÁCH ĐỊNH-MỆNH

✻ Ý hệ như một chuyện hóa tâm thức và lịch sử

của NGUYỄN PHÚC BỬU SUM

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản — SỐNG MỚI Tổng phát hành

đầu tháng 11-68 tìm đọc: **HÀNH ĐỘNG**

tạp chí văn học nghệ thuật

Số 2 phát hành tại Huế

NGUYỄN PHỮ YÊN nghệ thuật và bạo động lịch sử TRƯƠNG VĂN TRI thực tại và ý thức hệ trong chủ nghĩa Mác-Xít Sơ Viết CLAU-SEWITZ chiến tranh là gì? LÊ VĂN NGĂN con ngựa hồng hí buổi sáng nay TÔN THẤT LẬP tiếng hát vang dậy đồng khô. NGUYỄN VĂN PHỤNG bài ca lao động. TRẦN HOÀI THU Huế trong giấc ngủ mùa mưa.

tháng 12-1968 phát hành :

LÁ ĐỎ TRÊN MƯỜI ĐẦU NGÓN TAY

thơ Kiều Mộng Thu

Bìa Duy Thanh và Nguyễn Trung — phụ bản Hoàng Hương Trang Nguyễn Trung và Nguyễn Hạo — Phương Đài vào đề — Diễm Phúc trình bày Phở Đức kết từ.

do Cơ Sở NHÂN CHỨNG xuất bản

Mọi liên xin lạc gửi : Phở Đức 581 Trương Minh Giảng 581 Saigon

Nhà xuất bản VẬN ĐỘNG

đã phát hành :

PHỐ CA

Tập nhạc Tôn Thất Lập

MƯA MẮT TÌNH

Thơ Đặng Tấn Tới

HỢP THƯ

— *Bách khoa đã nhận được những bài sau đây :*

Trời đất quay cuồng (Quảng Ngao).
Đời mới nghề tôi ; Đại nội mới (Đông Trình). Từ cuộc đời (Lê nhược Thủy).
Đêm cao ; Đường về ; Đưa người (Khế Iêm). Thư gửi các người đang chiến đấu. Đêm quê hương (Nguyễn lệ Tuần).
Phố buồn ; Ước gì ; Tình công viên (Giữ Thạch). Loài chim hải đảo ; Lời ru con không đoạn kết (Mỹ Lan Anh).
Tình yêu đối diện (Thụy Miên). Nỗi chết. (BB. Húi Cua). Ru ; Lần tay đánh rớt ; Gió ; Gọi đời ; Nỗi xót xa còn lại ; Bước quên ; Ưu tư ; Bước đi của gỗ mục (Lãng ngư). Thương em vận nước điêu tàn ; Con chim nhỏ quê hương trước mặt (Quang Ngọc). Trống không (Việt Hoàng). Trần - Đại - Mộng (Ngọc Bảo). Hận (Thiện Thư). Những người cùng làm việc (Lê văn Ngăn).
Mơ đời chân thật (Thái ngọc San). Ở đây thành phố ; Bây giờ ta đón mùa Xuân ; Đêm gác trên cao (Nguyễn văn Huỳnh). Vở đạn và hoa hồng ; Em bé và giấc mơ ; (Mỹ Chi ; Phong Châu ; Nhớ ; Thủy thủ với nàng thơ (Hồ Hạ Sách). Xin thời gian ; Cho 20 ; Tiếng khóc đã trảng ; 20 (Từ Huy). Sau những ngày mưa (Lê Bao La) Cẩn phần ; Tình yêu (Vũ Phan Long). Cối thiên đàng ; Suy tư (Nguyễn Ban Sơ) vào đêm (Khinh Đình) Đêm ngủ ở nhà

Nguyễn Triệu Cung ; Tự tình ; Thư viết cho vợ sắp cưới (Trương văn Dũng). Đi qua ngã vắng (Trịnh khả Nguyên). Tuổi thiếu phụ (Trương Hà Trữ). Người về đây (Thích Đức Niệm). Người sống và người chết (Đào chí Hiếu) Mùa xuân nước mắt (Võ Phi Hùng) Cải tổ giáo dục (Nguyễn Long Vân).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì quý bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Bạc mệnh Nhân (Cần thơ) :*
Ô Phạm công Thiện hiện là Khoa trưởng văn khoa Đại học Vạn hạnh Saigon lúc này đương công du ở Hoa kỳ. Bà Nguyễn thị Hoàng nhận thư ở Hộp thư 339 Saigon. Xin gửi cho những bài khác.

— *Ô. Vu Doài (Cà mâu)* Đã nhận được thư anh mới đây, nhưng theo những thư trước, tòa soạn đã gửi về Phan Thiết rồi. Ngoài Nước phèn, mong anh gửi cho những thứ khác nữa.

— *Bs. Lê văn Khải (Saigon)* Chúng tôi đã nhận được « Chúng ta học ngoại ngữ » và sẽ đăng trên số tới. Rất cảm ơn ông.

— *Ô. Hiếu (KBC 4091)* « Đoàn ngũ hóa thiếu nhi » sẽ đăng trên số tới. Rất cảm ơn ông.

Cảm nghĩ về Cách-mạng Hoa-kỳ

(tiếp theo trang 37)

Còn người Mỹ ? Trái lại với André Maurois, tôi nghĩ rằng người Mỹ đã làm Cách-mạng. Họ đã chiến đấu rất dũng cảm trước đoàn quân viễn chinh hùng hậu của người Anh và mặc dầu phải nhờ Triều đình Pháp giúp đỡ, họ đã chứng minh, lần đầu tiên trong lịch sử, sức mạnh vô địch của một quân đội nhân dân đói rách và thiếu vũ khí nhưng chiến đấu cho một chánh nghĩa, trước một đạo quân tinh nhuệ và được trang bị đầy đủ, nhưng chỉ toàn lính đánh thuê hoặc lính công chức. Trận đánh ở Concord, mở màn cho cuộc chiến tranh giành độc lập, có thể được xem như trận đánh đầu tiên theo kỹ-thuật du kích (1). Bản tuyên-ngôn độc-lập của họ, tiếng nói công khai đầu tiên của một dân tộc tuyên xưng quyền tự quyết đã có một giá trị và một ảnh-hưởng sâu rộng và trường cửu trên thế giới (2). Cuối cùng, khi đã chiến thắng người Anh chấm dứt chế độ thuộc địa, họ đã dám thiết lập chế-độ Cộng hòa đầu tiên trên một nước rộng lớn và, như sử-gia J. Godechot đã viết, “sự hiện-hữu trên thế-giới của một nước Cộng-hòa rộng lớn được tổ chức theo những nguyên tắc thuần lý của các triết-gia, sẽ là một sự kích-thích phi-thường cho tất cả những nhà cải-cách và những kẻ bất mãn”. (3)

Như vậy người Mỹ đã đi tiên phong trong nhiều lãnh vực và đã có công rất lớn đối với Cách-mạng thế-giới. Thế nhưng sau khi đã châm ngọn lửa đầu

tiên để làm nòng bùng những cuộc Cách-mạng đang ngấm ngấm bên Âu-châu, người Mỹ đã tách khỏi giòng sông cách-mạng, đã do chính họ khai thông, và không còn đóng góp gì nữa vào sự phát triển cách-mạng từ hai trăm năm qua, trên cả hai bình diện tư tưởng và thực tiễn, cho đến nỗi thế-giới đã quên mất cuộc Cách-mạng Mỹ.

Theo tôi nghĩ, các nguyên nhân chánh yếu của sự tách rời và cố định ấy nằm trong yếu tính của cuộc Cách-mạng Mỹ. Đây là một cuộc Cách-mạng theo nghĩa của thời Thượng-Cổ, nhưng lại bùng nổ vào đầu thời hiện-đại. do đó đã châm ngòi cho những cuộc Cách-mạng hiện-đại bùng nổ theo, mà đầu tiên là cuộc Cách-mạng Pháp.

Khi các ông địa-chủ miền Nam và thương-gia miền Bắc quyết định tách rời khỏi mẫu quốc, thì một phần là vì các xứ thuộc-địa Mỹ đã đến giai đoạn trưởng thành, có những quyền lợi riêng tư không

(1) Tháng tư 1775, khi nghe tin có một kho trữ thuốc súng ở Concord, một đô thị nhỏ gần Boston, Tướng Gage liền phái Đại tá Smith đem 1.000 quân Anh đến chiếm trong đêm 18. Nhờ nhân dân báo động, các địa phương quân Mỹ đã chuẩn bị kịp thời để kháng cự quân Anh khi họ đến và phục kích họ trên đường về. 227 lính Anh đã bỏ mạng, về phía Mỹ chỉ có 8 người.

(2) Hiến-pháp đầu tiên của nước Việt-Nam độc-lập cũng lấy lại một câu của bản tuyên-ngôn độc-lập Hoa-kỳ.

(3) Histoire Universelle, tome III, section « Révolution », dẫn trong G. Morel, bài đã dẫn, tr. 686.

còn ăn khớp và nhiều khi mâu thuẫn với quyền lợi của nước Anh, và phần khác vì chánh sách thuộc địa độc đoán và vụng về của vua Georges III lúc ấy không những đã vi phạm những quyền lợi kinh tế của hai giai cấp thương gia và địa chủ, mà còn xúc phạm cái truyền thống tự trị của tất cả các thuộc dân Mỹ. Chính sự xúc phạm này đã kết hợp tất cả những tầng lớp Mỹ trong việc chống lại người Anh.

Nhiều năm sau ngày độc lập, một sinh viên đã phỏng vấn một chiến sĩ đã tham dự trận Concord bảy giờ đã thành một cụ già :

« — Đại úy Preston, tại sao ông đã tham dự trận Concord, ngày 19 tháng Tư 1775 ?

— Thưa ông bạn trẻ, cái cảm nghĩ của chúng tôi khi xốc tới oánh bọn lính áo đỏ là như thế này : chúng tôi đã cai trị lấy chúng tôi từ bấy lâu nay và bao giờ chúng tôi cũng nghĩ như vậy. Còn bọn đó lại nghĩ rằng chúng tôi không được làm thế » (1)

Dẫu vậy, lúc khởi đầu những vụ rắc rối về các sắc thuế, không một người Mỹ nào có ý định tách rời khỏi mẫu quốc, như Benjamin Franklin đã nói : « Tôi không bao giờ được nghe trong bất cứ một câu chuyện của bất cứ người nào, dẫu là say hay tỉnh, một lời nói nhỏ nhất nào bộc lộ sự ao ước phân ly (với mẫu quốc) hoặc ám chỉ rằng sự phân ly sẽ có lợi cho nước Mỹ » (2). Họ chỉ dứt khoát tranh đấu khi bị chánh phủ Anh dồn vào chân tường trong vụ phong tỏa và « bỏ đói » thành Boston. Theo John Adams, các nhà cách mạng Mỹ đã « bắt buộc phải hành động mặc dầu không ước muốn » (3). Không muốn, vì họ đều là người Anh, trung thành với quê hương, hơn nữa họ là những người Anh giàu có, đã tạo nên một cơ-

ngiệp và do đó, rất ôn hòa, thận trọng, không thích mạo hiểm phiêu lưu.

Nếu chánh quyền Anh lúc ấy khôn khéo hơn một chút thì chắc chắn cuộc diện đã khác hẳn.

Tuy nhiên, dẫu không muốn phân ly với mẫu quốc, *quyền lợi lâu dài của họ vẫn đòi hỏi sự phân ly*. Và dẫu cho chánh quyền Anh có đối xử với họ thế nào đi nữa, thì một ngày nào đó họ cũng phải phân ly, như trường hợp các nước Gia-nã-đại, Úc, Tân-Tây-Lan sau này. Như vậy sự độc lập của nước Mỹ phải được xem như *sự trưởng thành của một thuộc địa người Anh* : nền độc-lập ấy chỉ hoàn tất nền tự trị mà các thực dân đã có từ lâu do đó nó khác hẳn với *cuộc đấu tranh giành độc-lập của các dân tộc bị đô hộ bởi một dân-tộc khác*. Sự phân ly của nước Mỹ đã không được thực hiện một cách êm thấm chỉ vì một số sự kiện lịch-sử đặc biệt và nhứt thời. Và nếu bản tuyên ngôn độc-lập Hoa-Kỳ đã mặc một hình thức nhân-bản phổ biến còn giá trị đến ngày nay đó chẳng qua là vì các đảng Quốc-Phụ, cũng như những người Âu - Châu, đã chịu ảnh hưởng của các triết - gia Anh Pháp thế-kỷ 18 (4) Tóm lại, cuộc tranh đấu của người Mỹ đã xảy ra do nơi những nguyên nhân lịch sử có tính cách nhất thời và ngẫu nhiên (accidentel)

(1) R.L. Bruckberger : La République américaine, sdd, tr. 49-50.

(2) Clinton Rossier : The first American Revolution, New York, 1956, tr. 4.

(3) Hannah, Arendt sdd, tr, 171.

(4) Chỉ có đoạn đầu (rất ngắn) của bản Tuyên ngôn là có giá-trị phổ biến, vì nó xác định cái lý tưởng tự do bình đẳng của các triết-gia Âu-châu. Đoạn còn lại (rất dài) chỉ nhằm lên án Chánh-quyền Anh thời đó.

và nền độc lập của họ đồng một bản chất với nền độc-lập của các thuộc địa Hy-lạp thời Thượng cổ (1) và của các thuộc địa Anh sau này trong Liên-Hiệp-Anh. Dầu sao, khi đã dám đặt sinh mạng và sản nghiệp của mình trong cuộc phiêu lưu giành độc lập — dầu là vì quyền lợi hay vì lý tưởng và chắc là vì cả hai — các đảng Quốc-Phụ Mỹ đã tỏ ra có một lòng can đảm và một tinh thần công cộng đáng khâm phục.

Và sau khi thâu hồi độc-lập, họ đã thiết lập chế độ Cộng-hòa, vì đây là một hình thức cai trị hợp lý, phù hợp với cái truyền thống tự trị của họ, với tư tưởng của các triết gia Anh-Pháp mà họ đã chịu ảnh hưởng, với những kỷ-niệm về thời đại vàng son của Athènes, La-mã, (nhứt là La mã) mà họ thán phục một cách say mê như mọi người Âu-châu thời đó, và nhứt là với những quyền lợi của giai cấp họ.

Cũng như các nhà Cách-mạng Pháp, các đảng Quốc-Phụ Mỹ đều thuộc giai cấp tư bản, một giai cấp mới được cấu tạo từ thời Phục-Hưng và đã đến giai đoạn trưởng thành trong thế kỷ 18. Quyền lợi căn bản của họ thời ấy là được kinh doanh tự do, trong khuôn khổ những luật pháp bảo vệ quyền tư-hữu (nghĩa là sản nghiệp của họ) và dưới một chánh quyền bảo đảm được sự ổn định, an ninh cần thiết cho việc kinh doanh. Quyền lợi này đòi hỏi một chánh thể quân bình, ở giữa sự thống trị độc đoán của nhà Vua chuyên chính và sự thống trị — cũng độc đoán không kém và nguy hiểm hơn nhiều — của số đông. Do đó, khi có thể hòa giải với nhà Vua và giai cấp quý tộc, họ sẽ đòi thành lập chế độ quân chủ lập hiến như tại Anh, Đức, Áo và tại Pháp,

trong giai đoạn đầu của Cách-mạng. Nếu không thể nào hòa-giải được, họ sẽ lật đổ hẳn nhà Vua, thành lập chế độ Cộng-hòa. Đó là trường hợp của nước Pháp khi Vua Louis XVI phản bội, âm mưu trốn khỏi Balê để cầu cứu với ngoại bang, và của nước Mỹ, khi vua Georges III quyết định dùng vũ lực để trả lời những yêu sách hợp lý của các thuộc dân.

Đến đây, hai cuộc Cách-mạng hoàn toàn giống nhau và chỉ nhằm bảo vệ những quyền lợi chánh trị và kinh tế mà giai cấp tư bản đã chinh phục được chúng là những cuộc Cách mạng theo nghĩa thời Thượng Cổ. Nhưng đến đây, có một khúc quanh quan trọng của cuộc Cách-mạng Pháp : như bà Arendt đã nhận định rất đúng, tại Pháp, các nhà Cách-mạng phe Jacobins đã liên kết với đám dân nghèo, không những vì những đòi hỏi nhứt thời của tình thế mà còn vì lòng thương xót thành thật của họ đối với dân nghèo (2) và họ đã chịu ảnh hưởng quyết định của Rousseau : ba sự kiện ấy đã giúp các nhà Cách mạng Pháp, nhứt là

(1) Khi một đô thị Hy-lạp trở nên quá đông đảo, một số công dân di cư để lập một đô-thị khác gọi là thuộc-địa. Khi còn yếu, thuộc-địa phải lệ thuộc mẫu thị, nhưng khi đã hùng mạnh, thì nó được tự chủ và trở thành đồng-minh.

(2) Chỉ những người phản cách-mạng hoặc có những thành kiến không gột rửa được hoặc chưa bao giờ chịu khó nghiên cứu cuộc Cách-mạng Pháp mới có thể nghi ngờ lòng thương xót thành thật ấy. Tôi đã đọc rất kỹ tất cả những tác phẩm của Robespierre và Saint-Just và tôi cho rằng phải có ác tâm hoặc một trí thông minh dưới mức trung bình mới nghi ngờ được sự thành thật của hai nhà Cách-mạng này.

Robespierre (1), vượt khỏi những quyền lợi của giai cấp tư bản, « triết đề hóa » (radicaliser) cuộc Cách-mạng theo một chiều hướng xã hội và đặt nó vào điểm khởi nguyên của thời đại chúng ta. Nếu Rousseau là nguồn gốc của tư tưởng cách mạng hiện đại thì Ủy ban cứu quốc của Robespierre là nguồn gốc của thực tiễn Cách mạng hiện đại. Từ đây, con thuyền Cách mạng mới thật sự căng buồm nhờ neo, rời khỏi cái bến Thượng Cổ đề bắt đầu cuộc phiêu lưu vòng quanh thế giới, vòng quanh con người, thế giới và con người của thời đại chúng ta, thời giải phóng.

Bên Mỹ trái lại, *con thuyền Cách mạng đã không căng buồm, nhờ neo, mà vẫn nằm ì trên sông Tibre, không chịu rời cái bến an lành của thành Rôma thời Cicéron!* Các nhà Cách mạng Mỹ đã nhìn về La mã như là cái khuôn vàng thước ngọc để tạo dựng nền Cộng hòa Mỹ, giống như Đấng Tạo hóa của Platon đã nhìn lên thế giới ý niệm để nặn ra vũ trụ hữu hình. Bà Arendt đã khen rằng chính cái « kiểu mẫu La mã vĩ đại » đã được các đảng Quốc phụ noi theo « một cách máy móc và gần như mù quáng (tr 294).

Mà chế độ cộng hòa La Mã là gì ? Như Cicéron đã ca ngợi trong quyền « Nền Cộng-Hòa » (de la République) của ông, đó là chế độ « pha chè » (régime mixte), tổng hợp được những ưu điểm của cả ba chánh thể : quyền hành của chế độ quân chủ, uy tín của chế độ quý phái và tự do của chế độ dân chủ. Chế độ pha chè là chế độ tốt nhất vì nó vừa thỏa mãn những đòi hỏi thiết yếu của người cai trị (quyền hành và uy tín), vừa thỏa mãn những đòi hỏi chánh đáng của nhân dân (tự do), cho nên nó là chế độ ổn cố nhất :

« Nếu không có sự quân bình trong đô thị giữa những quyền hạn, những trách nhiệm, khiến cho các viên chức chánh phủ có đủ quyền hành, hội đồng quý tộc có đủ uy tín và nhân dân có đủ tự do, thì chế độ không thể nào ổn cố được » (2).

Thật ra, đây chỉ là một sự hòa giải giữa các giai cấp, một sự hòa giải hết sức khôn ngoan vì một mặt, nó bảo đảm cho cái thiểu số quý tộc, giàu có được mãi mãi nắm giữ quyền bính, mặt khác nó cũng đề cho cái đa số hạ lưu, nghèo khó có được một tiếng nói nhỏ nhoi trong chánh quyền và không bị chèn ép quá độ để có thể làm loạn. Lẽ dĩ nhiên, một chế độ như vậy không dựa trên cái nguyên tắc bình đẳng tuyệt đối giữa các công dân như trong nền dân chủ Athènes, nhưng thực tế mà nói, không thể nào

(1) Thật ra, Robespierre không thuộc về giai cấp tư bản mà là một nhà trí thức nghèo và quyết định sống cuộc đời thanh bạch đạo đức khi bắt đầu làm Cách mạng, trái lại với số đông nhà « Cách mạng » khác đã trở thành giàu có, truy lạc (như Danton). Trong suốt thời gian nắm chánh quyền, ông vẫn sống với đồng lương nghị sĩ và vẫn ở trọ tại một căn phòng nhà ông Duplay. Sau khi bị xử tử, người ta đã đem bán tất cả đồ đạc của ông và thu được 460 quan ! Điều tức cười là các sử gia phản cách mạng đều thù ghét Robespierre chính vì cái nghèo khó đạo đức của ông và đều có cảm tình với Danton về lý do ngược lại...

(2) De la République — Edition Garnier Flammarion, Paris, 1965, tr. 66. Cicéron đã bắt chước cuốn République của Platon về mặt hình thức và một phần không nhỏ về mặt nội dung. Điều khác biệt là ông không mơ mộng một đô thị lý tưởng cho các triết nhân cai trị như Platon, mà cho rằng các đô thị lý tưởng ấy đã có rồi : đó là thành La-Mã, với cái chế độ pha chè !

xem một nhà quý phái giàu có, hiểu sâu, học rộng, tha thiết với việc nước và đóng nhiều thuế cho Quốc-gia, như là « bằng » một chú công dân hạng bét, mù chữ và vô sản, không thể cống hiến cho Nhà nước một cái gì ngoài cái việc đẻ ra những đứa con để đi lính. (1) Như Cicéron viết : « Phải cân những con người, thay vì đếm » (2) : Chế độ dân chủ dựa trên sự đếm, chế độ Cộng hòa dựa trên sự cân.

Nhưng đầu đếm hay cân, dân chủ hay cộng hòa, đó là việc của *những công dân Hy-lạp hoặc La-mã*. Còn *số đông những người nô lệ* thì lẽ dĩ nhiên, họ không có một chỗ đứng nào trong Quốc gia, vì họ không phải là người, mà chỉ là những « dụng cụ sống » như Aristote đã nói, hoàn toàn thuộc quyền « xử dụng và lạm dụng » (*uti et abuti*) của chủ nhân.

Tóm lại, cái « kiểu mẫu vĩ đại » mà các đảng Quốc-phụ Mỹ đã « noi theo một cách máy móc và gần như mù quáng » là một chế độ pha chế trong hình thức, quý phái trong nội dung và dựa trên sự bóc lột tận xương tủy đám đông nô lệ.

Kiểu mẫu này thật là phù hợp với cơ cấu xã hội của các thuộc địa Mỹ trong thế kỷ thứ 18, cũng gồm những thực dân da trắng « tự do » (nghĩa là có một sản nghiệp nào đó để có thể đóng thuế và có quyền đầu phiếu) những cùng đinh da trắng vô sản phải đi làm thuê (không có quyền đầu phiếu) và ở dưới tất cả đám nô lệ da đen. Cho nên không có gì lạ khi các đảng Quốc-phụ đã nhìn về La-mã để thiết lập chế độ Cộng-hòa.

Tuy nhiên, họ đã sống trong thế kỷ 18 của Công nguyên chứ không phải vào thời Thượng Cổ nên họ đã lợi dụng được những tiến bộ của tư tưởng chánh

trị trong thế kỷ đó. Từ thế kỷ 17, sau những cuộc Cách-mạng và nội chiến liên miên, nước Anh đã dần dần ổn định được tình thế bằng cách thực hiện cái chế độ pha chế của Cicéron. Qua thế kỷ sau, John Locke đã « lý-thuyết-hóa » sự pha chế ấy trong nguyên tắc phân quyền và Montesquieu đã đưa cái phương thức phân quyền đến mức độ hoàn hảo trong cuốn *Esprit des Lois*. Montesquieu sống trong thời hiện đại, nhưng tư tưởng của ông chỉ là một bông hoa nở muộn của tinh thần Thượng cổ. Chính Rousseau mới là bông hoa đầu mùa của tinh thần hiện đại.

Các đảng Quốc Phụ Mỹ nhìn về La-mã, cho nên họ chỉ có thể là môn đệ của Montesquieu. Và cái kiểu mẫu La-mã vĩ đại, được hiện-đại-hóa về mặt hình thức bằng phương thức phân quyền, đã đẻ ra bản Hiến-Pháp của nền Cộng hoà Mỹ. Vì thế cuộc Cách mạng của người Mỹ là cuộc Cách mạng cuối cùng theo tinh thần Thượng cổ, chứ không phải là cuộc Cách mạng đầu tiên của thời hiện đại. Sự trùng hợp về thời gian đã khiến người ta lầm lẫn về yếu tính của cuộc Cách-mạng Mỹ. Nhưng không thể nào hiểu được tại sao thế giới đã hoàn toàn lãng quên cuộc Cách-mạng này — khiến cho bà Arendt của tôi cứ ăm ức mãi nếu không xác định lại cái tinh thần « thượng cổ » của nó, nghĩa là một tinh

(1) Đây là nguyên nghĩa của chữ *prolétaire* (vô sản) từ chữ *proles* (con cái) mà ra. Nhà vua Servius Tullius (578-534 trước C.N.) đã dùng chữ *prolétaire* lần đầu tiên để chỉ những người nghèo không có một của cải nào ngoài những đứa con và chỉ có thể « tặng » những đứa con này cho Nhà nước. Xem Cicéron, sách đã dẫn tr. 59.

(2) Sách đã dẫn, tr. 115.

thần hoàn toàn xa lạ với thời đại chúng ta

oOo

Giải phóng hay Tự do ? Đó là câu hỏi căn bản mà chúng ta có thể rút ra từ sự suy nghĩ về cuộc Cách-mạng Mỹ. Nhà giàu đòi tự do, nhà nghèo đòi giải phóng. Không phải vì dân nghèo không tha thiết tới Tự do mà chỉ nghĩ tới cái bụng như bà Arendt đã tưởng lầm, mà chỉ vì họ không thể có tự do thật sự trước khi được giải phóng : đó là kinh nghiệm lịch sử chua cay mà họ đã thấm thập từ hai trăm năm qua. Hiện nay, hai phần ba nhân loại là những người nghèo, cho nên thời đại này là thời đại của giải phóng, không phải của tự do : Giải phóng mỗi dân tộc và giải phóng mỗi con người, để cho mỗi dân tộc, mỗi con người được làm chủ vận mạng của mình, nghĩa là tự do thật sự. Và muốn giải phóng, chỉ có một cách là tranh đấu : tranh đấu với kẻ thống trị, với thiên nhiên, với chính mình. Không ai có thể làm thế cho mình trong việc này : chỉ có dân nghèo mới có thể tranh đấu để giải phóng dân nghèo. Và muốn tranh đấu có hiệu quả, phải kết hợp với nhau thành một khối thuần nhất, phải chấp nhận những quy luật khắt khe, nghĩa là phải hy sinh tự do cá nhân để thiết lập tự do của tập thể. Vì tự do của tập thể là nền tảng vững chắc nhất của tự do cá nhân, không phải tự do của vài cá nhân mà tự do của mỗi cá nhân. Khi dân tộc bị lệ thuộc, tự do của mỗi người chỉ là một ảo tưởng. Và muốn thoát khỏi vòng lệ thuộc, không phải chỉ cần ban hành một Hiến-Pháp, bầu một ông Tổng Thống và một Quốc Hội là đủ. Chưa có giải phóng mà đòi tự do, thì đó chỉ có thể là tự do của một thiểu số

và ngay cái tự do này cũng là một ảo tưởng.

Người Mỹ đã làm một cuộc Cách mạng của nhà giàu, nghĩa là thiết lập tự do ngay từ lúc khởi nguyên mà không bận tâm với vấn đề giải phóng. Họ đã thành công vì từ lúc khởi nguyên, người nghèo bên xứ họ (kể luôn đám da đen nô lệ) vẫn là một thiểu số và ngoại trừ đám nô lệ da đen, bất cứ người nghèo nào, trước cái lục địa mênh mông chưa khai thác, đều có hy vọng trở nên giàu. Đối với người Mỹ, tự do cá nhân, nền tảng của các định chế Hoa Kỳ, có một giá trị hiển nhiên, vì như là Arendt đã nhận định rất đúng, tự do đòi hỏi một khoảng trống và trên xứ Mỹ, trong hai trăm năm qua, bao giờ cũng còn một khoảng trống nào đó cho một cá nhân nào đó. Có thể nói rằng, trong thời gian ấy, vấn đề của nước Mỹ là tìm cho đủ cá nhân để chiếm giữ những khoảng trống trải dài từ Đại-tây-dương tới Thái-bình-dương. Nhưng cái khoảng trống mỗi ngày một thu hẹp trước số người mỗi ngày một đông hơn và ngày nay, hình như không còn một khoảng trống nào nữa cho 30 triệu người nghèo vừa trắng vừa đen còn sót lại. Chính những người này sẽ đặt những định chế Hoa-kỳ thành vấn đề vì những định chế này đã tỏ ra không có khả năng giải quyết vấn đề của họ là vấn đề giải phóng — và riêng cho người da đen, giải phóng tập thể. Cái thảm kịch của họ là bây giờ cũng như vào lúc khởi nguyên, họ vẫn là một thiểu số !

Nền Cộng hòa Mỹ đã thành công trong quá khứ vì đã được thiết lập trong một hoàn cảnh độc nhất vô nhị trên thế giới và trong lịch sử, với những

điều kiện không thể được thực hiện tại bất cứ một nơi nào khác. Nhưng người Mỹ vẫn tin rằng nền Cộng-hòa của họ có một giá trị phổ biến, trường cửu, do đó, luôn luôn sẵn sàng « xuất cảng » nó ra các nước ngoài. Và tại các nước khác, luôn luôn có một thiểu số giàu sang sẵn sàng « nhập cảng » cái của quý ấy, thiết lập một nước Hoa-Kỳ lô-canh con con và giả hiệu trên đầu trên cổ đám dân nghèo. Những nước Hoa Kỳ lô-canh này đã gây ra những thảm trạng nào tại Châu Mỹ La Tinh, chắc mọi người đã rõ.

Cho nên vấn đề căn bản của các dân tộc nghèo đói là phải lựa chọn dứt khoát giữa giải phóng và tự do, nghĩa là giữa cái đòi hỏi tha thiết của đại đa số và cái đòi hỏi đủ đởn của một thiểu số, giữa cuộc Cách mạng giả hiệu của nhà giàu và cuộc Cách mạng thật sự của nhà nghèo, giữa thời Thượng - cổ và thời hiện đại, giữa Washington và Robespierre.

18-11-68.

LÝ CHÁNH TRUNG

SÁCH MỚI

— **Mưa mát tình tập thơ của Đặng Tấn Tới** do tạp chí Vận Động xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ ấn loát rất mỹ thuật, dày 108 trang, gồm trên 40 bài thơ và nhiều phụ bản của chính tác giả. Bản quý.

— **Vũng sâu tập thơ của Lữ Hùng Anh**, do Bến Ngự xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, dày 24 trang, gồm 16 bài thơ, giá 22đ.

— **Làng xóm Việt-Nam (Nếp cũ)** của Toan Ánh, do tác giả và Cơ sở Phạm Quang Khai gửi tặng. Sách dày 476 trang thuộc bộ sách « Nếp cũ », gồm 3 phần lớn: Diện hình và tổ chức làng xóm, Sinh hoạt, Tế tự. Có phụ bản của các nhiếp ảnh gia: Cao Đàm, Cao Linh, Mạnh Đan, Trần Lê Sinh. Giá 380đ.

— **Ngọn pháo bông** (Tan trên lưng gió) truyện dài của Nguyễn thị Thụy Vũ do Hiện Đại xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 186 trang. Bản đặc biệt.

NÓ ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐANG TIN CẬY:

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỜ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại.

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC